

Chương 8

ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TỈNH SÓC TRĂNG

Lịch sử hình thành tỉnh Sóc Trăng gắn liền với lịch sử mở mang bờ cõi của cha ông và lịch sử hình thành Nam Bộ. Sau khi Mạc Cửu chiêu tập lưu dân người Hoa, Khmer và Kinh khai phá nên 7 thôn và xin nhập vào xứ Đàng Trong của chúa Nguyễn năm 1708 (có tài liệu ghi năm 1714) đến năm 1757 công cuộc khai phá và mở mang bờ cõi Nam Bộ cơ bản hoàn thành. Chúa Nguyễn Phúc Khoát lập đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang và đạo Châu Đốc. Sóc Trăng thuộc đạo Châu Đốc.

Theo các tài liệu còn lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng như: *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ* của Huỳnh Lứa, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* của Sơn Nam, *Những sử liệu mới về Sóc Trăng* của Nguyễn Phan Quang,... quá trình hình thành và phát triển địa giới hành chính Sóc Trăng từ xa xưa đến nay có thể tạm chia thành 6 thời kỳ:

I. THỜI KỲ ĐẦU

Khoảng 2.500 năm trước, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất đang hình thành, quá trình bồi tụ còn dang dở, chưa có người định cư. Những di chỉ của nền văn hóa Óc Eo đầu công nguyên đến thế kỷ VII cho thấy tại đây đã có cư dân cổ sinh sống. Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVII, chiến tranh giữa các nước trong khu vực như Đại Việt, Chăm-pa, Xiêm và Chân Lạp làm nhiều lưu dân của các nước này phiêu dạt dần xuống phía nam vốn là vùng đất mới và trở thành cư dân tự do ở Đồng bằng sông Cửu Long. Từ khi nền văn hóa Óc Eo sụp đổ đến thế kỷ XVII, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng hoang vu, dân cư thưa thớt, họ cư trú chủ yếu trên các vùng có nền đất cao được hình thành trước do những kiến tạo địa lý và tác động của sông, biển, đó là các giồng đất nổi lên giữa vùng nước mênh mông và nhiễm mặn. Nền kinh tế tự cấp, tự túc dựa vào nông nghiệp, hái lượm, săn thú, bắt cá. Họ sản xuất bằng khai phá mớ đất đai, trồng lúa và rẫy quanh nơi định cư. Nhìn chung, các sử liệu về

thời kỳ này rất ít và chưa rõ ràng, cụ thể về Sóc Trăng.

II. THỜI CHÚA NGUYỄN: LẬP TRẦN DI ĐẠO - ĐỊA DANH VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐẦU TIÊN CỦA TỈNH

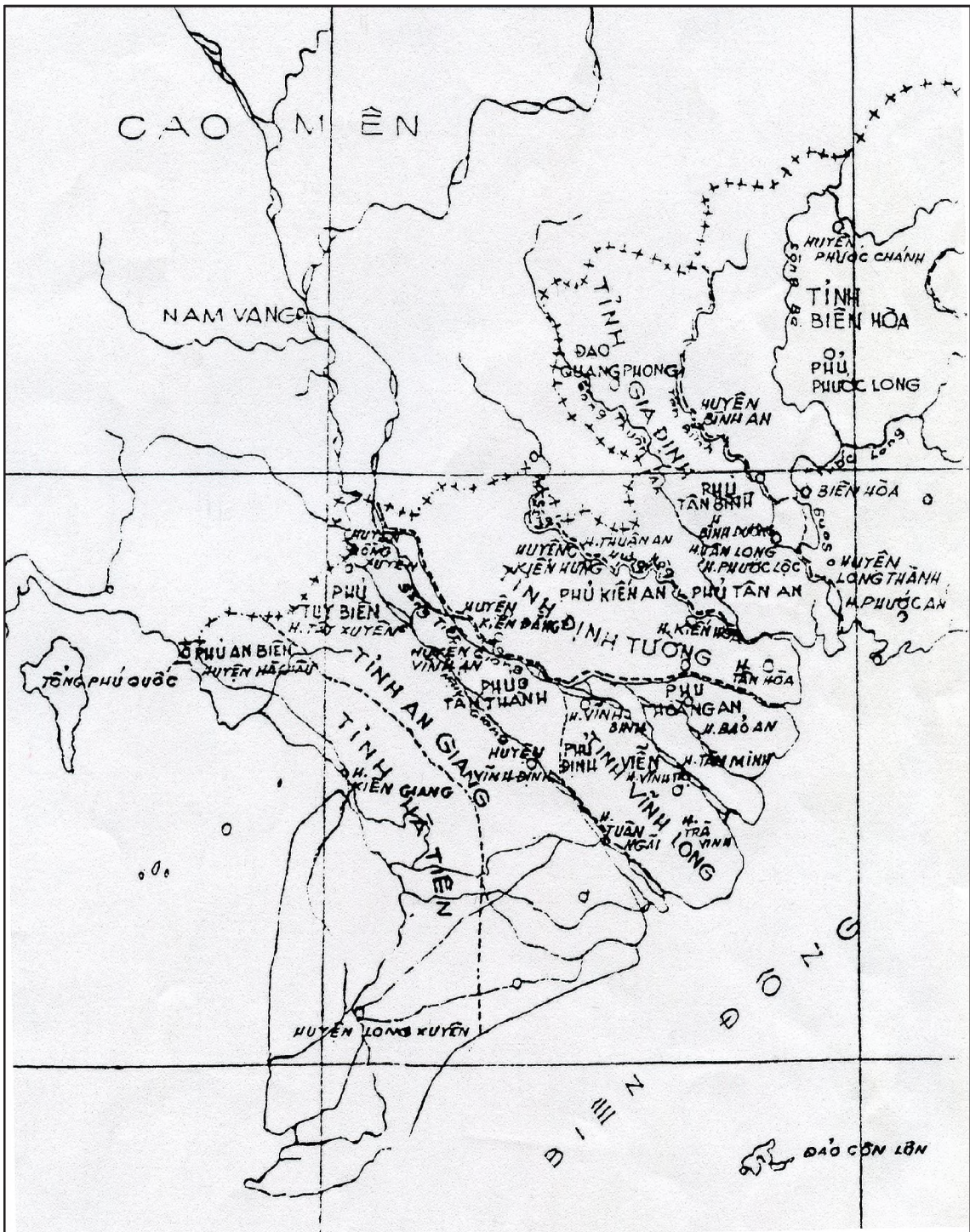
Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định gồm xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên và xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn. Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là vùng Nam sông Hậu, bấy giờ còn hoang vắng. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bộ, và ký lục để quản trị. Phủ Gia Định hay đất Nông Nại khi ấy gồm chung cả Nam Bộ, đất đai đã được khai mở nghìn dặm và có hơn 4 vạn dân. Nguyễn Hữu Cảnh chiêu mộ những lưu dân từ Bỏ Chánh trở vào Nam đến ở khắp nơi, đặt ra phường, ấp, xã, thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chia nhau chiếm ruộng đất, xác định thuế đinh điền và lập sổ bộ tịch đinh điền.

Ở Trung Quốc, sau khi nhà Thanh diệt nhà Minh, năm 1679 tướng nhà Minh là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên đem hơn 3.000 quân vào hàng chúa Nguyễn Phúc Tần. Chúa cho Trần Thượng Xuyên đến Bàn Lâu (nay thuộc Biên Hòa) và Dương Ngạn Địch đến Mỹ Tho khai phá đất hoang làm ăn sinh sống. Trong dòng người sang Việt Nam có Mạc Cửu đến vùng đất Mang Khảm (tức vùng thương cảng Hà Tiên) năm 1695 chiêu lập cư dân khai khẩn đất hoang; sau đó một thời gian các thương thuyền đến Hà Tiên

mua bán tập nập, hải cảng trở nên phồn thịnh. Năm 1711, Minh vương Nguyễn Phúc Chu chính thức đặt tên cho phần đất này là Hà Tiên trấn. Năm 1714, Chúa thành lập trấn Hà Tiên gồm các đạo là Hà Tiên, Phú Quốc, Long Xuyên (Cà Mau ngày nay), Kiên Giang, Châu Đốc... và phong Mạc Cửu làm Tổng binh. Năm 1735, Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tứ (Tích) là con của Mạc Cửu kế nghiệp cha và được chúa Nguyễn phong làm Tổng binh đại đô đốc của trấn Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ tiếp tục sự nghiệp của cha, củng cố vùng Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau, rồi từ Rạch Giá tiến qua phía đông. Và năm 1737, lập Trấn Di - nằm ở hữu ngạn sông Ba Thắc (bao gồm vùng đất Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau ngày nay). Tiếp đó lập thêm Trấn Giang (thuộc vùng đất Cần Thơ và An Giang ngày nay). Trung tâm hành chính của Trấn Di đặt tại Đại Ngãi ngày nay, vì nơi đây thuận lợi về giao thông thủy, bộ, vừa gần cửa sông tiện cho việc kiểm soát và thu thuế. Trấn Di là địa danh, là đơn vị hành chính đầu tiên của vùng đất Sóc Trăng.

III. THỜI TRIỀU NGUYỄN - HÌNH THÀNH PHỦ BA XUYỀN

Năm 1772, quân Xiêm đánh Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ rút về Trấn Giang cố thủ. Năm 1777, quân Tây Sơn kéo vào Nam đánh Chúa Nguyễn, Chúa rút về Trấn Giang. Sau đó hai bên giành giết nhau làm chủ Sài Gòn. Quân Nguyễn nhiều lần bị đánh bại. Trong các lần bôn tẩu lánh nạn Nguyễn Ánh nhiều lần xuống đến vùng Long Phú, Cù Lao Dung, Mỹ Thanh và ra hải đảo.



Bản đồ Nam Bộ thời phủ Gia Định các chúa Nguyễn - Vĩnh Long năm 1714
(Nguyễn Đình Đầu: *Địa bạ triều Nguyễn*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994)

Khi Nguyễn Huệ chết, Nguyễn Ánh phản công thắng lợi và lên ngôi vua.

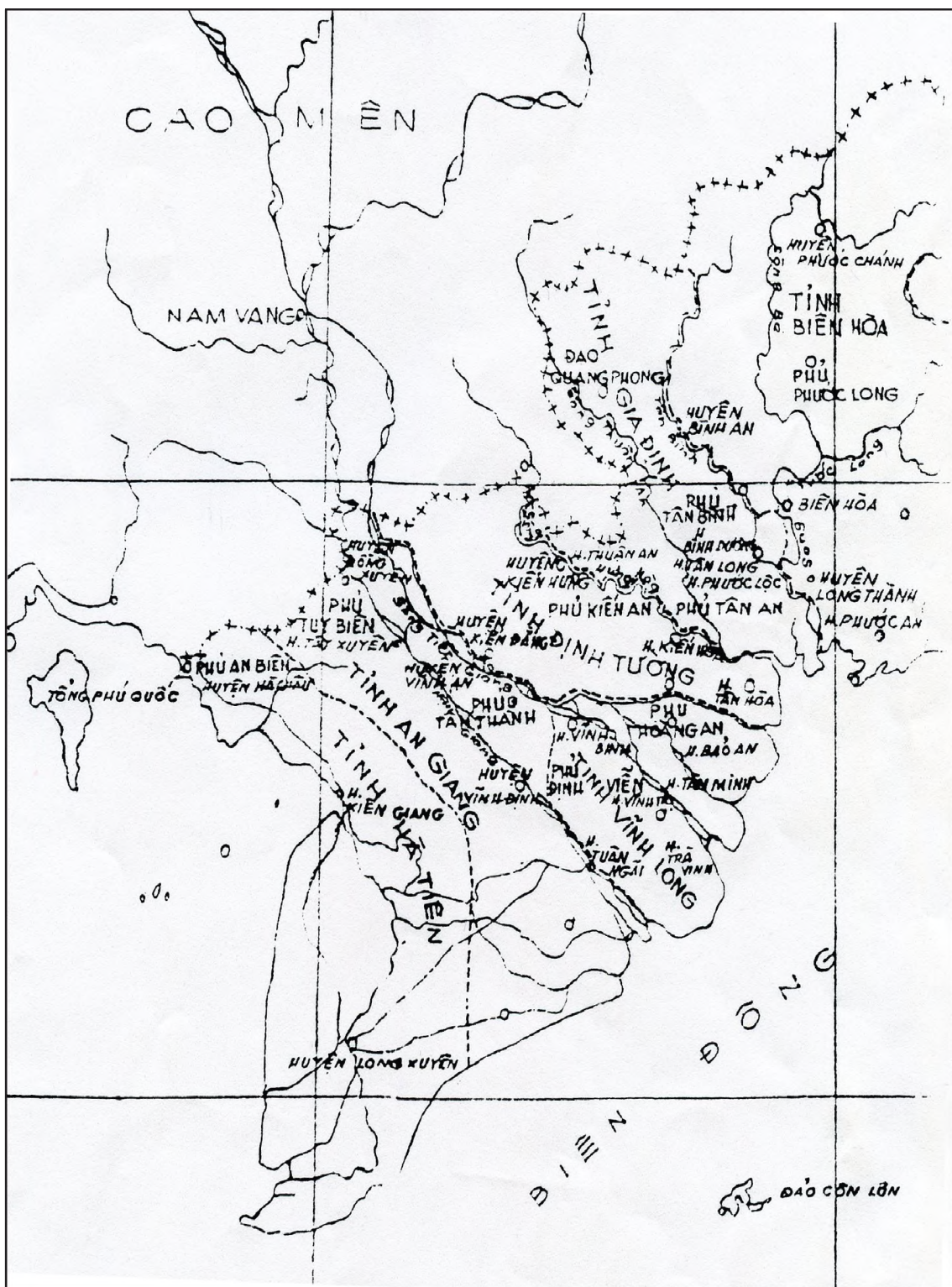
Năm 1802, vua Gia Long chia đất Gia Định thành ngũ trấn là Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Tường, Hà Tiên, Vĩnh Thanh. *Đất Sóc Trăng bấy giờ là một phần huyện Vĩnh Định của phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh*. Toàn huyện Vĩnh Định có 37 thôn, điểm; dân cư thưa thớt không lập tổng được. Vùng Sóc Trăng đã lập được các thôn như An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Hòa Mỹ, Đại Hòa, Đại Hữu, An Lạc...

Theo *Gia Định thành Thông chí* của Trịnh Hoài Đức, vào năm Mậu Thìn (năm 1808), niên hiệu Gia Long thứ 7, Châu Định Viễn được nâng lên thành phủ Định Viễn, lãnh 4 huyện: Vĩnh Bình, Vĩnh An, Vĩnh Định, Tân An; huyện Vĩnh Định trong đó có vùng Ba Thắc (Sóc Trăng) được Trịnh Hoài Đức mô tả như sau: “Huyện Vĩnh Định phía đông giáp biển, phía tây giáp Phủ Nam Vang, Định Quỳnh và Chân Sâm của Cao Miên, nam giáp đất Kiên Giang, Long Xuyên (nay là Cà Mau) trấn Hà Tiên, khởi từ thượng khẩu sông Hậu, trải qua sông Châu Đốc và hạ khẩu mới đào của sông Vĩnh Tế, đến hạ khẩu Thụy Hà, luôn đến Ba Láng, Bãi Xàu, ra cửa biển Mỹ Thanh làm giới hạn, phía bắc giáp hai tổng Vĩnh Trinh, Vĩnh Trường huyện Vĩnh An (tức vùng Sa Đéc ngày nay) và tổng Bình Chánh huyện Vĩnh Bình (tức vùng Vĩnh Long ngày nay) lấy thượng khẩu sông Hậu đến bờ Nam con sông ấy ở nơi cửa biển Ba Thắc làm giới hạn. Huyện này địa giới tuy rộng, nhưng dân cư chưa

đông, nên chưa chia ra làm tổng, cộng 37 thôn, điểm”¹.

Từ đời vua Minh Mạng, đất Sóc Trăng được đẩy mạnh việc khẩn hoang nhờ các chương trình đồn điền của nhà vua mà lưu dân và binh sĩ người Kinh tụ về đất này khẩn hoang lập nghiệp. Nhà nước khuyến khích người đi khai hoang dưới 2 hình thức là lập đồn điền và lập ấp. Dân mộ làm đồn điền thì 50 người làm 1 đội, 500 người làm 1 cơ. Dân mộ lập ấp thì cần đủ 10 người trở lên, cho phép tùy chỗ khai khẩn. Người nào mộ đủ một đội thì bổ thụ làm chánh đội trưởng, đủ một cơ bổ thụ cai đội phó quản cơ. Sau khi sản xuất ổn định, 1 đội làm 1 ấp, 1 cơ làm 1 tổng. Quản cơ, suất đội đều lãnh chức tổng trưởng, ấp trưởng. Lưu dân người Kinh đến sinh sống đông dần lên. Họ định cư dọc theo bờ nam sông Bassac rồi chen lẫn với người Hoa và Khmer như ở Bãi Xàu, Trường Kế, Châu Tâm, Tài Sum. Nhiều thôn mới thuần Việt hoặc cư trú xen lẫn người Kinh - Hoa - Khmer đã được lập nên như An Khánh thôn ở xứ Trà Niên, An Thạnh Nhứt thôn, An Thạnh Nhì thôn ở Cù Lao Dung, Châu Hưng thôn ở xứ Hoa Sen, Châu Khánh thôn ở xứ Cái Tốt, Đại Hòa thôn ở xứ Mỹ Thanh, Đại Hữu thôn ở xứ Đại Xuyên, Phong Phú thôn ở Cù Lao Lộc, Phú Hữu thôn ở Ba Xuyên... Năm 1830, vùng Sóc Trăng lập được 1 tổng với 11 thôn có 2.178 mẫu diện tích canh tác, 62 mẫu 5 sào thổ cư. Đó là tổng Định Khánh thuộc huyện

1. Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành Thông chí*, Sài Gòn, 1972.



Bản đồ hành chính Nam Kỳ lục tỉnh thời nhà Nguyễn năm 1836
Nguyễn Đình Đầu: *Địa bạ triều Nguyễn - Vĩnh Long*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

Vĩnh Định, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Tổng Định Khánh có 11 thôn là Châu Hưng, Đại Hòa, Phú Hữu, Châu Khánh, Đại Thạnh, An Khánh, Phong Phú, Đại Hữu, Hòa Mỹ, An Thạnh Nhì, An Thạnh Nhứt.

Năm 1832, vua Minh Mạng chia thành Gia Định làm sáu tỉnh là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Tỉnh An Giang xưa bao gồm đất Sóc Trăng, Long Xuyên, Cần Thơ, Rạch Giá, Hà Tiên, Bạc Liêu, Trà Vinh, Châu Đốc hợp thành, tỉnh lỵ ở Châu Đốc. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí, năm 1835 vua Minh Mạng lấy đất Ba Thắc đặt thêm làm phủ Ba Xuyên và đặt ba huyện: Phong Nhiêu, Phong Thạnh và Vĩnh Định thuộc theo đó. Như vậy, Sóc Trăng hồi đó là 1 phủ tên Ba Xuyên thuộc tỉnh An Giang, phủ lỵ đặt tại thôn Hòa Mỹ thuộc Bãi Xàu. Phủ Ba Xuyên có 3 huyện: Vĩnh Định, huyện lỵ đặt ở Đại Ngãi, Phong Thạnh huyện lỵ ở Nhu Gia, Phong Nhiêu huyện lỵ ở Bãi Xàu. Năm 1835 được coi là năm thành lập phủ Ba Xuyên.*

Năm 1853, tỉnh An Giang có 3 phủ 9 huyện. Đất Sóc Trăng là phủ Ba Xuyên thuộc tỉnh An Giang có 2 huyện Phong Nhiêu và Vĩnh Định gồm 7 tổng 36 thôn, trong đó huyện Phong Nhiêu có 3 tổng 17 thôn, huyện Vĩnh Định có 4 tổng 19 thôn.

Năm 1859, thành Gia Định được chia thành 3 quận gồm 6 tỉnh là: quận Định Biên có 2 tỉnh Gia Định và Biên Hòa; quận Long Tường có 2 tỉnh Định Tường và Vĩnh Long; quận An Hà có

2 tỉnh An Giang và Hà Tiên. Đất Sóc Trăng là phủ Ba Xuyên, phủ lỵ nằm ở Bãi Xàu thuộc tỉnh An Giang, quận An Hà. Phủ Ba Xuyên có 3 huyện Phong Nhiêu, Vĩnh Định, Phong Thạnh với 11 tổng 140 thôn, làng. Huyện Vĩnh Định có huyện lỵ đóng tại Đại Ngãi gồm 4 tổng: Định Khánh, Định Mỹ, Định Hòa, Định Chí với 59 thôn, làng; trong đó có 40 thôn, làng người Kinh, 19 thôn, làng người Khmer. Huyện Phong Thạnh có huyện lỵ đóng ở Nhu Gia gồm 3 tổng: Thạnh Hưng, Thạnh Hòa, Thạnh An với 44 thôn, làng trong đó có 21 thôn, làng người Kinh, 23 thôn, làng người Khmer. Huyện Phong Nhiêu gồm 4 tổng: Nhiêu Hòa, Nhiêu Phú, Nhiêu Khánh, Nhiêu Mỹ với 37 thôn, làng trong đó có 8 thôn, làng người Kinh, 29 thôn, làng người Khmer.

IV. THỜI PHÁP THUỘC VỚI SỰ HÌNH THÀNH HẠT BA XUYỀN VÀ TỈNH SÓC TRĂNG

1. Sự hình thành hạt Ba Xuyên

Năm 1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định, năm 1862 nhà Nguyễn cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho Pháp. Năm 1867, Pháp chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ là Hà Tiên, Vĩnh Long, An Giang.

Từ năm 1862 đến năm 1875, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên 6 tỉnh ở Nam Kỳ như thời Nguyễn nhưng lần lượt xóa bỏ các phủ, huyện để lập các khu hành chính mới gọi là các khu thanh tra đặt dưới quyền cai trị của các viên chức người Pháp. Năm 1868, Sóc

Trăng, bây giờ là hạt Ba Xuyên của tỉnh Châu Đốc, cai quản phủ Ba Xuyên và 2 huyện Phong Thạnh, Phong Nhiêu, có lý sở đặt tại Sóc Trăng, Đại Ngãi ngày nay, nguyên là cửa sông Ba Xuyên cổ.

Tháng 6-1871, chính quyền thực dân Pháp xóa bỏ 7 trong 25 khu thanh tra của Nam Kỳ, chỉ còn lại 18 khu thanh tra trong đó có khu thanh tra Sóc Trăng. Các khu thanh tra là tiền thân của các tỉnh sau này. Lúc này vùng Sóc Trăng thuộc phủ Ba Xuyên, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1873, diện tích khai phá sản xuất có 4.368ha.

Tháng 6-1871, vùng Cà Mau tách khỏi Rạch Giá nhập vào hạt Sóc Trăng, nhưng 6 tháng sau hoàn lại Rạch Giá.

Ngày 5-1-1876, Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Nam Kỳ ra nghị định phân chia Nam Kỳ thành 4 khu vực, mỗi khu vực chia thành nhiều khu hành chính gọi là hạt. Khu vực Sài Gòn gồm các hạt: Sài Gòn, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa; khu vực Mỹ Tho gồm các hạt: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Chợ Lớn; khu vực Vĩnh Long gồm các hạt: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sa Đéc; khu vực Bassac gồm các hạt: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Trà Ôn, Sóc Trăng.

Hạt Sóc Trăng tương đương với vùng đất phủ Ba Xuyên thuộc tỉnh Châu Đốc cũ đặt lý sở ở Sóc Trăng, nơi có tòa bố, bưu điện, trường tiểu học. Các trạm chính là Sóc Trăng, Trường Kế, Đại Ngãi, An Thạnh Nhứt, Bắc Trăng, Cổ Cò, Bạc Liêu. Có 3 chợ lớn ở Sóc Trăng, Bãi Xàu, Bạc Liêu. Dân

số tổng cộng 55.935 người, trong số đó có 19.259 người Kinh, 1.769 người Đỉnh Việt, 29.553 người Khmer, 2.127 người Đỉnh Khmer, 3.226 người Hoa, 1 người Âu¹. Hạt Sóc Trăng có 11 tổng với 144 làng. Tổng Định Khánh có 17 làng, tổng Định Mỹ có 18 làng, tổng Định Chí có 18 làng, tổng Định Hòa có 9 làng, tổng Nhiêu Khánh có 10 làng, tổng Nhiêu Mỹ có 8 làng, tổng Nhiêu Phú có 7 làng, tổng Nhiêu Hòa có 10 làng, tổng Thạnh An có 18 làng, tổng Thạnh Hưng có 12 làng, tổng Thạnh Hòa có 17 làng. Lúc này chính thức có địa danh hạt Sóc Trăng. Diện tích đất sản xuất vào năm 1880 là 74.151ha, năm 1890 là 154.939ha, đứng đầu Nam Kỳ.

Ngày 18-12-1882, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định tách 2 tổng Thạnh Hòa, Thạnh Hưng của Sóc Trăng và 3 tổng Long Thủy, Quảng Long, Quảng Xuyên của Rạch Giá lập thành hạt Bạc Liêu thuộc vùng Bassac.

Nghị định của toàn quyền Đông Dương ngày 27-12-1892 quy định Nam Kỳ có 2 thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn và 20 khu trong đó có Sóc Trăng. Năm 1894, hạt Sóc Trăng có tổng dân số 67.267 người. Thành phần dân cư lúc này: Kinh 32.952 người, Khmer 29.337 người, Hoa 4.871 người, Ấn Độ 22 người, Pháp 35 người... Thời gian này, về cơ cấu dân số người Kinh

1. Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - An Giang (An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Sóc Trăng)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr. 1993.

chiếm đa số, vượt người Khmer (tạm coi là người bản địa). Người Kinh phần lớn sống bằng nghề nông và chài lưới. Dân chài lưới thường tụ tập ven biển và ven sông Hậu như Long Phú, Bãi Giá, Cái Côn. Theo tập quán người Khmer thường cư ngụ thành từng phum sóc trên các giồng cát gần chùa và nhiều nhất tại Mỹ Xuyên, Lịch Hội Thượng, Long Phú. Nghề nghiệp chính của người Khmer là làm ruộng, làm rẫy, đánh cá và làm thuê. Người Hoa hầu hết có gốc từ Quảng Đông, Triều Châu sang. Họ sống tập trung tại tỉnh lỵ, quận lỵ, các thị tứ; sống bằng thương mại buôn bán. Một số ít người Hoa sống bằng nghề làm rẫy, làm muối ven tỉnh lỵ và quận lỵ. Diện tích Sóc Trăng là 211.300ha, trong đó đã khai phá trồng trọt được khoảng 75.490ha. Hạt Sóc Trăng có 9 tổng với 97 làng được thống kê như sau:

- *Tổng Định Khánh* có 16 làng: An Lạc Thôn, An Trinh, An Lạc Tây, An Mỹ, An Nghiệp, Ba Trinh, Đại An, Kế Sách, Khả Phú Tây, Mỹ Hội, Ninh Thới, Nhơn Mỹ, Phong Nấm, Phú Nô, Thế Nghiệp, Trường Kế.

- *Tổng Định Mỹ* có 12 làng: Bang Long, Đại Đông, Đại Hữu, Đào Viên, Hội Bình, Hưng Đức, Hữu Đức, Lịch Hội Thượng, Lịch Hội Trung, Long Điền, Tà Liêu, Tú Diêm.

- *Tổng Định Hòa* có 12 làng: An Bình, An Thạnh Nhứt, Khả Phú, Nhơn Hậu, An Thạnh Nhì, Đại Ngãi, Hòa Bình, Hữu Thành, Phú Hữu, Phụng Sơn, Phụng Tường, Thái Hòa.

- *Tổng Định Chí* có 14 làng: An Ca, An Nô, Chấn Văn, Châu Khánh, Châu Thanh, Châu Thanh Tây, Hưng Ngôn, Hưng Thạnh, Hưng Thới, Mỹ Xuyên, Tân Lịch, Tài Công, Tân Hội, Tế Thới.

- *Tổng Nhiều Phú* có 6 làng: Lâm Gia, Phong Lạp, Sô La, Tá Biên, Tầm Lắc, Thị Phụng.

- *Tổng Nhiều Khánh* có 9 làng: An Tập, Lai Tâm, Chung Đôn, Nhâm Lăng, Khánh Hưng, Ôi Lôi, Phước Lai, Sung Đình, Văn Trật.

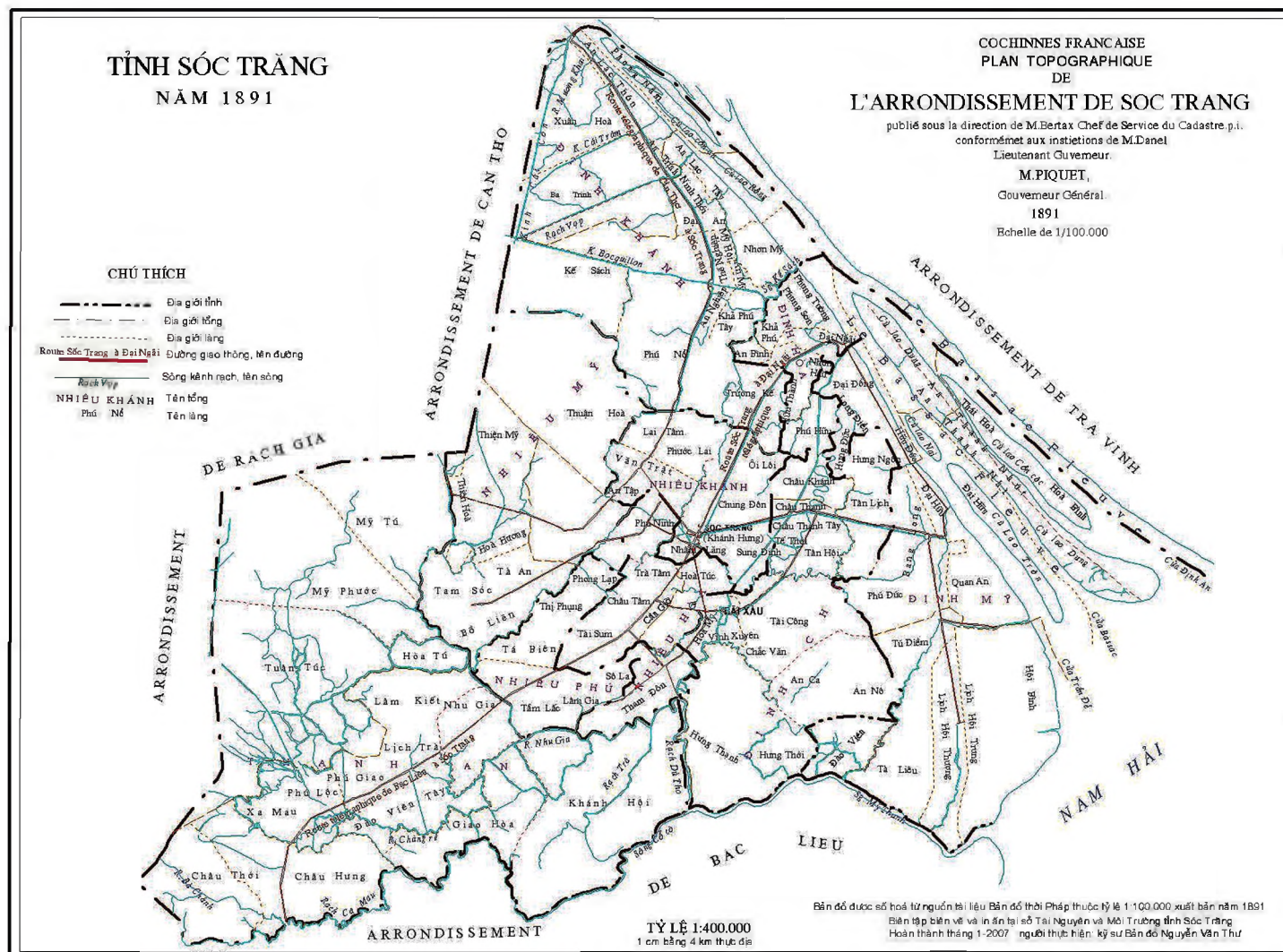
- *Tổng Nhiều Mỹ* có 7 làng: Bô Liên, Hòa Hương, Tà An, Tam Sóc, Thiện Hòa, Thiện Mỹ, Thuận Hòa.

- *Tổng Nhiều Hòa* có 7 làng: Càn Giờ, Tài Sum, Châu Tâm, Hòa Đức, Phú Ninh, Tham Đôn, Trà Tâm.

- *Tổng Thạnh An* có 14 làng: Châu Hưng, Châu Thới, Đào Viên Tây, Giao Hòa, Hòa Tú, Lâm Kiết, Lịch Trà, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Nhu Gia, Phú Giao, Phú Lộc, Tuân Túc, Xa Mau.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tỉnh Sóc Trăng có 3 đô thị tập trung dân cư đông đúc, kinh tế và thương mại phát triển mạnh là Sóc Trăng, Bãi Xàu, Đại Ngãi. Ngoài ra còn 3 trung tâm dân cư khác là Bó Tháo, Phú Lộc, Tà Liêu.

+ Sóc Trăng là đô thị tỉnh lỵ nằm giữa vùng đồng bằng đất nhiễm mặn. Đường phố rộng rãi, có chợ sầm uất nằm bên bờ con sông lớn chảy vắt ngang tỉnh lỵ là rạch Cô Giang. Cũng như các trung tâm hành chính khác của Nam Kỳ, mọi cơ quan công ích đều tập trung ở đây như tòa thị chính,



Bản đồ tỉnh Sóc Trăng năm 1891

tòa án, bưu điện, thuế quan - công quán, công chánh, quân đội. Sở Y tế vệ sinh có nhà thương xây dựng năm 1888. Có nhiều trường học, nhà máy xay lúa, có nhà máy điện để thắp sáng công cộng và cho gia đình công chức của tỉnh lỵ Sóc Trăng và Bãi Xàu. Khu nhà ở của các gia đình công chức là những khu phố lớn, sáng đèn, sạch, đầy cây xanh bóng mát.

+ Trung tâm thương mại Bãi Xàu là trung tâm thương mại quan trọng nhất của tỉnh và vùng Hậu Giang; có 6.000 dân. Có những thương nhân lớn của Sài Gòn và Chợ Lớn đến trung tâm mua lúa gạo và nhiều nông sản hàng hóa khác như cá khô. Ngược lại, hằng tháng có khoảng 250 ghe thuyền chở vào cảng bán trái cây, vải lụa, đồ gốm, trà, thuốc bắc và đồ gia dụng. Trung tâm dân cư này có một nhà máy nấu rượu, một nhà làng là nơi làm việc của hương chức hội tề, có bưu điện. Nơi đây có nhiều con đường đẹp và nhiều cửa hàng buôn bán của người Hoa, nhiều ngôi chùa lớn. Về giao thông đường thủy, thường xuyên có tàu của hãng thủy vận đường sông chạy tuyến Đại Ngãi đi Bạc Liêu ghé qua. Thời nhà Nguyễn chia Nam Kỳ thành 6 tỉnh, đất Sóc Trăng còn là phủ Ba Xuyên thuộc tỉnh An Giang, lỵ phủ Ba Xuyên ở Bãi Xàu cũng là trung tâm đất Ba Xuyên.

+ Trung tâm thương mại Đại Ngãi trước đây gọi là Vàm Ba, Vàm Tấn, là một ngôi chợ rất quan trọng nằm ở bờ phải sông Hậu, trước mặt là Cù Lao Dung, ngay đường vào rạch Ba Xuyên. Xưa kia Đại Ngãi là nơi những con tàu

lớn nhỏ từ Trung Quốc, Xingapo, Thái Lan, Campuchia và một số nơi khác đến mua gạo, lụa, bông vải, cá khô, nước mắm, đồ gốm, sừng trâu, ngà voi, lông chim. Từ Đại Ngãi có đường bộ dài 21km về Sóc Trăng đi qua những cánh đồng lúa mênh mông và một số làng mạc người Kinh và người Khmer. Có đường sông theo rạch Ba Xuyên về Sóc Trăng, Bãi Xàu. Rạch này rất lớn quanh co, qua nhiều làng mạc nay đã bị lạng, bồi lấp. Đa số cư dân ở đây là người Kinh, khoảng 220 người Kinh và trên 80 người Hoa. Đại Ngãi có 205 cư dân có đăng ký sổ bộ (đóng thuế thân).

+ Trung tâm thương mại Bồ Tháo cách Sóc Trăng một con lộ 9km, có một ngôi chợ buôn bán lúa gạo lớn. Nằm trên giồng đất cao, làng Bồ Tháo trải dài rất xa. Nơi này những đồng ruộng được canh tác tốt nhất. Cư dân ở đây chủ yếu là người Kinh và Khmer, người Hoa rất ít. Đầu thế kỷ XX, trung tâm thương mại này đã có nhiều đường phố rộng rãi, nhà cửa khang trang của các chủ tiệm người Hoa. Tại đây còn có một trường học hàng tổng.

+ Trung tâm thị tứ Phú Lộc là địa danh cách xa Sóc Trăng, hồi đó phải đi ghe xuống từ 7 đến 8 giờ mới tới. Trung tâm dân cư Phú Lộc nằm hai bên bờ con rạch Chạn. Cư dân ở Phú Lộc đa số là người Kinh. Phú Lộc có 250 cư dân có đăng ký sổ bộ. Phú Lộc có một nhà máy nấu rượu do một người Pháp quản lý, một trường học hàng tổng.

+ Trung tâm thị tứ Tà Liêu nằm ở phía nam tỉnh Sóc Trăng trong tổng Định Mỹ và là trung tâm dân cư xa

nhất tỉnh. Tà Liêu không có gì đặc sắc, chỉ là nơi dân cư đông đúc, hầu hết là người Khmer. Đây là một ngôi làng với 245 người dân có đăng ký sổ bộ.

2. Sự hình thành tỉnh Sóc Trăng

Ngày 1-1-1900 Pháp bãi bỏ hạt thành lập tỉnh Sóc Trăng thuộc Nam Kỳ. Năm 1900, dân số có 105.000 người, trong đó người Kinh 57.000 (55%), Khmer 38.000, Hoa 10.000.

2.1. Về các đơn vị hành chính

Cuối thế kỷ XIX, tỉnh được chia thành 10 tổng gồm 93 làng¹ cụ thể như sau:

(1) Tổng Định Chí (13 làng)

- An Ca: dân số có 1.903 người, cách tỉnh lỵ 13km, đường giao thông chính là đường Bãi Xàu và hương lộ số 5.

- An Nô: dân số có 987 người, cách tỉnh lỵ 11km, giao thông chính là đường Bãi Xàu và hương lộ số 19.

- Chắc Vần: dân số có 1.562 người, cách tỉnh lỵ 8km, có đường Bãi Xàu và hương lộ số 5 đi qua.

- Châu Khánh: dân số có 1.280 người, cách tỉnh lỵ 8km, đường giao thông chính là đường Cái Quanh và các bờ kênh Nouet và Saintard.

- Châu Thạnh: là làng của người Kinh có 269 người, cách tỉnh lỵ 7,5km, đường giao thông chính là đường Cái Quanh và kênh Nouet.

- Hưng Ngôn: dân số có 895 dân, cách tỉnh lỵ 12,5km, đường giao thông chính là đường Cái Quanh và một đường mòn đi qua Tân Lịch và Hưng Ngôn.

- Hưng Thạnh: dân số có 1.460 người, cách tỉnh lỵ 7km, có đường giao thông chính là đường Bãi Xàu.

- Hưng Thới: là làng người Kinh, có 579 người, cách tỉnh lỵ 14,5km, có đường Bãi Xàu và hương lộ 19 chạy qua.

- Mỹ Xuyên: là 3 làng cũ (Hòa Mỹ, Vĩnh Xuyên, Thạnh Lợi) hợp lại theo Nghị định ngày 18-4-1893. Làng Mỹ Xuyên tương đối đô hội, có 5.392 dân; đường giao thông chính là đường Bãi Xàu.

- Tài Công: dân số có 2.086 người, cách tỉnh lỵ 7,5km, có đường Bãi Xàu và kênh Cái Se chạy qua.

- Tân Hội: là làng mới thành lập của người Kinh, dân số có 883 người, cách tỉnh lỵ 11km, đường giao thông chính là đường Bãi Xàu, kênh Cái Se và hương lộ 6 đi qua.

- Tân Lịch: dân số có 1.734 người, cách tỉnh lỵ 10km, có đường Cái Quanh và hương lộ số 3 chạy qua.

- Thạnh Thới: là làng của người Kinh có 609 người, cách tỉnh lỵ 8km, có đường Cái Quanh chạy qua.

(2) Tổng Định Hòa (11 làng)

- An Thạnh Nhứt: dân số có 1.049 người, nằm ở đầu Cù Lao Dung, người Khmer còn gọi là hòn Bò Nồng, giao thông nhờ đường Đại Ngãi qua sông Bassac.

1. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945)*, Nxb. Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng 2000, t. 3, tr. 25.

- An Thạnh Nhì: dân số có 1.049 người, nằm ở đuôi Cù Lao Dung. Giao thông tương tự như An Thạnh Nhứt.

- Đại Đức: là làng do người Kinh thành lập, được hợp nhất từ 2 làng Đại Đồng và Hữu Đức vào tháng 4-1896. Dân số có 1.228 người, cách tỉnh lỵ 21km. Đường giao thông chính là đường Đại Ngãi và bờ rạch Ba Xuyên.

- Đại Ngãi: nằm ở cửa sông Ba Xuyên, Đại Ngãi còn được gọi là Vàm Tấn. Triều Nguyễn, Vàm Tấn là quân cảng. Thực tế dưới triều Nguyễn, Đại Ngãi là huyện lỵ huyện Vĩnh Định và hạt Sóc Trăng, ở đây có một quân cảng với nhiều thuyền chiến cỡ lớn. Dân số có 1.228 người, cách tỉnh lỵ 20km; có đường bộ, đường thủy chạy về Sóc Trăng.

- Hậu Thạnh: dân số có 1.197 người, cách tỉnh lỵ 17km. Làng Hậu Thạnh do 2 làng Nhơn Hậu và Hữu Thạnh hợp nhất vào tháng 6-1896. Đường giao thông chính là đường Bãi Xàu đi Đại Ngãi.

- Long Hưng: dân số có 1.197 người, cách tỉnh lỵ 15km, là làng của người Kinh được hợp nhất từ 2 làng Long Điền và Hưng Đức. Giao thông chủ yếu bằng đường Cái Quanh và các kênh Nouet, Saintard.

- Phú An: là làng của người Kinh mới được thành lập từ 2 làng Phú Hợp và Khả Phú. Dân số 893 người, cách tỉnh lỵ 16km. Giao thông chính là đường Sóc Trăng và kênh mương Điều.

- Phú Hữu: là làng của người Kinh, cách tỉnh lỵ 11,5km, dân số có 931 người. Giao thông bằng đường Sóc Trăng và kênh Saintard.

- Phụng Sơn: là làng của người Kinh, dân số có 786 người, cách tỉnh lỵ 18km. Đi lại chủ yếu bằng đường Đại Ngãi và kênh mương Điều.

- Phụng Tường: là làng của người Kinh, dân số có 1.334 người, cách tỉnh lỵ 20km. Giao thông là đường Đại Ngãi và hương lộ số 15.

- Thái Bình: là làng của người Kinh mới được thành lập từ 2 làng Thái Hòa và Hòa Bình, nằm ở Cù Lao Công trên sông Bassac. Dân số có 555 người, cách tỉnh lỵ 32km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Đại Ngãi và đò ngang qua sông Bassac.

(3) Tổng Định Khánh (16 làng)

- An Lạc Thôn: dân số có 2.221 người, cách tỉnh lỵ 40km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ và sông Bassac.

- An Lạc Tây: dân số có 893 người, cách tỉnh lỵ 35km. Đi lại chủ yếu bằng đường Cần Thơ và sông Bassac.

- An Mỹ: dân số có 402 người, cách tỉnh lỵ 24km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- An Nghiệp: dân số có 1.242 người, cách tỉnh lỵ 18km. Đi lại chủ yếu bằng đường Cần Thơ và sông Bassac.

- Ba Trinh: do 2 làng An Trinh và Ba Trinh hợp thành. Dân số có 893 người, cách tỉnh lỵ 30km. Đi lại chủ yếu bằng đường Cần Thơ.

- Đại An: dân số có 680 người, cách tỉnh lỵ 27km. Đi lại chủ yếu bằng đường Cần Thơ.

- Kế Sách: dân số có 4.179 người, tương đối đô hội, cách tỉnh lỵ 18,5km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- Khả Phú Tây: dân số có 1.017 người, cách tỉnh lỵ 21km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Trường Kế và Cần Thơ.

- Mỹ Hội: dân số có 317 người, cách tỉnh lỵ 25km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- Ninh Thới: dân số có 331 người, cách tỉnh lỵ 33km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- Nhơn Mỹ: dân số có 1.832 người, cách tỉnh lỵ 26km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- Phong Nẫm: dân số có 695 người, nằm trên cù lao giữa sông Bassac, cách tỉnh lỵ 40,5km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ đến An Lạc Thôn qua sông Bassac.

- Phú Nô: đất giồng cát, dân số 2.347 người, tương đối đô hội, cách tỉnh lỵ 12,5km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- Thế Nghiệp: dân số có 182 người, tương đối đô hội, cách tỉnh lỵ 18km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

- Trường Kế: dân số có 1.809 người, cách tỉnh lỵ 9km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Đại Ngãi.

- Xuân Hòa: dân số có 3.265 người, tương đối đô hội, cách tỉnh lỵ 40km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

(4) Tổng Định Mỹ (10 làng)

- Bang Long: dân số có 3.772 người, tương đối đô hội, cách tỉnh lỵ 15km. Đi lại chủ yếu bằng đường hương lộ lớn số 3.

- Đại Hữu: dân số có 952 người, cách tỉnh lỵ 18,5km bao gồm Cù Lao Tròn trên sông Bassac. Đi lại chủ yếu bằng đường Bang Long và bờ rạch Trà Bư.

- Đào Viên: dân số có 1.902 người, cách tỉnh lỵ 15km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu, kênh Tiếp Nhứt thuộc tổng Định Chí. Năm 1891, làng này đã sáp nhập với làng Đào Viên của tổng Định Mỹ.

- Hội Bình: dân số có 1.235 người, cách tỉnh lỵ 25km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu và hương lộ lớn số 5. Trước đó làng này còn được gọi là Lịch Hội Hạ, Bãi Già (có lẽ do làng có nhiều cây già).

- Lịch Hội Thượng: dân số có 2.784 người, tương đối đô hội, cách tỉnh lỵ 21km. Đi lại chủ yếu bằng đường lớn số 5.

- Lịch Hội Trung: dân số có 2.521 người, tương đối đô hội cùng với Lịch Hội Thượng hợp thành 1 khu dân cư quan trọng, cách tỉnh lỵ 23km. Đi lại chủ yếu bằng đường lớn số 5.

- Phú Đức: dân số có 2.304 người, cách tỉnh lỵ 16,5km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu, đường Cái Se và hương lộ lớn số 7.

- Quảng Ân: dân số 1.167 người, cách tỉnh lỵ 20,5km. Đi lại chủ yếu

bằng đường Bãi Xàu, đường Cái Se và hương lộ lớn số 7.

- Tà Liêu: dân số 2.250 người, cách tỉnh lỵ 23km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu, hương lộ lớn số 5 và hương lộ nhỏ số 22.

- Tú Diêm: dân số có 1.608 người, cách tỉnh lỵ 23km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu, đường kênh Tiếp Nhựt và bờ rạch Tổng Cán.

(5) Tổng Nhiêu Hòa (7 làng)

- Cần Giờ: dân số có 1.005 người, cách tỉnh lỵ 4km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bạc Liêu và hương lộ số 3. Năm 1891, làng này được thành lập từ làng Tâm Bốc sáp nhập vào Cần Giờ.

- Châu Tâm: dân số có 930 người, cách tỉnh lỵ 6km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bạc Liêu.

- Hòa Đức: dân số có 885 người, cách tỉnh lỵ 3km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu. Làng Quy Mô cũ đã được sáp nhập vào làng này.

- Phú Ninh: dân số có 1.505 người, cách tỉnh lỵ 2,5km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bó Tháo. Người Kinh gọi vùng Phú Ninh là Sóc Vồ.

- Tài Sum: dân số có 1.742 người, cách tỉnh lỵ 7km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bạc Liêu. Người Kinh còn gọi vùng này là Xoài Cà Nả.

- Tham Đôn: dân số có 1.730 người, cách tỉnh lỵ 9,4km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bãi Xàu và hương lộ số 14.

- Trà Tâm: dân số có 1.065 người, cách tỉnh lỵ 2km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bạc Liêu.

(6) Tổng Nhiêu Khánh (9 làng)

- An Tập: dân số có 591 người, cách tỉnh lỵ 2km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ và hương lộ nhỏ số 1.

- Chung Đôn: dân số có 1.332 người, cách tỉnh lỵ 2,2km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Đại Ngãi và hương lộ lớn số 4.

- Lai Tâm: dân số có 2.491 người, cách tỉnh lỵ 8,5km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ. Làng này có tên cũ là Bà Rài.

- Phước Lai: dân số có 1.342 người, cách tỉnh lỵ 8km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ. Khu dân cư làng Phú Nổ tổng Định Khánh, các làng Phước Lai và Lai Tâm tổng Nhiêu Khánh còn được gọi là Vũng Thơm hay Kompong Thom (bến lớn). Ngày xưa, làng chỉ có duy nhất tuyến giao thông đường thủy, tức là Giang Cơ sau này.

- Khánh Hưng: là tỉnh lỵ của tỉnh, dân số có 2.393 người.

- Nhâm Lăng: dân số 2.393 người, cách tỉnh lỵ 1km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Đại Ngãi. Lúc này 2 làng Khánh Hưng và Nhâm Lăng được tách riêng ra nhưng thực ra Khánh Hưng chỉ là vùng đất được ghép vào Nhâm Lăng.

- Ôi Lôi: dân số có 992 người, cách tỉnh lỵ 9km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Đại Ngãi. Trước kia làng Ôi Lôi sáp nhập với làng Trường Kế, tổng Định Khánh được gọi chung là Sâng Kê cũng là tên con rạch, sau này gọi là Giang Cơ.

- Sung Đình: dân số có 540 người, cách tỉnh lỵ 8km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Đại Ngãi.

- Văn Trật: dân số có 1.320 người, cách tỉnh lỵ 8km. Đi lại chủ yếu bằng đường Sóc Trăng đi Cần Thơ.

(7) Tổng Nhiêu Phú (6 làng)

- Lâm Gia: dân số có 424 người, nằm trên đường giao thông đi Bạc Liêu, cách tỉnh lỵ 12km.

- Sô La: dân số có 599 người, cách tỉnh lỵ 9km, đường giao thông chủ yếu là hương lộ số 3.

- Tâm Lật: dân số có 1.296 người, nằm trên đường giao thông đi Bạc Liêu, cách tỉnh lỵ 16km.

- Phong Lập: dân số có 763 người, cách tỉnh lỵ 9km, đường giao thông chủ yếu là đường đi Bạc Liêu và hương lộ nhỏ số 12.

- Tà Biên: dân số có 1.296 người, cách tỉnh lỵ 12km, đường giao thông chính là đường đi Bạc Liêu.

- Thị Phùng: dân số có 820 người, cách tỉnh lỵ 10km, đường giao thông chính là đường đi Bạc Liêu và hương lộ nhỏ số 12.

(8) Tổng Nhiêu Mỹ (7 làng)

- Bô Liêng: dân số có 1.198 người, cách tỉnh lỵ 14km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1.

- Tà Ân: dân số có 994 người, cách tỉnh lỵ 15km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 3 và hương lộ nhỏ số 26.

- Hòa Hương: dân số có 668 người, cách tỉnh lỵ 16km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1 và hương lộ nhỏ số 8. Đây là làng của người Kinh.

- Thuận Hòa: dân số có 5.818 người, cách tỉnh lỵ 8km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1 và đường Bô Tháo. Trung tâm làng Thuận Hòa là Bô Tháo. Làng nằm trên đất giồng cát, tương đối đô hội.

- Thiện Mỹ: dân số có 1.386 người, cách tỉnh lỵ 14km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1 và hương lộ nhỏ số 8, số 24. Vùng này còn gọi là Xẻo Gừa.

- Tam Sóc: dân số có 1.919 người, cách tỉnh lỵ 19km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1.

- Thiện Hòa: dân số có 679 người, cách tỉnh lỵ 19km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1 và hương lộ nhỏ số 8. Đây là làng của người Kinh.

(9) Tổng Thạnh An (7 làng)

- Châu Hưng: tương đối đô hội, dân số có 4.429 người, cách tỉnh lỵ 40km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bạc Liêu.

- Châu Thới: dân số có 2.512 người, cách tỉnh lỵ khoảng 50km. Đi lại chủ yếu bằng đường bộ nối với đường đi Bạc Liêu.

- Đào Viên Tây: dân số có 1.566 người, cách tỉnh lỵ 24km. Đi lại chủ yếu bằng đường đi Bạc Liêu 1 và hương lộ nhỏ số 9.

- Hòa Tú: dân số có 7.090 người, cách tỉnh lỵ 29km. Đi lại chủ yếu bằng đường thủy qua Bãi Xàu, vàm Dù Tho, rạch Nhu Gia và rạch Rô.

- Gia Hòa: dân số có 2.775 người, cách tỉnh lỵ 28km. Đi lại chủ yếu bằng đường đi Bạc Liêu và hương lộ nhỏ số 9.

- Phú Lộc: dân số có 1.588 người, cách tỉnh lỵ 35km. Đi lại chủ yếu bằng đường đi Bạc Liêu.

- Cà Mau: dân số có 2.281 người, cách tỉnh lỵ 36km. Đi lại chủ yếu bằng đường đi Bạc Liêu.

(10) Tổng Thạnh Lợi (7 làng)

- Lâm Kiết: dân số có 2.005 người, cách tỉnh lỵ 22km. Đi lại chủ yếu bằng đường đi Bạc Liêu và hương lộ nhỏ số 20.

- Lịch Trà: dân số có 1.281 người, cách tỉnh lỵ 23km. Đi lại chủ yếu bằng đường đi Bạc Liêu.

- Mỹ Tú: dân số có 1.970 người, cách tỉnh lỵ 28km. Đi lại chủ yếu bằng đường thủy theo rạch Nhu Gia.

- Mỹ Phước: dân số có 1.671 người, cách tỉnh lỵ 20km. Đi lại chủ yếu bằng hương lộ lớn số 1.

- Nhu Gia: dân số có 1.756 người, cách tỉnh lỵ 18km. Đi lại chủ yếu bằng đường thủy theo rạch Nhu Gia và đường đi Bạc Liêu. Thời Nguyễn đây là lỵ sở của huyện Phong Thạnh.

- Phú Giao: dân số có 1.455 người, cách tỉnh lỵ 28km. Đi lại chủ yếu bằng đường Bạc Liêu.

- Tuân Túc: dân số có 3.794 người, cách tỉnh lỵ 38km. Đi lại chủ yếu bằng đường thủy theo rạch Xẻo Trà.

Năm 1936, tỉnh Sóc Trăng chia thành 12 tổng, 56 làng, dân số có

202.502 người, trong đó có người Kinh 121.249 chiếm 60%, 8.392 người Hoa chiếm 5%, còn lại là 72.861 người Khmer chiếm 35%. Các tổng là Định Hòa, Định Khánh, Định Tường, Định Chí, Định Mỹ, Định Phước, Nhiều Hòa, Nhiều Khánh, Nhiều Mỹ, Nhiều Phú, Thạnh An, Thạnh Lợi.

Từ năm 1890 đến năm 1930, đất đai tỉnh Sóc Trăng được khai thác với quy mô lớn, đây là giai đoạn khai thác quảng canh mạnh nhất. Chính quyền thực dân Pháp đẩy mạnh việc khai thác đất đai để phát triển nông nghiệp với các chương trình đào đắp kênh bằng xáng cạp, khuyến khích xuất khẩu lúa gạo và tạo điều kiện hình thành tầng lớp đại điền chủ. Việc đào kênh mới đã thu hút dân chúng từ các nơi khác đổ về. Lớp cư dân mới này, bao gồm cả đại điền chủ và nông dân, đã nhanh chóng làm biến đổi diện mạo khô cằn, ngập mặn, nhiễm phèn, sinh lầy của các cánh đồng Sóc Trăng thành những đồng lúa thẳng cánh cò bay và làng mạc trù phú. Kết quả là nếu năm 1873 chỉ có 4.368ha đất được khai phá sản xuất thì năm 1880 đã có 74.151ha, năm 1890 có 154.939ha, đứng đầu Nam Kỳ. Năm 1910, Sóc Trăng có 176.000ha đất sản xuất, năm 1920 có 188.000ha, năm 1930 có 212.000ha. Cùng với gia tăng diện tích sản xuất, sản lượng lúa cũng tăng nhanh. Từ năm 1900 đến năm 1910 sản lượng lúa trung bình đạt 180.000 - 200.000 tấn/năm. Từ năm 1920 trở đi đạt khoảng 220.000 tấn/năm và xuất khẩu hằng năm đạt 200.000 tấn/năm.

Hầu hết hệ thống kênh đào như Ba Rinh, Saintard, Sóc Trăng - Bãi Xàu, Cái Côn, Cái Trầu đều được làm trong giai đoạn này. Giao thông bộ cũng được mở mang. Cuối thế kỷ XIX, giao thông chủ yếu ở Sóc Trăng là đường thủy, đường bộ chỉ có một số đường nhỏ trải đất nung như đường Sóc Trăng - Đại Ngãi, Sóc Trăng - Cần Thơ (ngày nay hương lộ 1) chủ yếu cho người đi bộ, đường đi Cái Trầu, Bãi Xàu - Tham Đôn, Sóc Trăng - Bang Long, Đại Ngãi - Rạch Gòi, Bãi Xàu - Hội Bình, Bãi Xàu - Tân Hội, Cái Xe - Ngan Rô và Sóc Trăng - Bãi Xàu. Trong 2 thập kỷ đầu của thế kỷ XX, thực dân Pháp trải đá cấp phối các con đường này và làm quốc lộ 1 nối Sóc Trăng với Cần Thơ và Bạc Liêu, xây dựng cầu phà trên các tuyến giao thông. Sản xuất nông nghiệp và giao thương hàng hóa qua sông Bassac, thương cảng Bãi Xàu phát triển¹.

Đến cuối thời thuộc Pháp tỉnh Sóc Trăng có 4 quận, 11 tổng, 90 làng, xã cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành gồm 4 tổng với 28 làng, xã:

- Tổng Nhiều Khánh có 8 làng, xã: An Trạch, Chung Đôn, Khánh Hưng, Lai Tâm, Nhâm Lăng, Ôi Lôi, Phước Lai, Sung Đình.

- Tổng Nhiều Hòa có 7 làng, xã: Cần Giờ, Châu Tâm, Hòa Đức, Phú Ninh, Tài Sum, Tham Đôn, Trà Tâm.

- Tổng Nhiều Mỹ có 7 làng, xã: Bồ Liên, Hòa Hương, Tạ An, Tầm Sóc, Thiện Hòa, Thiện Mỹ, Thuận Hòa.

- Tổng Nhiều Phú có 6 làng, xã: Lâm Gia, Phong Lạp, Sô La, Tá Biên, Tầm Lật, Thi Phùng.

(2) Quận Phú Lộc gồm 2 tổng với 14 làng, xã:

- Tổng Thanh An có 7 làng, xã: Châu Hưng, Châu Thới, Đào Viên Tây, Gia Hòa, Hòa Tú, Phú Lộc, Xa Mau.

- Tổng Thanh Lợi có 7 làng, xã: Lâm Kiết, Lịch Trà, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Nhu Gia, Phú Giao, Tuấn Túc.

(3) Quận Kế Sách gồm 3 tổng với 26 làng, xã:

- Tổng Định Khánh có 9 làng, xã: An Mỹ, An Nghiệp, Hélène-ville, Kế Sách, Khả Phú Tây, Mỹ Hội, Nhơn Mỹ, Phú Nổ, Trường Kế.

- Tổng Định Hòa có 10 làng, xã: An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhi, Đại Đức, Đại Ngãi, Hậu Thạnh, Long Hưng, Phú An, Phú Hữu, Phụng Sơn, Phụng Tường.

- Tổng Định Tường có 7 làng, xã: An Lạc Tây, An Lạc Thôn, Ba Trinh, Đại An, Ninh Thới, Phong Năm, Xuân Hòa.

(4) Quận Long Phú (Bang Long) gồm 2 tổng với 22 làng, xã:

- Tổng Định Chí có 12 làng, xã: An Ca, An Nô, Chác Vãn, Châu Khánh, Hưng Ngôn, Hưng Thạnh, Hưng Thới, Mỹ Xuyên, Tài Công, Tân Hội, Tân Lịch, Thạnh Thới.

1. Xem: Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới, Sóc Trăng (1867 - 1945)*, Sđd.

- Tổng Định Mỹ có 10 làng, xã: Bang Long, Đại Hữu, Đào Viên, Hội Bình, Lịch Hội Thượng, Lịch Hội Trung, Phú Đức, Quảng Ân, Tạ Liễu, Tú Diềm.

2.2. Về tổ chức bộ máy cai trị của thực dân Pháp

Đứng đầu bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Sóc Trăng là chủ tỉnh hay còn gọi là chánh tham biện. Giúp việc cho Chủ tỉnh có 1 phó chủ tỉnh, 1 thư ký, 2 kế toán và 1 quan chức thu thuế.

Tỉnh có 1 tòa án sơ thẩm gồm 4 thẩm phán và 1 lục sự với 2 phụ tá.

Các sở ngành gồm có: Y tế, Giáo dục, Thương chánh, Công chánh, Địa chánh, Thủy lợi, Thú y, Bưu chánh, Sở Lúa, Trước Bạ đăng lục, Kho bạc.

Có 1 trại lính gồm 1 đại đội với 3 sĩ quan.

Năm 1936, tổng số viên chức có 471 người; trong đó có 22 người Pháp, 179 lính.

V. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và chính quyền nhân dân các cấp được thành lập. Chẳng bao lâu sau khi chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, thực dân Pháp đã tiến hành xâm lược nước ta. Sóc Trăng cũng sớm bị thực dân Pháp xâm chiếm.

Như vậy ở Sóc Trăng, từ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, cùng tồn tại song song với chính

quyền và hệ thống hành chính, địa giới hành chính các cấp của nhà nước do thực dân Pháp dựng nên, tại từng ấp, từng xã, từng tổng, từng huyện và cả tỉnh luôn tồn tại một chính quyền cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Theo Sắc lệnh số 51 ngày 17-10-1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam chia thành 3 bộ: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ; mỗi bộ chia thành tỉnh, tỉnh chia thành huyện, huyện chia thành xã. Chính quyền địa phương gồm 4 cấp: bộ, tỉnh, huyện, xã; ở cấp huyện và cấp bộ chỉ có ủy ban hành chính. Nước Việt Nam có 73 đơn vị hành chính cấp tỉnh, Sóc Trăng là đơn vị hành chính thứ 16 của Nam Bộ.

Cuối năm 1945, thực hiện chủ trương kháng chiến của Chính phủ, 9 chiến khu trong toàn quốc được thành lập, Sóc Trăng là 1 trong 9 tỉnh thuộc Chiến khu 9.

Từ tháng 12-1946 đến tháng 1-1948, Sóc Trăng là 1 trong 7 tỉnh thuộc Khu 9 (toàn quốc lúc này có 14 khu, Vĩnh Long, Trà Vinh chuyển về Khu 8).

Từ tháng 1-1948 đến trước khi ký kết Hiệp định Giơnevơ, Sóc Trăng là 1 trong 6 tỉnh thuộc Liên khu miền Nam.

Trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954, về địa giới hành chính dưới cấp tỉnh tại Sóc Trăng, chính quyền cách mạng cơ bản lấy theo sự phân chia của thực dân Pháp.

Những năm đầu, thời kháng chiến chống thực dân Pháp, địa giới hành chính vẫn cơ bản theo sự phân chia

của chính quyền Pháp. Sóc Trăng có 4 quận: Châu Thành, Kế Sách, Long Phú và Phú Lộc. Sau đó quận Phú Lộc đổi tên thành huyện Thạnh Trị. Quận Vĩnh Châu của tỉnh Bạc Liêu nhập về Sóc Trăng. Có lúc huyện Vĩnh Châu nhập với quận Thạnh Trị lấy tên là Thạnh Trị. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Sóc Trăng nhận một số xã của tỉnh Rạch Giá (Mỹ Quới, Hương Quới, Vĩnh Quới, Lộc Hòa, Long Trị, Tân Long, Long Tân, Long Phú. Nhận một số xã của tỉnh Cần Thơ (Phương Bình, Phương Phú, Tân Phước Hưng).

VI. THỜI KỲ ĐẦU NĂM 1955 ĐẾN THÁNG 4-1975

1. Địa giới hành chính trong vùng chính quyền Sài Gòn

1.1. Thời kỳ từ đầu năm 1955 đến đầu năm 1956

Ngày 15-2-1955, Nghị định số 417-HCSV của Thủ hiến Nam Việt¹ tạm sáp nhập vùng Chấn Bạng và quận An Biên thuộc tỉnh Rạch Giá vào tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24-5-1955, Nghị định số 1404-HCSV quyết định sáp nhập 3 quận An Biên, Phước Long và Chấn Bạng thành quận An Phước thuộc tỉnh Sóc Trăng².

Diện tích của tỉnh Sóc Trăng lúc này có 383.664 mẫu, dân số có 365.849 người. Phía đông giáp tỉnh Trà Vinh và biển Đông, phía tây giáp Rạch Giá, phía nam giáp Bạc Liêu, phía bắc giáp Cần Thơ. Tỉnh có 8 quận, 77 xã (đã bỏ

đơn vị hành chính cấp tổng) thống kê như sau:

(1) Quận Châu Thành

Có 11 xã, diện tích có 28.927 mẫu, có 66.197 người. Xã Khánh Hưng có 17.049 người, xã Nhâm Lăng có 10.845 người, xã Chung Đôn có 3.400 người, xã Trường Khánh có 3.555 người, xã An Ninh có 6.000 người, xã Phước Tâm có 4.310 người, xã Phú Mỹ có 4.010 người, xã Hòa Thuận có 3.221 người, xã Hòa Tâm có 4.174 người, xã Tài Sum có 3.233 người, xã Thạnh Phú có 6.400 người.

(2) Quận Kế Sách

Có 16 xã, diện tích có 41.633 mẫu, dân số có 40.000 người. Xã Kế An có 13.965 người, xã Phú Nổ có 5.528 người, xã Đại Ngãi có 3.846 người, xã Phú An có 1.235 người, xã Khả Phú Mỹ có 778 người, xã Song Phụng có 1.359 người, xã Hậu Thạnh có 1.268 người, xã Ba Trinh có 2.772 người, xã Thới An Hội có 1.463 người, xã An Lạc Tây có 995 người, xã An Lạc Thôn có 1.215 người, xã Nhơn Mỹ có 1.363 người, xã Phong Năm có 687 người, xã Xuân Hòa có 2.027 người, xã Long Đức có 951 người, xã Phú Hữu có 548 người.

(3) Quận Long Phú

Có 7 xã, diện tích có 31.525 mẫu, dân số có 21.700 người. Xã Long Phú có 7.000 người, xã Tân Hưng có 2.200 người, xã Đại Ân có 3.000 người, xã Tân Thạnh có 1.700 người, xã Châu Khánh có 1.800 người, xã An Thạnh Nhì có 3.000 người, xã An Thạnh Nhứt có 3.000 người.

1, 2. Nguyễn Quang Ân: *Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới hành chính (1945 - 2002)*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2003.

(4) Quận Thanh Trị

Có 9 xã, diện tích có 54.801 mẫu, dân số có 44.532 người. Xã Thanh Trị có 6.232 người, xã Thanh Quới có 5.400 người, xã Lâm Kiệt có 3.600 người, xã Tuân Tức có 4.200 người, xã Gia Hòa có 4.000 người, xã Châu Hưng có 7.000 người, xã Châu Thới có 3.500 người, xã Mỹ Phước có 6.000 người, xã Mỹ Tú có 4.600 người.

(5) Quận Long Mỹ

Có 21 xã, diện tích có 150.000 mẫu, dân số có 126.343 người. Xã Thuận Hưng có 7.890 người, xã Long Phú có 7.079 người, xã Long Trị có 7.868 người, xã Xà Phiên có 6.685 người, xã Vị Thanh có 6.410 người, xã Hòa An có 4.435 người, xã Hòa Lự có 5.878 người, xã Vĩnh Tường có 5.687 người, xã Vĩnh Viễn có 6.389 người, xã Long Bình có 4.716 người, xã An Lợi có 1.887 người, xã Vị Thủy có 6.696 người, xã Tân Long có 9.052 người, xã Phương Bình có 4.300 người, xã Phương Phú có 5.217 người, xã Vĩnh Quới có 5.339 người, xã Vĩnh Lợi có 3.723 người, xã Mỹ Quới có 10.097 người, xã Lương Tâm có 5.000 người, xã Vĩnh Thuận Đông có 7.610 người, xã Hương Phù có 4.385 người.

(6) Quận Bãi Xàu

Có 5 xã, diện tích có 29.722 mẫu, dân số có 25.500 người. Xã Mỹ Xuyên có 6.000 người, xã Tham Đôn có 2.500 người, xã Tài Văn có 2.600 người, xã Thanh Thới An có 2.100 người, xã Hòa Tú có 12.300 người.

(7) Quận Bồ Tháo

Có 4 xã, diện tích có 24.586 mẫu, dân số có 18.577 người. Xã Thuận Hòa có 7.000 người, xã Thuận Hưng có 4.000 người, xã Thiện Mỹ có 4.577 người, xã Thiện Hương có 3.000 người.

(8) Quận Lịch Hội Thượng

Có 4 xã, diện tích có 22.470 mẫu, dân số có 23.000 người. Xã Lịch Hội Thượng có 7.715 người, xã Viên An có 3.689 người, xã Trung Bình có 6.357 người, xã Liêu Tú có 5.239 người.

1.2. Thời kỳ từ giữa năm 1956 đến năm 1972

Theo Sắc lệnh số 143 ngày 22-10-1956, tỉnh *Ba Xuyên* (tỉnh lỵ Khánh Hưng) bao gồm tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu cũ.

Ngày 23-2-1957, quận Kế Sách được cắt chuyển về tỉnh Phong Dinh gồm 10 xã: An Lạc Tây, An Lạc Thôn, Ba Trinh, Phong Năm, Thới An Hội, Xuân Hòa thuộc tổng Định Tường; Kế An (gồm cả trại định cư Đại Hải), Nhơn Mỹ, Khả Phú Mỹ thuộc tổng Định Khánh; một phần Phú An thuộc tổng Định Hòa. Các xã Long Đức, Phú Hữu nhập về quận Long Phú; các xã Đại Ngãi, Hậu Thạnh, Song Phụng, Phú Nổ và một phần xã Phú An nhập về quận Châu Thành. Quận Long Mỹ được cắt chuyển về tỉnh Phong Dinh gồm 14 xã: Hòa Lự, Hòa An, Long Bình, Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Tường, Vị Thủy thuộc tổng An Ninh; Lương Tâm, Thuận Hưng, Vĩnh Viễn, Xà Phiên thuộc tổng Thanh Tuyên; An Lợi, Long Trị, Phương Bình, Vị Thanh

và một phần Long Phú, Phương Phú thuộc tổng Thanh Giang. Một phần xã Tân Phước Hưng, tỉnh Phong Dinh nhập về theo kênh Trà Lồng. Các xã còn lại Mỹ Quới, Vĩnh Lợi, Vĩnh Quới, Hương Phú, Tân Long nhập vào quận Thạnh Trị. Phần còn lại của xã Long Phú, Phương Phú, Tân Phước Hưng nhập vào phân quận Bồ Tháo. Tỉnh Trưởng Ba Xuyên ấn định địa giới hành chính gồm 7 quận: Châu Thành, Thạnh Trị, Long Phú, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Giá Rai, Phước Long và 3 phân quận Bồ Tháo, Bãi Xàu, Lịch Hội Thượng với 19 tổng 78 xã.

Nghị định số 9-BNV/NC/NĐ ngày 13-1-1958 của Bộ Nội vụ ấn định các đơn vị hành chính của tỉnh Ba Xuyên gồm 7 quận, 14 tổng, 68 xã (*xem Bản đồ hành chính tỉnh Ba Xuyên năm 1958*).

(1) Quận Mỹ Xuyên có 2 tổng, 9 xã:

- Tổng Nhiều Khánh có 4 xã: Khánh Hưng, Mỹ Xuyên, Tài Văn, Thạnh Thới An.

- Tổng Nhiều Hòa có 5 xã: Đại Tâm, Tham Đôn, Thạnh Phú, Phú Mỹ, Hòa Tú.

(2) Quận Thạnh Trị có 2 tổng, 10 xã:

- Tổng Thạnh An có 5 xã: Thạnh Trị, Châu Hưng, Châu Thới, Thạnh Kiết, Gia Hòa.

- Tổng Thạnh Lộc có 5 xã: Vĩnh Lợi, Mỹ Quới, Vĩnh Quới, Tuân Túc, Tân Long.

(3) Quận Long Phú có 3 tổng, 17 xã:

- Tổng Định Mỹ có 5 xã: Long Phú, Tân Hưng, Đại Ân, Tân Thạnh, An Thạnh Nhi.

- Tổng Định Phước có 4 xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Viên An, Liêu Tú.

- Tổng Định Hòa có 8 xã: Châu Khánh, An Thạnh Nhứt, Đại Ngãi, Long Đức, Phú Hữu, Hậu Thạnh, Song Phụng, Trường Khánh.

(4) Quận Thuận Hòa có 2 tổng, 9 xã:

- Tổng Thuận Mỹ có 5 xã: Thuận Hòa, Mỹ Hương, Thuận Hưng, Phú Tâm, An Ninh.

- Tổng Thuận Phú có 4 xã: Mỹ Phước, Mỹ Tú, Phương Long, Mỹ Hưng.

(5) Quận Vĩnh Lợi có 2 tổng, 10 xã:

- Tổng Thạnh Hòa có 5 xã: Vĩnh Lợi, Long Thạnh, Hòa Bình, Hưng Hội, Vĩnh Trạch.

- Tổng Thạnh Hưng có 5 xã: Vĩnh Châu, Vĩnh Phước, Lai Hòa, Lạc Hòa, Khánh Hòa.

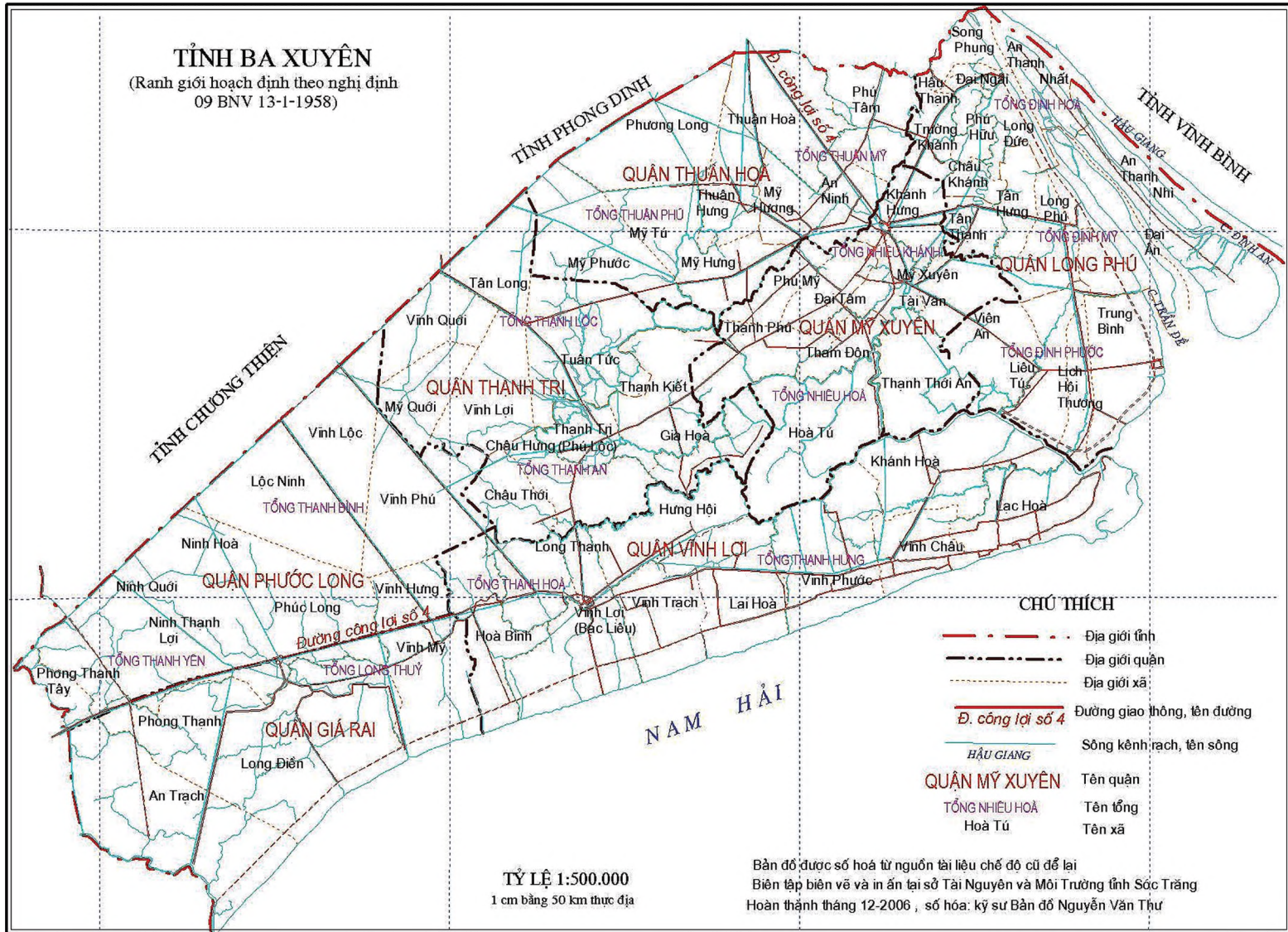
(6) Quận Giá Rai có 1 tổng, 4 xã:

Tổng Long Thủy có 4 xã: Phong Thạnh, Long Điền, An Trạch, Vĩnh Mỹ.

(7) Quận Phước Long có 2 tổng, 9 xã:

- Tổng Thanh Bình có 5 xã: Phước Long, Vĩnh Phú, Ninh Hòa, Ninh Quới, Vĩnh Hưng.

Bản đồ hành chính tỉnh Ba Xuyên năm 1958



- Tổng Thanh Yên có 4 xã: Phong Thạnh Tây, Ninh Thạnh Lợi, Lộc Ninh, Vĩnh Lộc.

Ngày 9-7-1958, quận Thuận Hòa được điều chỉnh lại địa giới, quận lỵ đặt tại Ngã Tư chợ Mỹ Tú. Tổng Thuận Mỹ có các xã Phú Tâm (gồm xã Phú Nổ và Phước Tâm cũ), An Ninh (kể cả các ấp Hòa Long, Túc Sáp, Bưng Tróp, Châu Thành, Chong Nô, Kênh Xáng), Thuận Hòa. Tổng Thuận Phú có các xã Mỹ Hương, Mỹ Phước (kể cả phần đất gần Trà Cú trước thuộc xã Phương Long), Mỹ Thuận (gồm xã Mỹ Tú và Thuận Hưng cũ), Long Hưng (gồm xã Mỹ Hưng và Phương Long cũ).

Ngày 14-8-1958, xã Đại Hải được thành lập, xã nằm trong địa phận tổng Định Khánh quận Kế Sách tách từ xã Kế An. Ngày 16-9-1958, sáp nhập quận Kế Sách từ tỉnh Phong Dinh về gồm 10 xã: Xuân Hòa, An Lạc Thôn, Phong Năm, Ba Trinh, An Lạc Tây, Thới An Hội, Kế An, Nhơn Mỹ, An Mỹ, Đại Hải.

Ngày 5-12-1960, quận Vĩnh Châu được tái lập, quận lỵ đặt tại Vĩnh Châu. Quận Vĩnh Châu có 1 tổng Thạnh Hưng gồm 5 xã: Vĩnh Châu, Vĩnh Phước, Lai Hòa, Lạc Hòa, Khánh Hòa tách từ quận Vĩnh Lợi cũ. Ngày 16-6-1961 quận lỵ Thạnh Trị đến chợ Ngã Năm và quận lỵ Mỹ Xuyên dời đến xã Hòa Tú.

Ngày 3-1-1962, quận Phước Long được cắt chuyển về tỉnh Chương Thiện gồm 7 xã: Phước Long, Ninh Quới, Ninh Hòa, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi, Lộc Ninh, Phong Thạnh Tây và 1 phần

đất của xã Tân Long, Vĩnh Quới thuộc quận Thạnh Trị.

Ngày 27-8-1962, quận lỵ Mỹ Xuyên dời về Bãi Xàu, quận lỵ được gọi là Trang Kinh.

Ngày 8-9-1964, tỉnh Bạc Liêu được tái lập từ 3 quận Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Giá Rai.

Ngày 11-12-1965, quận Lịch Hội Thượng được tái lập, quận lỵ đặt ở xã Lịch Hội Thượng. Quận gồm 4 xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Liêu Tú, Viên An (các xã này trước đây thuộc quận Long Phú).

Ngày 26-3-1966, quận lỵ Thuận Hòa được dời từ Ngã Tư chợ Mỹ Tú, xã Phú Tâm đến xã Mỹ Hương.

Ngày 23-4-1968, 3 xã An Lạc Thôn, Phong Năm, Xuân Hòa thuộc tổng Định Tường, quận Kế Sách được cắt chuyển về quận Phong Thuận (mới lập) tỉnh Phong Dinh. Quận lỵ đặt tại Cái Côn xã An Lạc Thôn.

Ngày 6-5-1968, quận lỵ Thạnh Trị được dời từ chợ Ngã Năm, xã Vĩnh Quới đến Phú Lộc, xã Thạnh Trị.

Ngày 11-7-1968, quận Hòa Tú được thành lập, quận lỵ đặt tại xã Hòa Tú. Quận Hòa Tú gồm 2 xã Hòa Tú (trước thuộc tổng Nhiều Hòa quận Mỹ Xuyên) và Gia Hòa (trước thuộc tổng Thạnh An, quận Thạnh Trị) và sáp nhập thêm 5 ấp của xã Hưng Hội, tổng Thạnh Hòa, quận Vĩnh Lợi tỉnh Bạc Liêu về là ấp Nàng Rền, Thị Yêu, Vàm Léo, Gia Hội, Năm Căn. Xã Châu Thới thuộc tổng Thạnh An, quận Thạnh Trị được cắt chuyển về quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 16-9-1968, quận Kế Sách thuộc tỉnh Phong Dinh được sáp nhập vào tỉnh Ba Xuyên.

Ngày 14-11-1968, 2 xã Phú Tâm và Thuận Hòa thuộc tổng Thuận Mỹ, quận Thuận Hòa được sáp nhập vào tổng Định Khánh, quận Kế Sách. Xã An Ninh thuộc tổng Thuận Mỹ, quận Thuận Hòa được sáp nhập vào tổng Thuận Phú cùng quận và bãi bỏ tổng Thuận Mỹ.

Năm 1969, các ấp được sáp nhập ồ ạt theo sắc lệnh về cải tổ nền hành chính cấp xã, ấp, quản lý hành chính ở cơ sở gây xáo trộn sâu sắc.

Ngày 16-6-1969, quận Ngã Năm được thành lập, quận lỵ đặt tại Ngã Năm, xã Vĩnh Quới. Quận Ngã Năm có 5 xã: Vĩnh Quới, Tân Long, Mỹ Quới, Vĩnh Lợi (nguyên thuộc tổng Thạnh Lộc, quận Thạnh Trị) và Vĩnh Tân (nguyên thuộc tổng Thanh Tuyền, quận Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện). Các xã trên thuộc tổng Thạnh Lộc, quận Ngã Năm. Xã Tuân Túc thuộc tổng Thạnh Lộc sáp nhập vào tổng Thạnh An cùng quận Thạnh Trị.

Ngày 11-3-1970, các ấp Thông Lưu B, Nhà Thờ 2, Xóm Lớn của xã Châu Hưng, quận Thạnh Trị và các ấp Nàng Rền, Thị Yêu, Gia Hội, Năm Căn của xã Gia Hòa, quận Hòa Tú chuyển về tỉnh Bạc Liêu. Nửa phía bắc xã Châu Thới, tỉnh Bạc Liêu sáp nhập vào xã Châu Hưng, quận Thạnh Trị. Dải đất rộng 1.500m chạy dọc sông Mỹ Thanh thuộc xã Khánh Hòa và xã Vĩnh Phước, quận Vĩnh Châu, tỉnh Bạc Liêu về quận Hòa Tú. Quận Hòa Tú có 3 xã:

Hòa Tú (phân nửa xã Hòa Tú cũ và một phần xã Khánh Hòa nhập về), Hòa Lợi (phân nửa xã Hòa Tú cũ và một phần xã Vĩnh Phước nhập về), Hòa Thanh (phân nửa phía tây nam của xã Thạnh Thới An và một phần xã Khánh Hòa nhập về).

Năm 1971, Ba Xuyên là một trong 28 tỉnh thuộc Nam Phần và giữ nguyên tên cho đến năm 1975. Tỉnh có 8 quận với 54 xã, 321 ấp, diện tích có 283.000ha, dân số có 417.981 người. *Lúc này đã chính thức bỏ đơn vị hành chính cấp tổng.*

Ngày 31-5-1972, xã Hòa Lợi, quận Hòa Tú được đổi tên thành xã Hòa Vân. Xã Hòa Mỹ thuộc quận Hòa Tú được thành lập trên cơ sở cắt các ấp Chàng Ré, Tâm Lon, Ba Chùa, Rạch Gò của xã Hòa Tú và phần phía bắc ấp Thông Lưu, xã Hòa Vân. Xã Mỹ Tú thuộc quận Thuận Hòa được thành lập trên cơ sở cắt ấp Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Lợi nguyên thuộc xã Mỹ Thuận; Thiện Tâm, Thiện Tánh nguyên thuộc xã Mỹ Hương; Tân Mỹ, Tân Hòa nguyên thuộc xã Long Hưng.

1.3. Năm 1972

Tỉnh Ba Xuyên có 8 quận, 54 xã, 312 ấp, dân số có 425.931 người.

Địa giới và địa danh hành chính các xã, ấp được thống kê như sau, trong đó dân số tính đến tháng 12-1971.

(1) Quận Mỹ Xuyên

Quận Mỹ Xuyên có 8 xã, 59 ấp, quận lỵ tại xã Mỹ Xuyên, dân số có 124.418 người.

- Xã Khánh Hưng có 70.113 người, có 18 ấp: Khánh Bình, Khánh Thành, Khánh Bạch, Khánh Vĩnh, Khánh Diệu, Khánh Tâm, Khánh Hùng, Khánh Hòa, Khánh Quang, Khánh Sơn, Nhà Việc, Giồng, Chông Chát, Kho Dầu, Sung Đình 1, Sung Đình 2, Kênh Sáng, Tự Do.

- Xã Mỹ Xuyên có 15.253 người, 9 ấp: Châu Thành, Hòa Mỹ, Vĩnh Xuyên, Thạnh Lợi, Chợ Cũ, Cần Giờ, Hòa Đức, Phnorchboth, Cộng Đồng.

- Xã Tài Văn có 6.028 người, 7 ấp: Tắc Bướm, Tài Công, Bưng Cà Bớt, Prek Đôn, Chắt Tung, Hà Bô, Bưng Chông.

- Xã Thạnh Thới An có 3.348 người, 4 ấp: Thới Thạnh, An Hòa, Thạnh Phú, Thạnh Quới.

- Xã Thạnh Phú có 11.365 người, 8 ấp: Nhu Gia, Cần Đước, Sóc Bưng, Rạch Sên, Trà Mệt, Bưng Chum, Rạch Rê, Nhà Thờ.

- Xã Đại Tâm có 8.528 người, 4 ấp: Tài Sum A, Tài Sum B, Hòa Tâm A, Hòa Tâm B.

- Xã Phú Mỹ có 5.007 người, 4 ấp: Phong Lập, Thi Phụng A, Thi Phụng B, Tà Biên.

- Xã Tham Đôn có 4.776 người, 5 ấp: Giồng Có, Vững Đùng, Tắc Gông, Sóc Xoài, Sô La.

(2) Quận Kế Sách

Quận Kế Sách có 10 xã, 62 ấp, quận lỵ đặt ở xã Kế An, dân số có 76.375 người.

- Xã Kế An có 11.112 người, 12 ấp: An Thành, An Định, An Khương, An

Nghiệp, An Ninh, An Cư, An Nhơn, An Phú, An Lạc, An Hòa, An Lộc, An Phước.

- Xã An Mỹ có 4.167 người, 3 ấp: Phú Mỹ, Phú Tây, Phú An.

- Xã Nhơn Mỹ có 9.193 người, 7 ấp: Mỹ Huê, Mỹ Yên, Mỹ Thạnh, Mỹ Lợi, Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Phước.

- Xã An Lạc Tây có 6.730 người, 6 ấp: An Hòa A, An Hòa B, An Phú A, An Phú B, An Thạnh, An Lợi.

- Xã Thới An Hội có 4.000 người, 4 ấp: Ninh Thới, Xóm Đồng, Đại Ân, Mỹ Hội.

- Xã Đại Hải có 8.269 người, 7 ấp: Đông Hải, Nam Hải, Ba Rinh, Mang Cá, Trung Hải, Đại Tân, Đại Ân.

- Xã Song Phụng có 4.788 người, 4 ấp: Phụng Sơn, Phụng Tường 1, Phụng Tường 2, Phụng An.

- Xã Ba Trinh có 4.340 người, 4 ấp: Trinh Quới, Trinh Phú, Trinh Thạnh, Trinh Phú 2.

- Xã Phú Tâm có 14.600 người, 8 ấp: Phú Thành, Phước Lợi, Phước Long, Phú Hữu, Phú Bình, Thọ Hòa Đông, Phước Hòa, Phước An.

- Xã Thuận Hòa có 9.176 người, 7 ấp: Trà Quít A, Trà Quít B, Xây Đá, Trà Canh A, Trà Canh B, Cống Đồi, Thuận Hưng.

(3) Quận Long Phú

Quận Long Phú có 12 xã, 49 ấp, quận lỵ đặt ở xã Long Phú, dân số có 53.949 người.

- Xã Long Phú có 7.881 người, 8 ấp: Bông Long, Khwan Tang, Nước Mặn, Sóc Mới, Tà Núp, Bưng Thum, Kênh Ngang, Phú Đức.

- Xã Đại Ân có 5.795 người, 5 ấp: Ông Hội, Ngan Rô, Vàm, Rạch Vọp, Nhà Thờ.

- Xã Tân Hưng có 3.582 người, 5 ấp: Tân Quy A, Tân Quy B, Tân Lịch, Kô Kô, Sóc Dong.

- Tân Thạnh có 2.654 người 5 ấp: Nhà Thờ, Saintard, Tân Lợi, Lòng Đền, Cái Đường.

- Xã An Thạnh Nhì có 5.373 người, 5 ấp: An Ninh, An Bình, An Định, An Phú, An Cư.

- Xã Châu Khánh có 3.322 người, 4 ấp: Nhứt, Nhì, Ba, Tư.

- Xã An Thạnh Nhứt có 2.682 người, 3 ấp: An Trung, An Thường, An Hòa.

- Xã Đại Ngãi có 6.503 người, 5 ấp: Ngãi Hội 1, Ngãi Hội 2, Ngãi Hòa, An Đức, Ngãi Phước.

- Xã Long Đức có 4.301 người 5 ấp: Thạnh Đức 1, Thạnh Đức 2, Lợi Đức, Hòa Hưng, An Hưng.

- Xã Phú Hữu có 3.021 người, 4 ấp: Phú Hữu, Phú Thứ, Phú Đa, Phú Thường.

- Xã Hậu Thạnh có 2.446 người, 4 ấp: Ngọn, Phố, Chùa Ông, Xóm Làng.

- Xã Trường Khánh có 6.389 người, 5 ấp: Trường Thành, Trường Bình, Trường Hưng, Trường An, Trường Phú.

(4) Quận Thuận Hòa

Quận Thuận Hòa có 6 xã, 32 ấp, quận lỵ đặt ở xã Mỹ Thuận, dân số có 41.547 người.

- Xã An Ninh có 13.765 người, 8 ấp: An Trạch, Châu Thành, Trà Lây, Phú Ninh, Trà Canh, Bưng Tróp, Kênh Xáng, Phụng Hiệp.

- Xã Mỹ Thuận có 6.693 người, 5 ấp: Tam Sóc, Phước Bình, Tà Ân, Bó Liên A, Bó Liên B.

- Xã Mỹ Phước có 4.466 người, 4 ấp: Long An, Long Quới, Mỹ Lợi A, Phước Ninh.

- Xã Mỹ Hương có 4.969 người, 5 ấp: Xẻo Gừa, Xóm Lớn, Xóm Giữa, Trà Côi, Ba Rinh.

- Xã Long Hưng có 5.353 người, 3 ấp: Phương Lạc, Phước Thạnh, Tân Thành.

- Xã Mỹ Tú có 6.301 người, 7 ấp: Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Lợi B, Thiện Tâm, Thiện Tánh, Tân Mỹ, Tân Hòa.

(5) Quận Thạnh Trị

Quận Thạnh Trị có 6 xã, 47 ấp, quận lỵ ở xã Thạnh Trị, dân số có 47.166 người.

- Xã Thạnh Trị dân số có 9.843 người, 8 ấp: Phú Lộc, Xa Mau, Giồng Chùa, Xã ích, Vàm Xáng, Bào Lớn, Công Điền, Rẫy Mới.

- Xã Thạnh Kiết có 9.938 người, 10 ấp: Lịch Trà, Đay Sô, Phú Giao, Kênh Rẫy, Đào Viên, Thạnh Phước, Ngọn, Lâm Kiết 1, Lâm Kiết 2, Mương Điều.

- Xã Châu Hưng có 10.998 người, 12 ấp: Chợ Cũ, Chợ Mới, Thạch Công,

Kênh Ngay, Số 8, Xóm Tro, Trà Ban 1, Trà Ban 2, Chắt Đốt, Hà Đức, Bào Sen, Bình Thới.

- Xã Vĩnh Lợi có 1.341 người, 4 ấp: Vĩnh Đồng, Vĩnh Trị, Vĩnh An, Vĩnh Ninh.

- Xã Gia Hòa có 3.725 người, 4 ấp: Lò Gạch, Lung Đen, Vàm Léo, Rạch Rừng.

- Xã Thuận Túc có 11.321 người, 9 ấp: Cái Trầu, Tà Điếp A, Tà Điếp B, Tà Điếp C, Tà Lèn, Sa Keo, Tà Ương, Tà Ân, Cầu Bà.

(6) Quận Lịch Hội Thượng

Quận Lịch Hội Thượng có 4 xã, 26 ấp, quận lỵ đặt ở xã Lịch Hội Thượng, dân số có 33.372 người.

- Xã Lịch Hội Thượng có 7.880 người, 4 ấp: Giồng Giữa, Châu Thành, Phố Dưới, Nam Chánh.

- Xã Liêu Tú có 5.050 người, 5 ấp: Đại Nôn, Côi Ca Ét, Bưng Buổi, Bưng Triết, Giồng Chát.

- Xã Trung Bình có 14.569 người, 11 ấp: Ngan Rô 1, Ngan Rô 2, Nhà Việc Cũ, Sóc Tia, Lâm Đồ, Bưng Lúc, Nhà Thờ, Chợ, Xóm Đáy, Giồng Chùa, Mỏ Ó.

- Xã Viên An có 5.873 người, 6 ấp: Tiếp Nhựt, Trà Đức, Bưng Sa, Đào Viên, Trà Ông, Lao Vên.

(7) Quận Ngã Năm

Quận Ngã Năm có 4 xã, 18 ấp, quận lỵ đặt ở xã Vĩnh Quới, dân số có 28.727 người.

- Xã Vĩnh Quới dân số có 6.700 người, 4 ấp: Chợ Ngã Năm, Vĩnh Bình, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Hòa.

- Xã Tân Long có 10.372 người, 5 ấp: Tân Bình 1, Tân Bình 2, Tân Thanh, Tân Lập, Tân Quới.

- Xã Mỹ Quới có 2.493 người, 2 ấp: Mỹ Phước, Mỹ Lộc.

- Xã Vĩnh Tân có 9.162 người, 7 ấp: Tín Nghĩa, Tín Hiệp, Tín Đức, Tín Sử, Tân Thành, Tân Lập, Xẻo Gồ.

(8) Quận Hòa Tú

Quận Hòa Tú có 4 xã 19 ấp, quận lỵ đặt ở xã Hòa Tú, dân số có 20.377 người.

- Xã Hòa Tú có 8.183 người, 7 ấp: Cổ Cò, Nhà Thờ A, Nhà Thờ B, Nhà Thờ C, Xóm Mới, Hòa Đức, Hòa Tân.

- Xã Hòa Vân có 6.989 người, 5 ấp: Hòa Đại, Tân Quy, Thông Lưu, Huỳnh Hi, Ông Huyện.

- Xã Hòa Thạnh có 3.025 người, 3 ấp: Thạnh An, Thạnh Ninh, Thạnh Hòa.

- Xã Hòa Mỹ có 2.180 người, 4 ấp: Chàng Ré, Tầm Lon, Ba Chùa, Rạch Rò.

Thành phần dân cư thuộc các dân tộc như Bảng 8.1.

Đây là thời kỳ chiến tranh, nền kinh tế dựa vào viện trợ của Mỹ. Nông nghiệp kém phát triển, lúa chủ yếu cấy một vụ, đã có giống mới ngắn ngày, heo ngoại nhập... năng suất cao nhưng chưa phổ biến.

Những năm tháng dưới chế độ Mỹ - ngụy là thời kỳ địa giới hành chính và địa danh thay đổi nhiều và liên tục từ cấp tỉnh xuống quận, tổng, xã đến tận cấp ấp. Chính quyền tốn nhiều thời gian và công sức cho việc thay đổi địa giới, địa danh và kiện toàn bộ máy cai

Bảng 8.1: Thành phần dân cư của tỉnh Sóc Trăng*Đơn vị: Người*

	Kinh	Khmer	Hoa	Ngoại kiều	Cộng
Mỹ Xuyên	63.820	54.447	6.141	10	124.418
Long Phú	41.513	10.017	2.419		53.949
Kế Sách	48.107	27.163	1.104	1	76.375
Thanh Trị	30.685	13.631	2.850		47.166
Thuận Hòa	14.632	22.649	4.266		41.547
Lịch Hội Thượng	17.797	13.784	1.791		33.372
Ngã Năm	21.699	3.170	3.858		28.727
Hòa Tú	17.513	1.506	1.358		20.377
Tổng cộng	255.766	146.367	23.787	11	425.931

Nguồn: Địa phương chí tỉnh Ba Xuyên, số liệu năm 1970 và 1971, Tài liệu in tipo lưu trữ tại Phòng Lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

trị sau mỗi lần thay đổi. Điều đó chứng tỏ chế độ chính trị không ổn định, địa danh và địa giới luôn không phù hợp với thực trạng kinh tế - xã hội và an ninh trong điều kiện phong trào chiến tranh giải phóng dân tộc đánh đuổi Mỹ - nguy ngày một mở rộng và ác liệt.

2. Địa giới hành chính vùng chính quyền Cách mạng

Từ năm 1954 đến năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Thời gian này, ở miền Nam tồn tại hai hệ thống chính quyền: Việt Nam Cộng hòa và chính quyền Cách mạng. Song song đó là hai hệ thống địa giới hành chính.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cũng trên cơ sở địa giới cũ và để chỉ đạo phong trào phù hợp với tình hình mới nên năm 1955 Liên Tỉnh ủy chỉ đạo giao huyện Vĩnh Châu về

tỉnh Bạc Liêu. Năm 1957, Sóc Trăng nhận của Bạc Liêu: huyện Vĩnh Lợi, huyện Vĩnh Châu, huyện Giá Rai, thị xã Bạc Liêu; và huyện Hồng Dân của tỉnh Rạch Giá. Năm 1958, huyện Kế Sách được giao về Cần Thơ. Như vậy, lúc này tỉnh Sóc Trăng có 2 thị xã: thị xã Sóc Trăng và thị xã Bạc Liêu và 7 huyện: Châu Thành, Long Phú, Thanh Trị, Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi, Hồng Dân, Giá Rai. Đến năm 1961, huyện Giá Rai của tỉnh Sóc Trăng nhập về tỉnh Cà Mau. Cũng năm 1961, huyện Mỹ Xuyên được thành lập, trên cơ sở tách một số xã của huyện Thanh Trị và Châu Thành. Ngày 25-8-1966, huyện Lịch Hội Thượng được thành lập.

Sau khi Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy Tây Nam Bộ tháng 11-1973, huyện Vĩnh Lợi, huyện Hồng Dân, thị

xã Bạc Liêu của tỉnh Sóc Trăng được chuyển về tỉnh Bạc Liêu.

Như vậy, từ cuối năm 1973 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30-4-1975, tỉnh Sóc Trăng có 7 đơn vị hành chính, gồm: thị xã Sóc Trăng và các huyện: Châu Thành, Mỹ Xuyên, Long Phú, Lịch Hội Thượng, Vĩnh Châu, Thạnh Trị.

VII. THỜI KỲ SAU CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ MÙA XUÂN 1975

Sau ngày 30-4-1975, tên tỉnh Sóc Trăng và địa giới hành chính tỉnh có một số lần thay đổi như sau:

- Năm 1975 tỉnh Sóc Trăng có 7 huyện, thị xã: thị xã Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên, Long Phú, Lịch Hội Thượng, Vĩnh Châu, Thạnh Trị, Châu Thành (ngày nay là huyện Mỹ Tú).

- Năm 1976, Sóc Trăng sáp nhập với tỉnh Cần Thơ và thành phố Cần Thơ thành tỉnh Hậu Giang.

- Tháng 12-1991, tỉnh Hậu Giang tách thành 2 tỉnh Sóc Trăng và Cần Thơ. Sóc Trăng có 7 huyện, thị xã, gồm 94 xã, phường, thị trấn. Thị xã Sóc Trăng là tỉnh lỵ và 6 huyện: Kế Sách, Long Phú, Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, Thạnh Trị, Mỹ Tú.

- Ngày 30-10-1995, thị xã Sóc Trăng mở rộng và chia tách, lấy thêm đất của các xã An Ninh, An Hiệp, Tân Thạnh, Phú Mỹ, Đại Tâm thành lập 4 phường mới là phường 7, phường 8, phường 9, phường 10.

- Ngày 11-1-2002, huyện Cù Lao Dung ở vùng đất cù lao giữa sông Hậu,

nguyên thuộc huyện Long Phú được thành lập. Xã An Thạnh Nhất tách thêm An Thạnh Tây, An Thạnh Nhì tách thêm thị trấn Cù Lao Dung và An Thạnh Đông, An Thạnh Ba tách thêm An Thạnh Nam, cùng với Đại Ân 1 thành 8 xã và thị trấn huyện Cù Lao Dung.

- Ngày 1-4-2003, tỉnh tiến hành điều chỉnh địa giới huyện Thạnh Trị, thành lập thêm các xã: Vĩnh Thành tách từ Vĩnh Lợi, Long Bình tách từ Tân Long, Mỹ Bình tách từ Mỹ Quới.

- Ngày 31-10-2003, huyện Ngã Năm được thành lập, chia ra từ huyện Thạnh Trị. Đến năm 2004, tỉnh Sóc Trăng có 9 huyện, thị xã với 105 xã, phường, thị trấn, 766 ấp.

Theo tổng kiểm kê đất đai năm 2005, và số liệu của Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2005, diện tích các đơn vị hành chính và dân số cụ thể như sau:

(1) Thị xã Sóc Trăng: nằm ở trung tâm tỉnh Sóc Trăng, là tỉnh lỵ và trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh, có 10 phường, 60 khóm, tỉnh lỵ đặt ở phường 2, diện tích 7.615,22ha, dân số 124.408 người.

+ Phường 1: diện tích có 29,29ha, dân số có 8.593 người, chia thành 4 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4.

+ Phường 2: diện tích có 626,86ha, dân số có 20.525 người, chia thành 7 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6, khóm 7.

+ Phường 3: diện tích có 616,96ha, dân số có 22.700 người, chia thành 9 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm

4, khóm 5, khóm 6, khóm 7, khóm 8, khóm 9.

+ Phường 4: diện tích có 889,04ha, dân số có 13.024 người, chia thành 6 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6.

+ Phường 5: diện tích có 2.152,70ha, dân số có 13.575 người, chia thành 5 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5.

+ Phường 6: diện tích có 216,47ha, dân số có 13.476 người, chia thành 6 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6.

+ Phường 7: diện tích có 792,88ha, dân số có 6.937 người, gồm 6 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6.

+ Phường 8: diện tích có 1.009,85ha, dân số có 13.584 người, gồm 7 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6, khóm 7.

+ Phường 9: diện tích có 528,08ha, dân số có 7.930 người, gồm 6 khóm: khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6.

+ Phường 10: diện tích có 753,09ha, dân số có 4.064 người, chia thành 4 khóm: khóm 1, khóm 2, Tâm Trung, Tâm Kiên.

(2) Huyện Kế Sách: nằm bên bờ sông Hậu, ở phía đông bắc của tỉnh; có 1 thị trấn, 12 xã, 85 ấp; huyện lỵ ở thị trấn Kế Sách; diện tích có 35.260,09ha; dân số có 170.475 người.

+ Thị trấn Kế Sách: diện tích có 1.460,58ha, dân số có 15.256 người,

gồm 7 ấp: Nội Ô, An Khương, An Ninh 1, An Ninh 2, An Định, An Thành, An Phú.

+ Xã An Lạc Thôn: diện tích có 2.016,49ha, dân số có 11.333 người, gồm 5 ấp: An Ninh, An Ninh 2, An Thới, An Bình, Phên Đen.

+ Xã Phong Nẫm: diện tích có 1.717,74ha, dân số có 5.535 người, gồm 4 ấp: Phong Thạnh, Phong Hòa, Phong Thới, Phong Phú.

+ Xã An Lạc Tây: diện tích có 2.797,41ha, dân số có 9.459 người, gồm 6 ấp: An Hòa, An Lợi, An Phú, An Tấn, An Công, An Thạnh.

+ Xã Thới An Hội: diện tích có 3.265,23ha, dân số có 14.140 người, gồm 5 ấp: Đại An, Tập Rèn, Mỹ Hội, Xóm Đồng, Ninh Thới.

+ Xã Xuân Hòa: diện tích có 3.811,95ha, dân số có 22.103 người, gồm 8 ấp: Hòa An, Hòa Phú, Hòa Thành, Hòa Lợi, Hòa Lộc 1, Hòa Lộc 2, Hòa Quới, Cự Mạnh.

+ Xã Ba Trinh: diện tích có 3.195,31ha, dân số có 14.949 người, gồm 7 ấp: ấp 4, ấp 5A, ấp 5B, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 12A.

+ Xã Trinh Phú: diện tích có 2.646,82ha, dân số có 12.306 người, gồm 7 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7.

+ Xã Kế An: diện tích có 2.146,57ha, dân số có 8.462 người, 6 ấp: Lung Đen, ấp 19/5, Chót Dung, Số 1, Cầu Chùa, Xóm Chòi.

+ Xã Kế Thành: diện tích có 2.535,84ha, dân số có 9.758 người, gồm 7 ấp: Ba Lăng, Bưng Túc, Kênh Giữa, Kế Hiệp, Bò Đề, Cây Sộp, Thạnh Tân.

+ Xã Đại Hải: diện tích có 3.865,00ha, dân số có 21.502 người, gồm 8 ấp: Mang Cá, Số 1, Đông Hải, Hậu Bồi, Trung Hải, Nam Hải, Ba Rinh, Kênh Ngay.

+ Xã An Mỹ: diện tích có 2.930,62ha, dân số có 12.647 người, gồm 7 ấp: ấp 3, Trường Phú, Trường Thọ, Phú Tây, Trường Lộc, An Nghiệp, Phụng An.

+ Xã Nhơn Mỹ: diện tích có 2.870,53ha, dân số có 13.025 người, 8 ấp: Mỹ Phước, Mỹ Yên, Mỹ Thuận, Mỹ Huê, Mỹ Thạnh, An Phú Đông, Mỹ Tân, Mỹ Lợi.

(3) Huyện Cù Lao Dung: nằm trên cù lao giữa sông Hậu; ở phía đông nam của tỉnh; có 1 thị trấn, 7 xã, 34 ấp; huyện lỵ đặt ở thị trấn Cù Lao Dung, diện tích có 26.059,93ha; dân số có 63.057 người.

+ Thị trấn Cù Lao Dung: diện tích có 738,99ha, dân số có 4.249 người, gồm 2 ấp: An Phú, An Lạc.

+ Xã An Thạnh Nhất: diện tích có 3.132,32ha, dân số có 8.590 người, gồm 2 ấp: An Trung, An Thường.

+ Xã An Thạnh Nhì: diện tích có 2.359,33ha, dân số có 8.504 người, gồm 7 ấp: Bình Danh A, Bình Danh B, Bình Du A, Bình Du B, Sơn Ton, Phạm Thành Hôn A, Phạm Thành Hôn B.

+ Xã An Thạnh Ba: diện tích có 3.745,54ha, dân số có 10.357 người, gồm 4 ấp: An Hưng, An Nghiệp, An Nghiệp A, An Bình.

+ Xã An Thạnh Đông: diện tích có 3.759,15ha, dân số có 9.358 người, gồm 9 ấp: Đặng Trung Tuyển A, Đặng Trung Tuyển B, Nguyễn Công Minh A, Nguyễn Công Minh B, Lê Minh Châu A, Lê Minh Châu B, Tăng Long, Đền Thờ, Trương Công Nhật.

+ Xã An Thạnh Tây: diện tích có 1.733,51ha, dân số có 6.140 người, gồm 2 ấp: An Lạc, An Phú.

+ Xã An Thạnh Nam: diện tích có 6.427,55ha, dân số có 6.577 người, gồm 3 ấp: Vàm Hồ, Vàm Hồ A, Võ Thành Văn.

+ Xã Đại Ân 1: diện tích có 4.163,54ha, dân số có 9.282 người, gồm 5 ấp: Văn Tổ A, Văn Tổ B, Sáu Thử, Nguyễn Tăng, Văn Sáu.

(4) Huyện Thạnh Trị: nằm ở phía nam tỉnh; có 1 thị trấn, 8 xã, 76 ấp; huyện lỵ đặt ở thị trấn Phú Lộc; diện tích có 28.810,56ha; dân số có 87.699 người.

+ Thị trấn Phú Lộc: diện tích có 2.579,88ha, dân số có 15.873 người, gồm 11 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, Nàng Rền, Bào Lớn, Phú Tân, Rẫy Mới, Thạnh Điền, Công Điền, Xa Mau 1, Xa Mau 2.

+ Xã Thạnh Trị: diện tích có 3.515,76ha, dân số có 9.910 người, gồm 11 ấp: Rẫy Mới 1, Rẫy Mới 2, Mây Vóc, Tà Điếp C1, Tà Điếp C2, Tà Lọt A, Tà Lọt C, Tà Niên, Trương Hiền, ấp 22, ấp 23.

+ Xã Châu Hưng: diện tích có 4.887,04ha, dân số có 19.031 người, gồm 16 ấp: ấp 8, ấp 9, ấp 13, ấp 23, Chợ Cũ, Bào Cát, Quang Vinh, Kênh Ngay 1, Kênh Ngay 2, Chợ Mới, Xóm Tro 1, Xóm Tro 2, Xã Ích, Giồng Chùa, Tràm Kiến, Tàn Dù.

+ Xã Tuân Túc: diện tích có 3.024,65ha, dân số có 8.156 người, gồm 5 ấp: Trung Thành, Trung Bình, Trung Thông, Trung Hòa, Tân Định.

+ Xã Lâm Tân: diện tích có 4.176,23ha, dân số có 8.069 người, gồm 7 ấp: Trung Nhất, Tân Lộc, Tân Nghĩa, Kiết Nhất A, Kiết Nhất B, Kiết Lập A, Kiết Lập B.

+ Xã Lâm Kiết: diện tích có 1.862,55ha, dân số có 6.227 người, gồm 6 ấp: Trà Do, Kiết Hòa, Kiết Bình, Kiết Thắng, Kiết Lợi, Kiết Thống.

+ Xã Thanh Tân: diện tích có 3.949,32ha, dân số có 9.471 người, gồm 7 ấp: ấp 21, ấp B2, ấp B1, ấp A2, Tân Lợi, Tân Phước, Tân Thắng.

+ Xã Vĩnh Lợi: diện tích có 2.233,37ha, dân số có 5.788 người, gồm 7 ấp: ấp 11, ấp 12, ấp 13, ấp 14, ấp 16/2, ấp 15, Tân Biên.

+ Xã Vĩnh Thành: diện tích có 2.581,76ha, dân số có 5.174 người, gồm 8 ấp: ấp 16/1, ấp 16/2, ấp 17, ấp 19, ấp 20, ấp 22, ấp 23, Vĩnh Thắng.

(5) Huyện Ngã Năm: nằm ở phía tây nam của tỉnh; có 1 thị trấn 7 xã, 61 ấp; huyện lỵ đặt ở thị trấn Ngã Năm; diện tích: 24.220,18ha; dân số có 80.027 người.

+ Thị trấn Ngã Năm: diện tích có 1.955,68ha, dân số có 14.200 người, gồm 7 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, Nội Ô.

+ Xã Tân Long: diện tích có 3.274,70ha, dân số có 8.462 người, gồm 6 ấp: Long Thạnh, Long Thành, Long Hòa, Long An, ấp 18, Tân Chánh C.

+ Xã Long Bình: diện tích có 3012,20ha, dân số có 6.848 người, gồm 6 ấp: Mỹ Hòa, Mỹ Hiệp, Mỹ Hương, Tân Bình, Tân Trung, Long Phước.

+ Xã Long Tân: diện tích 4.476,02ha, dân số có 17.947 người, gồm 13 ấp: Tân Quới A, Tân Quới B, Tân Lập, Tân Lập A, Tân Lập B, Tân Trung, Tân Chánh A, Tân Chánh B, Tân Thành A, Tân Thành B, Tân Phú, Tân Thanh A, Tân Thanh B.

+ Xã Vĩnh Quới: diện tích có 3.101,78ha, dân số có 10.414 người, gồm 8 ấp: Vĩnh Phong, Vĩnh Đồng, Vĩnh Hòa, Vĩnh Kiên, Vĩnh Thành, Vĩnh Thanh, Vĩnh Trung, Vĩnh Thuận.

+ Xã Mỹ Quới: diện tích có 2.943,25ha, dân số có 8.687 người, gồm 9 ấp: Mỹ Tường A, Mỹ Tường B, Mỹ Tường 1, Mỹ Thọ, Mỹ Đông 1, Mỹ Đông 2, Mỹ Tây A, Mỹ Tây B, Mỹ Thành.

+ Xã Vĩnh Biên: diện tích có 3.369,98ha, dân số có 8.095 người, gồm 7 ấp: Vĩnh Mỹ A, Vĩnh Sử, Vĩnh Trung, Vĩnh Bình, Mỹ Thành, Vĩnh Tiền, Vĩnh Hậu.

+ Xã Mỹ Bình: diện tích có 2.086,57ha, dân số có 5.374 người,

gồm 5 ấp: Mỹ Phước, Mỹ Lộc 1, Mỹ Lộc 2, Mỹ Tân, Cơ Nhì.

(6) Huyện Long Phú: có 1 thị trấn, 14 xã, 84 ấp; huyện lỵ đặt ở thị trấn Long Phú; diện tích 45.314,28ha; dân số 186.125 người. Vị trí nằm ở phía nam của tỉnh.

+ Thị Trấn Long Phú: diện tích 2.619,18ha, dân số 15.219 người, gồm 6 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, Khuan Tang.

+ Xã Song Phụng: diện tích 2.040,58ha, dân số 7.638 người, gồm 4 ấp: Phụng Tường 1, Phụng Tường 2, Phụng An, Phụng Sơn.

+ Xã Đại Ngãi: diện tích 790,64ha, dân số 10.875 người, gồm 5 ấp: Ngãi Hội 1, Ngãi Hội 2, Ngãi Hòa, Ngãi Phước, An Đức.

+ Xã Hậu Thạnh: diện tích 1.393,73ha, dân số có 5.302 người, gồm 5 ấp: Ngọn, Phổ, Bờ Kênh, Chùa Ông, Mây Hắc.

+ Xã Trường Khánh: diện tích 3.037,93ha, dân số có 15.217 người, gồm 7 ấp: Trường Thành A, Trường Thành B, Trường An, Trường Hưng, Trường Thọ, Trường Lộc, Trường Bình.

+ Xã Châu Khánh: diện tích 1.557,56ha, dân số có 6.536 người, gồm 4 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4.

+ Xã Phú Hữu: diện tích 1.377,42ha, dân số có 6.248 người, gồm 4 ấp: Phú Hữu, Phú Đa, Phú Thứ, Phú Trường.

+ Xã Long Đức: diện tích 2.961,78ha, dân số có 10.199 người,

gồm 5 ấp: Hòa Hưng, Lợi Đức, Lợi Hưng, An Hưng, Thạnh Đức.

+ Xã Tân Thạnh: diện tích 2.201,71ha, dân số có 8.518 người, gồm 7 ấp: Tân Hội, Ngã Tư, Mương Tra, Cái Xe, Cái Đường, Cái Quanh, Saintard.

+ Xã Tân Hưng: diện tích 3.226,74ha, dân số có 11.995 người, gồm 5 ấp: Tân Quy A, Tân Quy B, Tân Lịch, Sóc Dong, Kô Kô.

+ Xã Long Phú: diện tích 5.141,26ha, dân số có 14.975 người, gồm 9 ấp: Nước Mặn 1, Nước Mặn 2, Sóc Mới, Tân Lập, Mười Chiến, Kênh Ngang, Bung Long, Bung Thum, Phú Đức.

+ Xã Đại Ân 2: diện tích 3.552,38ha, dân số có 13.256 người, gồm 6 ấp: Ngan Rô 1, Ngan Rô 2, ấp Chợ, Tú Diêm, Lâm Dò, Nguyễn Thanh Liêm.

+ Xã Trung Bình: diện tích 5.454,79ha, dân số có 25.152 người, gồm 6 ấp: ấp Chợ, Mỏ Ó, Nhà Thờ, Đầu Giồng, Càng Trần Đề, Bung Lúc.

+ Xã Lịch Hội Thượng: diện tích 4.904,40ha, dân số có 21.527 người, gồm 6 ấp: Giồng Giữa, Hội Trung, Châu Thành, Sóc Lèo, Phổ Dưới, Nam Chánh.

+ Xã Liêu Tú: diện tích 5.054,18ha, dân số có 13.468 người, gồm 5 ấp: Bung Triết, Bung Buối, Giồng Chác, Tổng Cánh, Đại Nôn.

(7) Huyện Mỹ Tú: nằm ở phía tây bắc tỉnh; gồm 1 thị trấn, 15 xã, 136 ấp. Huyện lỵ đặt ở thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; diện tích 60.435,16ha; dân số 211.094 người.

+ Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa: diện tích có 1.142,69ha, dân số có 6.966 người, gồm 5 ấp: Nội Ô, Cầu Đồn, Mỹ Thuận, Mỹ Tân, Mỹ Lợi A.

+ Xã Hồ Đắc Kiện: diện tích có 4.920,96ha, dân số có 16.297 người, gồm 8 ấp: Kinh Đào, Xây Đá A, Xây Đá B, Cống Đồi, Đắc Lực, Đắc Thắng, Đắc Thế, Đắc Thời.

+ Xã Thuận Hòa: diện tích có 2.448,16ha, dân số có 14.777 người, gồm 6 ấp: Trà Quýt A, Trà Quýt B, Trà Canh A1, Trà Canh A2, Trà Canh B, Sa Bâu.

+ Xã Phú Tâm: diện tích có 4.114,03ha, dân số có 16.887 người, gồm 10 ấp: Giồng Cát, Sóc Tháo, Phú Hòa A, Phú Hòa B, Phú Bình, Phú Thành A, Phú Thành B, Thọ Hòa Đông A, Thọ Hòa Đông B, Phú Hữu.

+ Xã Phú Tân: diện tích có 2.767,06ha, dân số có 14.207 người, gồm 6 ấp: Phước Lợi, Phước Quới, Phước Phong, Phước Hòa, Phước An, Phước Thuận.

+ Xã An Ninh: diện tích có 3.636,15ha, dân số có 13.658 người, gồm 9 ấp: Hòa Long, Hòa Long A, Phú Ninh, Phú Ninh A, Xà Lan, Châu Thành, Kênh Mới, Chông Nô, Hòa Quới.

+ Xã An Hiệp: diện tích có 3.233,18ha, dân số có 15.938 người, gồm 7 ấp: An Trạch, Phụng Hiệp, Bưng Tróp A, Bưng Tróp B, Giồng Chùa A, Giồng Chùa B, An Tập.

+ Xã Thiện Mỹ: diện tích có 2.509,28ha, dân số có 9.710 người,

gồm 7 ấp: Đắc Thắng, An Tập, Mỹ An, Mỹ Phú, Mỹ Tân, Mỹ Đức, Mương Khai.

+ Xã Mỹ Hương: diện tích có 2.662,30ha, dân số có 10.702 người, gồm 8 ấp: Trà Côi A, Trà Côi B, Xóm Lớn, Xẻo Giữa, Mương Khai, Tân Mỹ, Mỹ An, Mỹ Đức.

+ Xã Mỹ Tú: diện tích có 4.210,50ha, dân số có 10.829 người, gồm 8 ấp: Mỹ Bình, Mỹ Thạnh, Mỹ Ninh, Mỹ Hưng, Mỹ An, Mỹ Lợi B, Mỹ Lợi C, Mỹ Hòa.

+ Xã Mỹ Thuận: diện tích có 3.376,38ha, dân số có 9.626 người, gồm 10 ấp: Tam Sóc A, Tam Sóc B1, Tam Sóc B2, Tam Sóc C1, Tam Sóc C2, Tam Sóc D1, Tam Sóc D2, Phước An, Phước Bình, Rạch Rê.

+ Xã Thuận Hưng: diện tích có 3.701,42ha, dân số có 13.299 người, gồm 11 ấp: Tà Ân A1, Tà Ân A2, Thiện Tánh, Thiện Bình, Thiện Nhơn, Tà Lây 1, Tà Lây 2, Bồ Liên 1, Bồ Liên 2, Bồ Liên 3, Tà Ân B.

+ Xã Phú Mỹ: diện tích có 4.021,47ha, dân số có 13.742 người, gồm 7 ấp: Bưng Cóc, Đại Úi, Bắc Dân, Bét Tôn, Tá Biên, Sóc Xoài, Phú Túc.

+ Xã Long Hưng: diện tích có 3.978,88ha, dân số có 13.911 người, gồm 10 ấp: Tân Thanh, Tân Hòa A, Tân Hòa B, Tân Hòa C, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Tân Phước A1, Tân Phước A2, Tân Phước B, Mới.

+ Xã Hưng Phú: diện tích có 3.997,30ha, dân số có 12.560 người, gồm 11 ấp: Phương Hòa 1, Phương

Hòa 2, Phương Hòa 3, Phương Bình 1, Phương Bình 2, Phương Thanh 1, Phương Thanh 2, Phương An 1, Phương An 2, Phương An 3, Mới.

+ Xã Mỹ Phước: diện tích có 9.715,40ha, dân số có 17.985 người, gồm 13 ấp: Phước Lợi A, Phước Lợi B, Phước Ninh, Phước Thuận, Phước An A, Phước An B, Phước Trường A, Phước Trường B, Phước Thọ A, Phước Thọ B, Phước Thọ C, Phước Thới A, Phước Thới B.

(8) Huyện Mỹ Xuyên: có 1 thị trấn, 15 xã, 135 ấp, huyện lỵ đặt ở thị trấn Mỹ Xuyên; diện tích 55.975,09ha; dân số 201.081 người.

+ Thị trấn Mỹ Xuyên: diện tích có 1.475,49ha, dân số có 20.811 người, gồm 5 ấp: Châu Thành, Chợ Cũ, Hòa Mỹ, Thạnh Lợi, Vĩnh Xuyên.

+ Xã Tài Văn: diện tích có 4.100,97ha, dân số có 15.151 người, gồm 7 ấp: Tài Công, Hà Bô, Chắt Tung, Bưng Chông, Bưng Cà Pốt, Prek Đôn, Trà Đót.

+ Xã Viên An: diện tích có 2.703,66ha, dân số có 9.358 người, gồm 4 ấp: Trà Đức, Bờ Đập, Tiếp Nhựt, Bưng Sa.

+ Xã Viên Bình: diện tích có 3.273,85ha, dân số có 8.837 người, gồm 3 ấp: Đào Viên, Trà Ong, Lao Vên.

+ Xã Đại Tâm: diện tích có 2.594,76ha, dân số có 15.894 người, gồm 8 ấp: Tâm Kiên, Tâm Phước, Tâm Lộc, Tâm Thọ, Đại Thành, Đại Chí, Đại Ân, Đại Nghĩa Thắng.

+ Xã Thạnh Phú: diện tích có 4.779,29ha, dân số có 19.766 người, gồm 14 ấp: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Rạch Sên, Cần Đước, Sóc Bưng, Phú Thành, Phú A, Phú B, Phú An, Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng.

+ Xã Thạnh Quới: diện tích có 5.143,93ha, dân số 22.090 người, gồm 12 ấp: Bưng Thum, Ngọn, Hòa Khanh, Thạnh Hòa, Thạnh An, Huỳnh Phẩm, Thạnh Hưng, Đào Viên, Thạnh Thới, Thạnh Bình, Phú Giao, Đại Sô.

+ Xã Thạnh Thới Thuận: diện tích có 3.676,69ha, dân số có 9.829 người, gồm 8 ấp: Thạnh Nhãn 1, Thạnh Nhãn 2, Thạnh An 1, Thạnh An 2, Thạnh An 3, Thạnh An 4, Thạnh Phú, Thạnh Ninh.

+ Xã Thạnh Thới An: diện tích có 5.046,65ha, dân số có 11.181 người, gồm 10 ấp: Thanh Nhàn, Hưng Thới, An Hòa 1, An Hòa 2, Đầy Hương 1, Đầy Hương 2, Đầy Hương 3, Tiên Cường 1, Tiên Cường 2, Tắc Bướm.

+ Xã Tham Đôn: diện tích có 4.930,04ha, dân số có 15.837 người, gồm 14 ấp: Giồng Có, Dù Tho, Sông Cái 1, Sông Cái 2, Vũng Đùng, Tắc Giồng, Trà Bết, Sô La 1, Sô La 2, Bưng Chum, Trà Mệt, Cần Giờ 1, Cần Giờ 2, Ponôcampôt.

+ Xã Ngọc Đông: diện tích có 3.571,63ha, dân số có 9.535 người, gồm 7 ấp: Huỳnh Công Đê, Hòa Thọ, Hòa Lôi, Hòa Đăng, Hòa Thượng, Hòa Hinh, Lê Văn Xe.

+ Xã Ngọc Tỏ: diện tích có 2.777,66ha, dân số có 9.168 người, gồm 9 ấp: Trần Minh Quyền, Hòa Lý,

Hòa Muôn, Hòa Đại, Hòa Tân, Cổ Cò, Lương Hoàng, Nguyễn Văn Mạn, Lương Huỳnh.

+ Xã Hòa Tú 1: diện tích có 3.186,41ha, có dân số 8.512 người, gồm 8 ấp: Hòa Nhạn, Hòa Đức, Hòa Phước, Hòa Trung, Hòa Tân, Hòa Trục, Hòa Phương, Hòa Đề.

+ Xã Hòa Tú 2: diện tích có 3.510,16ha, dân số có 9.603 người, gồm 11 ấp: Đỗ Minh Duy, Hòa Phú, Hòa Trung, Hòa Nhờ A, Hòa Nhờ B, Hòa Bạch, Hòa Hưng, Hòa Phú, Hòa Bình, Hữu Cận, Dương Kiên.

+ Xã Gia Hòa 1: diện tích có 2.590,45ha, dân số có 8.126 người, gồm 8 ấp: Định Hòa, Trung Hòa, Công Hòa, Vĩnh A, Vĩnh B, Phước Hòa, Long Hòa, Tam Hòa.

+ Xã Gia Hòa 2: diện tích có 2.613,45ha, có dân số 7.383 người, gồm 7 ấp: Tân Hòa, An Hòa, Hiệp Hòa, Thanh Hòa, Bình Hòa, Thuận Hòa, Nhơn Hòa.

(9) Huyện Vĩnh Châu: nằm ở phía nam của tỉnh; có 1 thị trấn, 9 xã, 95 ấp; huyện lỵ đặt ở thị trấn Vĩnh Châu; diện tích có 47.313,32ha; dân số có 149.752 người.

+ Thị trấn Vĩnh Châu: diện tích có 1.344,06ha, dân số có 15.850 người, gồm 7 khu, ấp: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, ấp Giồng Dú.

+ Xã Vĩnh Hải: diện tích có 7.839,23ha, dân số có 19.014 người, gồm 8 ấp: Âu Thọ A, Âu Thọ B, Trà Sét, Mỹ Thanh, Huỳnh Kỳ, Giồng Nổi, Vĩnh Thanh A, Vĩnh Thanh B.

+ Xã Lạc Hòa: diện tích có 4.091,52ha, dân số có 14.091 người, gồm 9 ấp: Đại Bái A, Đại Bái, Ca Lạc A, Ca Lạc B, Vĩnh Biên, Tân Thời, Lèn Buối, Hòa Nam, Hòa Thành.

+ Xã Hòa Đông: diện tích 4.795,67ha, dân số 9.091 người, 10 ấp: Hòa Giang, Hòa Khởi, Càng Buối, Lầm Thiết, Thạch Sao, Nô Tôm, Xóm Mới, Giày Lãng, Nguyễn Út, Trà Teo.

+ Xã Vĩnh Châu: diện tích 4.467,49ha, dân số 20.530 người, 10 ấp: Cà Săng, Cà Lãng A, Cà Lãng B, Biển, Sân Chim, Vĩnh Trung, Soài Côn, Vĩnh Bình, Vĩnh An, Đại Rụng, Cà Lãng B.

+ Xã Khánh Hòa: diện tích có 4.589,19ha, dân số có 8.685 người, gồm 10 ấp: Huỳnh Thu, Lầm Thiết, Nguyễn Út, Kênh Ven, Kênh Mới Sóc, Bưng Tum, Trà Niên, Châu Khánh, Lê Văn Tư, Khánh Nam.

+ Xã Vĩnh Hiệp: diện tích có 3.969,13ha, dân số có 7.022 người, gồm 9 ấp: Tân Thành A, Tân Thành B, Đặng Văn Đông, Phạm Kiêu, Kênh Mới, Ngã Tư, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Tỉnh.

+ Xã Vĩnh Phước: diện tích có 5.103,00ha, dân số có 21.535 người, gồm 10 ấp: Sở Tại A, Sở Tại B, Biển Trên, Biển Trên A, Biển Dưới, Tân Quy, Đại Trị, Xẻo Me, Wách Pích, Vĩnh Thành.

+ Xã Vĩnh Tân: diện tích có 5.231,63ha, dân số có 14.018 người, gồm 11 ấp: Trà Vôn A, Trà Vôn B, Xẻo Xu B, Tân Nam, Tân Hòa, Tân Trà, Tham Chu, Năm Căn, Điền Giữa, Phnô Pôl, Nô Thum.

+ Xã Lai Hòa: diện tích có 5.882,40ha, dân số có 19.916 người, gồm 11 ấp: Lai Hòa, Lai Hòa A, Xẻo Cốc, Xẻo Xu, Prey Chóp, Prey Chóp A, Prey Chóp B, Xung Thum A, Xung Thum B, Năm Căn, Hòa Hiệp.

Đến tháng 2-2007, Chính phủ ra Nghị định số 22/2007/NĐ-CP về việc chuyển thị xã Sóc Trăng lên thành phố Sóc Trăng trực thuộc tỉnh Sóc Trăng. Đến thời điểm này, tỉnh Sóc Trăng có 331.176ha diện tích tự nhiên và 1.283.721 người, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các huyện: Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm, Vĩnh Châu, Châu Thành, thành phố Sóc Trăng.

- Ngày 24-9-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 02/NĐ-CP tách huyện Mỹ Tú thành 2 huyện Mỹ Tú và Châu Thành.

Nội dung phân vạch địa giới theo Nghị định số 02/NĐ-CP, cụ thể là điều chỉnh địa giới hành chính xã để thành lập thị trấn thuộc huyện Mỹ Tú; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Mỹ Tú để thành lập huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng như sau:

(1) Thành lập thị trấn Châu Thành thuộc huyện Mỹ Tú trên cơ sở điều chỉnh 603,80ha diện tích tự nhiên và 6.984 nhân khẩu của xã Thuận Hòa; 165ha diện tích tự nhiên và 1.608 nhân khẩu của xã Hồ Đắc Kiện.

Thị trấn Châu Thành có 768,80ha diện tích tự nhiên và 8.592 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Châu Thành: phía đông giáp các xã Phú Tân, Phú Tâm; phía tây giáp xã Hồ Đắc Kiện; phía nam giáp xã Thuận Hòa; phía bắc giáp xã Phú Tâm.

(2) Thành lập huyện Châu Thành thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở điều chỉnh 23.632,43ha diện tích tự nhiên và 103.518 nhân khẩu của huyện Mỹ Tú (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ và thị trấn Châu Thành).

Huyện Châu Thành có 23.632,43ha diện tích tự nhiên và 103.518 nhân khẩu, có 8 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ, thị trấn Châu Thành.

Địa giới hành chính huyện Châu Thành: phía đông giáp thành phố Sóc Trăng và các huyện Long Phú, Kế Sách; phía tây giáp huyện Phụng Hiệp, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang; phía nam giáp huyện Mỹ Tú; phía bắc giáp huyện Kế Sách và thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

(3) Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

+ Xã Thuận Hòa còn lại 1.844,85ha diện tích tự nhiên và 8.053 nhân khẩu.

+ Xã Hồ Đắc Kiện còn lại 4.756,30ha diện tích tự nhiên và 14.186 nhân khẩu.

Huyện Mỹ Tú còn lại 36.815,56ha diện tích tự nhiên và 111.647 nhân khẩu, có 9 đơn vị hành chính trực

thuộc, bao gồm: thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa và các xã: Mỹ Tú, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Mỹ Thuận, Hưng Phú, Long Hưng, Phú Mỹ, Thuận Hưng.

Địa giới hành chính huyện Mỹ Tú: phía đông giáp huyện Châu Thành; phía tây giáp huyện Ngã Năm và huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; phía nam giáp huyện Mỹ Xuyên và huyện Thạnh Trị; phía bắc giáp huyện Châu Thành và huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Ngày 23-12-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 64/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã.

Việc điều chỉnh địa giới hành chính các xã để thành lập thị trấn thuộc các huyện: Thạnh Trị, Long Phú; điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Phú và huyện Mỹ Xuyên để thành lập huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng có nội dung cụ thể như sau:

(1) Thành lập thị trấn Lịch Hội Thượng thuộc huyện Long Phú trên cơ sở điều chỉnh 2.078,80ha diện tích tự nhiên và 13.231 nhân khẩu của xã Lịch Hội Thượng.

Thị trấn Lịch Hội Thượng có 2.078,80ha diện tích tự nhiên và 13.231 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Lịch Hội Thượng: phía đông giáp các xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Đại Ân 2; phía tây giáp xã Liêu Tú; phía nam giáp xã Lịch Hội Thượng; phía bắc giáp xã Đại Ân 2.

(2) Thành lập thị trấn Trần Đề thuộc huyện Long Phú trên cơ sở điều

chỉnh 1.163,03ha diện tích tự nhiên và 11.915 nhân khẩu của xã Trung Bình; 719,60ha diện tích tự nhiên và 2.220 nhân khẩu của xã Đại Ân 2.

Thị trấn Trần Đề có 1.882,63ha diện tích tự nhiên và 14.135 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Trần Đề: phía đông giáp huyện Cù Lao Dung; phía tây giáp xã Trung Bình và xã Đại Ân 2; phía nam giáp xã Trung Bình; phía bắc giáp xã Đại Ân 2.

(3) Thành lập thị trấn Hưng Lợi thuộc huyện Thạnh Trị trên cơ sở điều chỉnh 1.947,19ha diện tích tự nhiên và 11.901 nhân khẩu của xã Châu Hưng.

Thị trấn Hưng Lợi có 1.947,19ha diện tích tự nhiên và 11.901 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Hưng Lợi: phía đông giáp thị trấn Phú Lộc; phía tây giáp xã Châu Hưng; phía nam giáp xã Châu Hưng; phía bắc giáp xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị.

(4) Thành lập huyện Trần Đề thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở điều chỉnh 18.978,39ha diện tích tự nhiên và 75.046 nhân khẩu của huyện Long Phú; 18.897,59ha diện tích tự nhiên và 55.031 nhân khẩu của huyện Mỹ Xuyên.

Huyện Trần Đề có 37.875,98ha diện tích tự nhiên và 130.077 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Đại Ân 2, Liêu Tú, Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận, Tài Văn, Viên An, Viên Bình và các thị trấn: Lịch Hội Thượng, Trần Đề.

Địa giới hành chính huyện Trần Đề: phía đông giáp huyện Cù Lao Dung; phía tây giáp huyện Mỹ Xuyên; phía nam giáp huyện Vĩnh Châu; phía bắc giáp huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

+ Xã Lịch Hội Thượng còn lại 2.827,53ha diện tích tự nhiên và 7.814 nhân khẩu;

+ Xã Trung Bình còn lại 4.296,30ha diện tích tự nhiên và 14.712 nhân khẩu;

+ Xã Đại Ân 2 còn lại 2.837,26ha diện tích tự nhiên và 11.660 nhân khẩu;

Huyện Long Phú còn lại 26.372,12ha diện tích tự nhiên và 110.952 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thị trấn Long Phú và các xã: Long Phú, Tân Hưng, Tân Thạnh, Trường Khánh, Hậu Thạnh, Đại Ngãi, Song Phụng, Long Đức, Châu Khánh, Phú Hữu.

Huyện Mỹ Xuyên còn lại 37.095,15ha diện tích tự nhiên và 150.003 nhân khẩu; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thị trấn Mỹ Xuyên và các xã: Đại Tâm, Tham Đôn, Thạnh Phú, Ngọc Đông, Thạnh Quới, Hòa Tú 1, Gia Hòa 1, Gia Hòa 2, Ngọc Tố, Hòa Tú 2.

+ Xã Châu Hưng còn lại 2.883,57ha diện tích tự nhiên và 6.211 nhân khẩu.

Huyện Thạnh Trị có 28.759,96ha diện tích tự nhiên và 89.091 nhân khẩu, có 10 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Thạnh Trị, Lâm Tân, Lâm

Kiệt, Thạnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Lợi, Tuấn Túc, Châu Hưng và các thị trấn: Phú Lộc, Hưng Lợi.

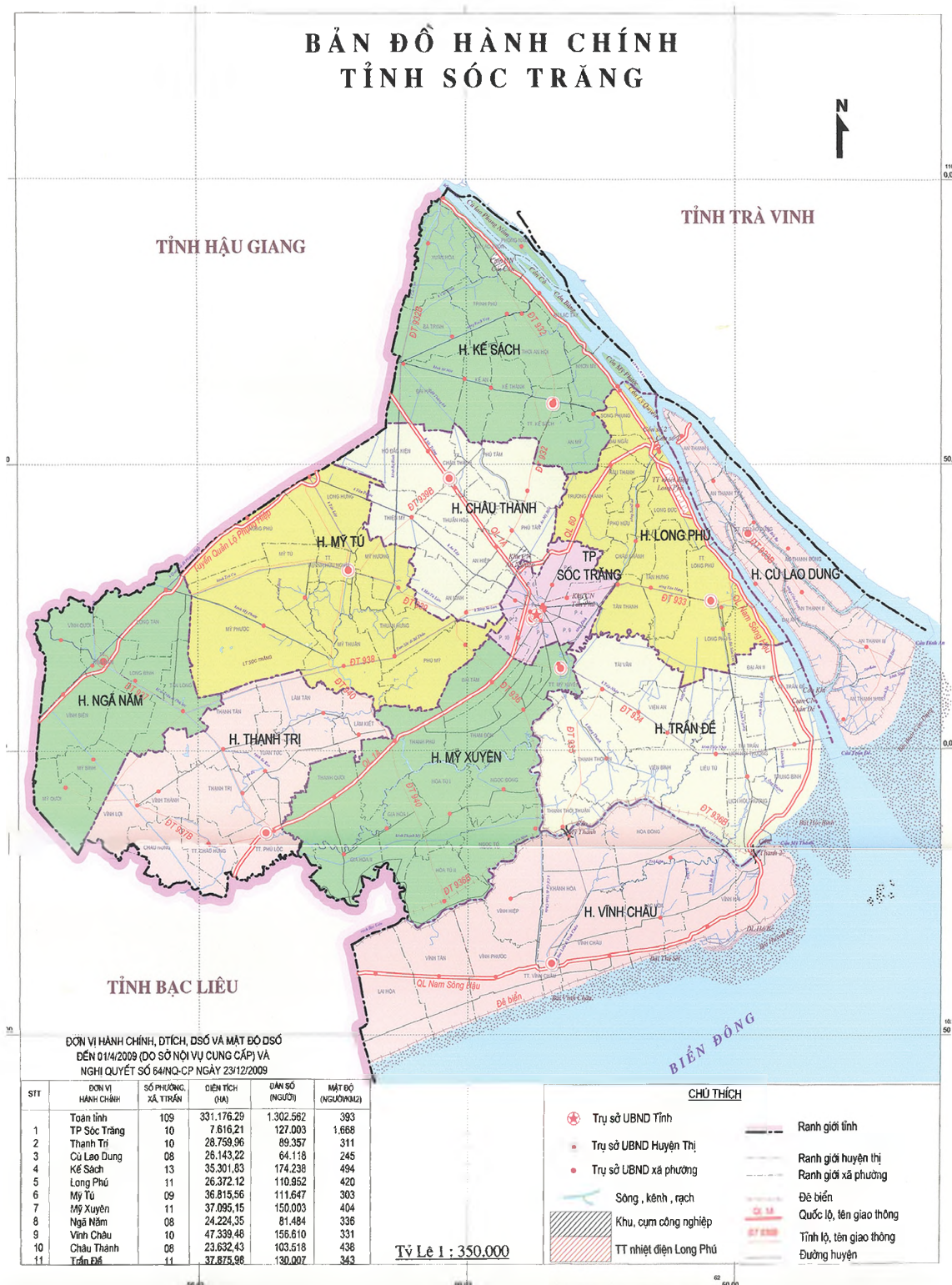
Đến đầu năm 2010, tỉnh Sóc Trăng có 331.176ha diện tích tự nhiên và có 11 đơn vị hành chính trực thuộc; 109 xã, phường, thị trấn; gồm các huyện: Cù Lao Dung, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm, Vĩnh Châu, Châu Thành, Trần Đề và thành phố Sóc Trăng.

*

* *

Tóm lại lịch sử hình thành địa giới hành chính tỉnh Sóc Trăng gắn liền với lịch sử hình thành Nam Bộ và mở mang hoạch định cương thổ của nhà Nguyễn, với lịch sử đấu tranh khai phá mở đất và đấu tranh giữ nước của 3 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Về khai thác đất đai, triều Nguyễn là giai đoạn đưa dân định cư, mở mang bờ cõi, khai thác đất đai chủ yếu là khoét lõm và dựa vào tự nhiên với hai hình thức là dân tự khai thác và binh lính khai thác. Từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1920 là thời kỳ thực dân Pháp đầu tư giao thông, thủy lợi, Nhà nước thực dân và dân khai thác quảng canh mạnh mẽ đất đai và xây dựng kết cấu hạ tầng ban đầu. Giai đoạn sau giải phóng từ năm 1975 đến nay là thời kỳ thâm canh tăng vụ, phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện.

Về các cấp hành chính, tại vùng đất Sóc Trăng, có thể khái quát như sau:



Bản đồ hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2009

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

trước năm 1867 - khi thực dân Pháp xâm lược là phủ, huyện, tổng, thôn, ấp; từ năm 1867 đến năm 1945 là tỉnh (khu thanh tra, hạt, phủ), huyện (khi có khi không), tổng, làng (ấp); 1945 đến 1975 là tỉnh, huyện (quận), tổng (đến năm 1971), xã (làng), (ấp) với hội đồng tỉnh, hội đồng xã; sau năm 1975 là tỉnh, huyện, xã (ấp) với hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã.

Năm 1714, thời chúa Nguyễn có địa danh hành chính đầu tiên của đất Sóc Trăng tên gọi Trấn Di đạo. Năm 1835, dưới thời triều Nguyễn phủ Ba Xuyên được thành lập. Năm 1867, thực dân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây và năm 1868 thực dân Pháp thành lập hạt Sóc Trăng có địa giới hành chính gần như ngày nay, năm 1900, thực dân Pháp thành lập tỉnh Sóc Trăng. Theo chiều dài lịch sử, địa danh Ba Xuyên tồn tại 42 năm từ năm 1835 đến năm 1876, địa danh Sóc Trăng tồn tại 81 năm từ năm 1876 đến năm 1956, địa danh Ba Xuyên lại có 19 năm nữa từ 1956 đến 1975. Sau năm 1976, Sóc Trăng sáp nhập với Cần Thơ thành Hậu Giang, đến năm 1992 tỉnh Sóc Trăng được tái lập và tồn tại cho đến ngày nay.

VIII. LƯỢC SỬ HÀNH CHÍNH CÁC HUYỆN VÀ THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

1. Thành phố Sóc Trăng

1.1. Điều kiện tự nhiên

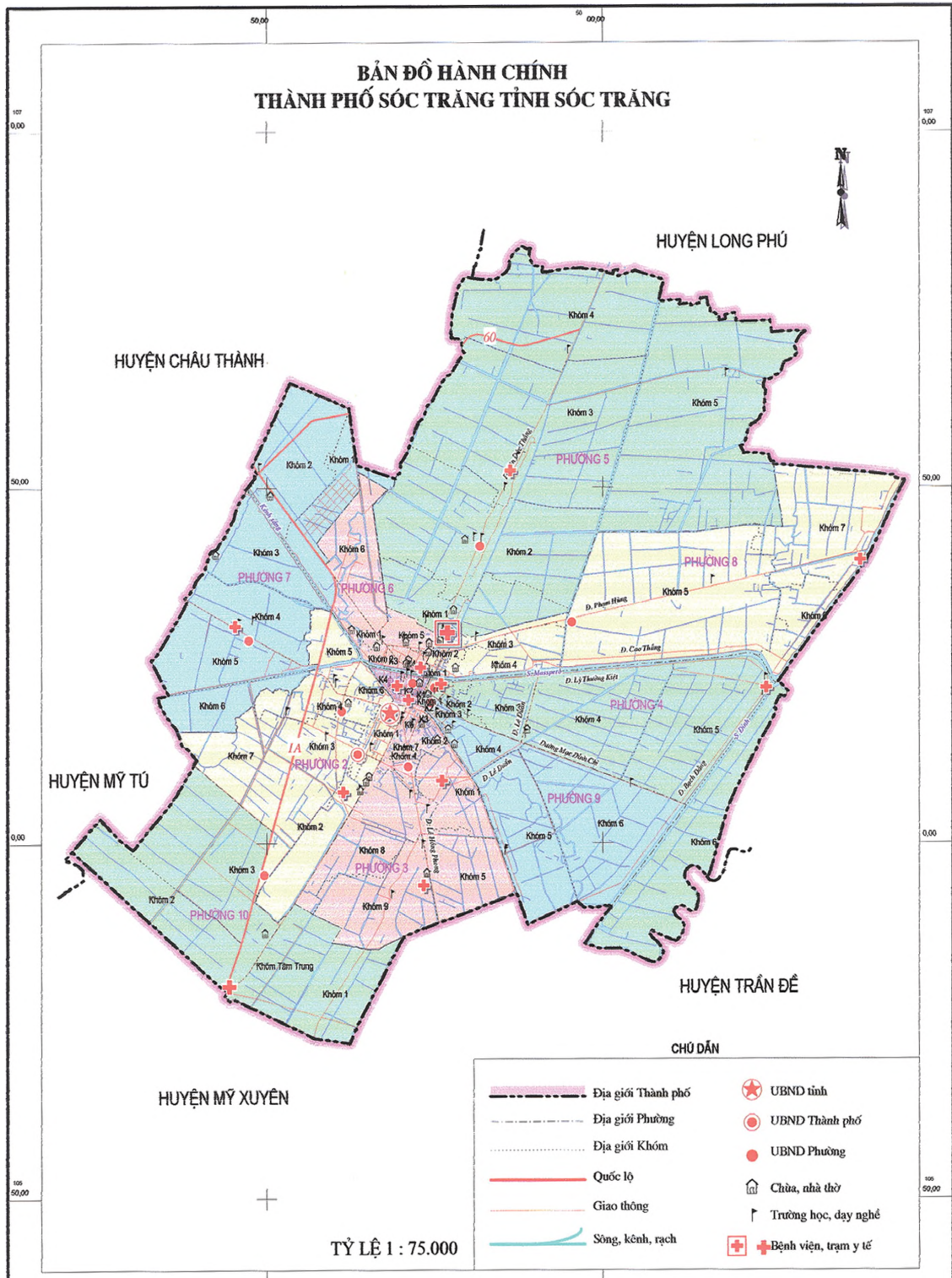
Thành phố Sóc Trăng là tỉnh lỵ của tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý từ 9°33'36" đến 9°39'40" vĩ Bắc và

từ 105°56'16" đến 106°02'23" kinh Đông. Phía bắc và đông giáp huyện Long Phú. Phía nam giáp huyện Mỹ Xuyên. Phía đông nam giáp huyện Trần Đề. Phía tây giáp huyện Châu Thành và Mỹ Tú.

Thành phố Sóc Trăng là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh Sóc Trăng, có 10 phường, 60 khóm, diện tích 7.615,22ha, dân số năm 2010 là 136.857 người, mật độ dân số trung bình 1.797 người/km²; trong đó dân tộc Kinh 87.562 người chiếm 63,98% dân số, Khmer 31.784 người chiếm 23,22%, Hoa 17.383 người chiếm 12,70%, dân tộc khác 128 người chiếm 0,1%.

Thành phố Sóc Trăng nằm trong khu vực địa hình cao của tỉnh. Cao trình đất từ 0,8 - 1,2m. Do ở cuối khu vực ngập lũ của sông Cửu Long nên hằng năm vào các tháng 8, 9, 10 đồng ruộng ngập nước trong thời gian ngắn, nhưng không ngập sâu. Đất Sóc Trăng đa phần là phù sa ngọt, ít phèn, không nhiễm mặn. Một vài nơi có những giồng cát cổ trải dài, nền đất cao, loại đất cát pha, người dân thường sử dụng để trồng rẫy, rau màu và xây dựng nhà ở.

Thành phố Sóc Trăng có nhiều kênh, rạch. Nguồn nước sông Hậu theo kênh Phú Hữu, Sóc Trăng - Phụng Hiệp, kênh 30/4, Sóc Trăng - Đại Ngãi cung cấp cho thành phố khá dồi dào. Tuy nhiên, về mùa khô có lúc nước nhiễm mặn theo rạch Ba Xuyên lên xâm nhập vào các kênh, rạch của thành phố. Các kênh lớn của Sóc Trăng còn có các kênh: 30/4,



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

19/5, Trường Thọ, Chông Chác, Nước Ngọt, Dân Lịch, Xà Lan, Văn Lục, kênh 77, Tám Thuốc, Tạo Nguồn, Thanh Niên, Chùa Cũ, Cần Giờ 1, Cần Giờ 2. Các sông, rạch có sông: Sóc Đồ, rạch Phú Tức, Xã Xiêng, Ngã Tư.

Giao thông đường thủy: các kênh, rạch có độ dốc thấp, hiện tượng bồi lắng diễn ra hằng năm rõ rệt. Sông, rạch lưu thông với nhau một cách tự nhiên làm cho hệ thống giao thông thủy thông suốt. Xưa kia người Pháp đã quy hoạch hệ thống kênh hoàn chỉnh. Đó là kênh Maspéro dài trên 7km, rộng trung bình 12m, nối tỉnh lỵ Sóc Trăng với kênh Saintard và sông Bassac; kênh từ Sóc Trăng đi Bãi Xàu dài trên 1.200m là đường vận tải thủy chủ yếu trước đây.

Giao thông đường bộ: tổng chiều dài đường bộ của thành phố Sóc Trăng là 99,6km. Quốc lộ 1 và quốc lộ 60, lộ Nam Sông Hậu chạy qua tỉnh, là những tuyến giao thông bộ quan trọng. Từ thành phố Sóc Trăng có thể lưu thông tới tất cả các huyện lỵ trong tỉnh bằng đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ. Các tuyến đường nội thành được trải nhựa, có vỉa hè và cống thoát nước; bộ mặt đô thị khang trang, sạch đẹp. Các con hẻm đa phần đã được bê tông hóa. Có những con đường rộng, có dải phân cách trồng cây xanh rất đẹp như Phú Lợi, Hùng Vương, Nguyễn Văn Linh, Trần Hưng Đạo. Sóc Trăng có đường Hai Bà Trưng ở trung tâm thành phố, xưa kia là một đoạn quốc lộ 1A do người Pháp xây dựng đầu thế kỷ XX, nay trở thành con đường buôn bán sầm uất và giàu có.

1.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Thời nhà Nguyễn, năm 1830, địa phận thành phố Sóc Trăng là thôn An Khánh, tổng Định Khánh thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Năm 1853, nơi đây thuộc huyện Phong Nhiêu, bao gồm các thôn: An Tập, Lai Tâm, Chung Đôn, Nhâm Lăng, Khánh Hưng, Ôi Lôi, Văn Trật và Phú Ninh, thôn An Khánh là huyện lỵ.

Thời Pháp thuộc, năm 1868, địa phận thành phố Sóc Trăng gồm các làng: Nhâm Lăng, Khánh Hưng, Chung Đôn, Sung Đình, An Tập, Lai Tâm, Ôi Lôi, Phước Lai, Văn Trật thuộc tổng Nhiêu Khánh, và Hòa Túc, Phú Ninh thuộc tổng Nhiêu Hòa, huyện Phong Nhiêu, hạt Ba Xuyên, tỉnh An Giang. Năm 1894, thành phố Sóc Trăng có 9 làng là: An Tập, Lai Tâm, Chung Đôn, Nhâm Lăng, Khánh Hưng, Ôi Lôi, Phước Lai, Sung Đình, Văn Trật thuộc tổng Nhiêu Khánh, hạt Sóc Trăng.

Năm 1917, thành phố Sóc Trăng gồm các thôn: An Trạch, Chung Đôn, Khánh Hưng, Lai Tâm, Nhâm Lăng, Ôi Lôi, Phước Lai, Sung Đình thuộc tổng Nhiêu Khánh và Hòa Túc, Phú Ninh thuộc tổng Nhiêu Hòa, quận Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. Tháng 6-1949, lập tỉnh lỵ Khánh Hưng thuộc làng Khánh Hưng, tổng Nhiêu Khánh, quận Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Nơi đây chính thức trở thành trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh.

Thời chính quyền Sài Gòn, tháng 4-1957, thành phố Sóc Trăng có 3 xã Khánh Hưng, Nhâm Lăng, Chung Đôn thuộc quận Châu Thành, tỉnh Ba Xuyên. Ngày 10-2-1969, 37 ấp của xã Khánh Hưng sáp nhập lại còn 17 ấp: Khánh Bình, Khánh Thành, Khánh Bạch, Khánh Vĩnh, Khánh Diệu, Khánh Tâm, Khánh Hùng, Khánh Hòa, Khánh Quang, Khánh Sơn, Nhà Việc, Giồng, Chông Chác, Kho Dầu, Sung Đình 1, Sung Đình 2, Kênh Xáng. Ngày 2-2-1973, tách ấp Khánh Diệu lập thêm ấp Khánh Hưng 2, tách ấp Khánh Tâm lập ấp Khánh Tâm 2 thuộc xã Khánh Hưng, quận Mỹ Xuyên.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam 30-4-1975 cho đến năm 1992, thị xã Sóc Trăng có 6 phường: từ phường 1 đến phường 6. Ngày 30-10-1995, mở rộng địa giới thị xã Sóc Trăng và thành lập thêm 4 phường là phường 7 đến phường 10. Ngày 28-2-2007, thị xã Sóc Trăng được nâng cấp lên thành phố.

1.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Năm 1867, người Pháp đã tổ chức bộ máy hành chính cai trị trực tiếp tại Sóc Trăng, xây dựng dinh Hạt Tham Biện. Năm 1904, thị tứ hạng I, tức là chợ loại I được công nhận, đó là chợ Khánh Hưng nay là chợ Sóc Trăng. Năm 1908, tỉnh trưởng Maspéro cho đào kênh nối liền Sóc Trăng - Phụng Hiệp còn gọi là kênh Maspéro. Năm 1930, Tòa bố còn gọi là Dinh Tỉnh trưởng, được xây dựng, tiếp đến là Sở

Quan thuế, Tòa án tỉnh, Sở Thương chánh, Ty Ngân khố, Sở Điện địa, Ty Bưu điện, Trại Lính tập, Sở Cảnh sát, Khám đường. Tương phản với khu vực hành chính có bộ mặt uy nghi, bề thế, khu thương mại là nơi hội tụ giao lưu buôn bán với đủ thành phần tham gia. Bên cạnh những người buôn gánh bán bưng đã có nhiều tiệm buôn nhỏ, hiệu buôn lớn, xưởng sửa chữa cơ khí, tiệm vàng, tiệm may, rạp hát, quán xá. Dọc theo dòng kênh Maspéro, các nhà máy chà gạo, lẫm lúa, bến tàu lục tỉnh tiếp nối nhau hình thành. Trong giai đoạn này nhiều người giàu có đổ ra các khu vực chợ thị tứ để kinh doanh thương mại, nhất là chợ Khánh Hưng. Nhiều tiểu thương, tiểu chủ tiếp nhận thêm những kỹ nghệ mới, chủ yếu là những ngành chế biến và tiêu dùng. Ngành kim hoàn hình thành từ những cơ sở gia truyền nay đã tiến lên một bước là thành lập các cửa hàng vàng bạc, lập miếu thờ vị tổ ngành thợ bạc là Miếu Tổ Kim hoàn ở đường Lê Lợi ngày nay. Trung tâm Sóc Trăng có nhà lồng chợ Khánh Hưng, đình Năm Ông. Ngoài ra còn có các ngôi chùa nổi tiếng mang đậm dấu ấn văn hóa như chùa Khleang, chùa Dơi (Mahatúp), Sầm Rong, Đại Giác, Ngọc Khánh, Ngọc Hưng, Trà Tim cũ, Phước Nghiêm, La Hán.

Ngày nay, thành phố Sóc Trăng có hai khu công nghiệp và nhiều nhà máy lớn là các nhà máy chế biến thủy sản, xay sát lúa gạo, vật liệu xây dựng, bia, mía đường. Nhiều năm qua, tăng trưởng kinh tế ở mức cao trên 10%/năm, đời sống kinh tế - văn hóa của người dân được nâng cao rõ rệt. Năm 2010, diện

tích gieo trồng lúa của thành phố là 9.413ha, năng suất đạt 52,87 tạ/ha/vụ, sản lượng lúa 49.768 tấn. Giá trị sản xuất nông nghiệp 135,52 tỷ đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp 3.747,5 tỷ đồng, chiếm 50,01% giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Sóc Trăng (giá cố định năm 1994).

2. Huyện Mỹ Xuyên

2.1. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Huyện Mỹ Xuyên nằm gần trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý như sau: từ 9°21'13" đến 9°35'02" vĩ Bắc; và từ 105°49'31,8" đến 106°06'35" kinh Đông

Phía bắc giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Mỹ Tú. Phía nam giáp huyện Vĩnh Châu và huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Phía đông giáp huyện Trần Đề. Phía tây giáp huyện Thạnh Trị.

Huyện Mỹ Xuyên có diện tích 37.095,15ha, năm 2010 dân số 156.370 người, trong đó dân tộc Kinh 100.211 người, chiếm 65,36% dân số; Khmer 51.807 người, chiếm 33,13%; Hoa 4.336 người, chiếm 2,77%; dân tộc khác 16 người. Mật độ dân số 421 người/km². Mỹ Xuyên có 1 thị trấn, 10 xã, 103 ấp.

Địa hình huyện Mỹ Xuyên bằng phẳng, chênh lệch độ cao, thấp ít. Cao trình đất biển thiên từ 0,3 - 1m. Nhiều nơi có những giồng cát cổ trải dài như các giồng cát ở Đại Tâm, Tham Đôn, Thạnh Phú, thị trấn Mỹ Xuyên. Đất đai của huyện đa phần bị nhiễm phèn và mặn ở mức trung bình. Mỹ Xuyên

có hệ thống kênh, rạch phát triển, đan xen thành mạng lưới dày đặc vừa cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, thau chua rửa mặn, vừa là tuyến giao thông thủy quan trọng. Chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng của nguồn nước từ sông Mỹ Thanh. Các kênh đào lớn có Thạnh Mỹ, 19/5, Thanh Nhàn, Phú Thuận, Đại Tâm, Tám Thước, Sà Lôn, Chế Hưng, Bưng Cóc, Cà Lăm, Ven, Hòa Bình, Tầm Lon, Cống Đá, Chế Hưng, Ngã Hiệp. Các sông, rạch lớn có Dù Tho, Cổ Cò, Nhu Gia, Bãi Xàu, Chàng Ré, Trà Cuôn, Rạch Sên, Xóm Đồng, Xẻo Sậy, Rô, Đình, Trà Thê, Xóm Lung, Rạch Rừng, Ngã Lá, Rạch Rò, Cái.

Giao thông đường bộ có quốc lộ 1A xuyên ngang các xã Đại Tâm, Thạnh Phú, Thạnh Quới. Đường tỉnh có đường 934 Mỹ Xuyên đi Kinh Ba, đường 936 Đại Tâm đi Tham Đôn, đường 936B Tham Đôn đi Cổ Cò rồi vòng sang chợ Kinh, đường 939 Đại Tâm đi Bó Thảo, đường 940 Nhu Gia đi Chợ Kinh. Đường huyện có đường 14 Mỹ Xuyên đi Giồng Có, Tắc Giồng vòng về Nhu Gia, đường 15 Hòa Phương sang Hòa Thượng, đường 18 Gia Hòa 2 sang Hòa Tú, đường 20 Thạnh Quới đi Gia Hòa 2. Nhìn chung, từ huyện lỵ Mỹ Xuyên đi các huyện Vĩnh Châu, Thạnh Trị, Trần Đề, thành phố Sóc Trăng bằng đường bộ khá thuận lợi. Ngoài ra, hệ thống hương lộ, liên ấp đa phần đã được trải bê tông tủa đi khắp các nẻo trong huyện, xã thuận lợi cho đi lại và giao thương của nhân dân trong vùng.



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

2.2. Những thay đổi địa danh, địa giới hành chính qua các thời kỳ

Năm 1830, thị trấn Mỹ Xuyên là thôn Hòa Mỹ, tổng Định Khánh thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Năm 1835, huyện Mỹ Xuyên thuộc địa phận huyện Phong Nhiêu, phủ Ba Xuyên. Năm 1868, Mỹ Xuyên gồm một số thôn của 3 tổng: Thạnh Hòa, Nhiêu Phú, Nhiêu Mỹ huyện Phong Nhiêu.

Năm 1876, địa phận Mỹ Xuyên nằm ở 4 tổng Định Chí, Thạnh An, Nhiêu Hòa, Nhiêu Phú hạt Sóc Trăng. Tổng Định Chí có 1 thôn thuộc huyện Mỹ Xuyên là Mỹ Xuyên. Tổng Thạnh An có 5 thôn thuộc Mỹ Xuyên là Khánh Hội, Gia Hòa, Nhu Gia, Lịch Trà, Đào Viên Tây. Tổng Nhiêu Hòa có 5 thôn thuộc Mỹ Xuyên là Tham Đôn, Cần Giờ, Trà Tâm, Châu Tâm, Tài Sum. Tổng Nhiêu Phú có 3 thôn thuộc Mỹ Xuyên là Lâm Gia, Sô La, Tầm Lắc. Năm 1917, Mỹ Xuyên có các thôn Cần Giờ, Châu Tâm, Tài Sum, Tham Đôn, Trà Tâm thuộc tổng Nhiêu Hòa; các thôn Sô La, Lâm Gia, Tầm Lắc thuộc tổng Nhiêu Phú và các thôn Khánh Hội, Gia Hòa, Đào Viên Tây, Nhu Gia, Lịch Trà, Phú Giao thuộc quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 7-3-1947, quận hành chính Bãi Xàu thuộc tỉnh Sóc Trăng được thành lập. Từ ngày 1-1-1950 bãi bỏ quận Bãi Xàu.

Tháng 4-1957, Mỹ Xuyên gồm 5 xã Phong Hòa, Phước Tâm, Mỹ Xuyên, Đại Tâm, Tham Đôn thuộc quận Châu Thành, tỉnh Ba Xuyên. Tháng 12-1957,

Mỹ Xuyên gồm 2 xã Mỹ Xuyên, Phong Hòa tổng Nhiêu Khánh và 4 xã Đại Tâm (Hòa Tâm + Tài Sum cũ), Tham Đôn, Thạnh Phú, Hòa Tú của tổng Nhiêu Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Ba Xuyên. Tháng 1-1958, quận Mỹ Xuyên gồm các xã Mỹ Xuyên, Đại Tâm, Tham Đôn, Thạnh Phú, Hòa Tú, Gia Hòa (quận Châu Thành cũ). Ngày 27-8-1962, quận lỵ Mỹ Xuyên được dời về Bãi Xàu. Quận lỵ Bãi Xàu gọi là Trang Kinh.

Ngày 11-7-1968, quận Hòa Tú được thành lập, quận lỵ đặt tại xã Hòa Tú. Quận Hòa Tú gồm 2 xã Hòa Tú trước thuộc tổng Nhiêu Hòa quận Mỹ Xuyên và xã Gia Hòa trước thuộc tổng Thạnh An, quận Thạnh Trị và sáp nhập thêm 5 ấp Nàng Rền, Thị Yêu, Vàm Léo, Gia Hội, Năm Căn của xã Hưng Hội, tổng Thạnh Hòa, quận Vĩnh Lợi tỉnh Bạc Liêu. Ngày 10-2-1969, 12 ấp thuộc xã Thạnh Phú, quận Mỹ Xuyên sáp nhập còn 10 ấp: Rạch Rê, Trà Tép sáp nhập thành ấp Rạch Rê; Sóc Bưng, Ca Ba Chuôi sáp nhập thành Sóc Bưng và các ấp giữ nguyên: Nhu Gia, Cần Đước, Rạch Sên, Trà Mệt, Bưng Chum, Đáy Ba, Nhà Thờ, Trà Uốt. Ngày 17-4-1969, sáp nhập các ấp thuộc xã Thạnh Phú và xã Hòa Tú như sau: 10 ấp của xã Thạnh Phú sáp nhập còn 8 ấp: Bưng Chum, Đáy Ba thành Bưng Chum, Nhà Thờ, Trà Uốt thành Nhà Thờ và các ấp giữ nguyên: Nhu Gia, Cần Đước, Sóc Bưng, Rạch Sên, Trà Mệt, Rạch Rê. 17 ấp của xã Hòa Tú sáp nhập còn 6 ấp: 5 ấp Hòa Đại, Hòa Quới, Ông Huyện, Huỳnh Hy, Ba Gia sáp nhập lại thành Hòa Đại; 7 ấp: Xóm Mới, Trà Thê,

Tầm Lon, Ba Chùa, Lung Sen, Rạch Rò, Rạch Rừng sáp nhập lại thành Xóm Mới; và các ấp giữ nguyên: Cổ Cò, Nhà Thờ A, Nhà Thờ B, Nhà Thờ C.

Năm 1970, đất Mỹ Xuyên gồm các xã: Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Tham Đôn, Thạnh Phú thuộc quận Mỹ Xuyên, tỉnh Ba Xuyên. Ngày 5-3-1973, tách ấp Nhà Thờ xã Thạnh Phú lập thành ấp Trà Uốt.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, Mỹ Xuyên là 1 huyện của tỉnh Sóc Trăng. Ngày 7-7-1982, địa giới một số xã của huyện Mỹ Xuyên được phân định lại: chia xã Thạnh Quới thành 2 xã: Thạnh Quới và Thạnh Hưng; xã Thạnh Phú chia thành 2 xã: Thạnh Phú và Thạnh Lộc; xã Đại Tâm chia thành 2 xã: Đại Tâm và Đại Chí; xã Tham Đôn chia thành 2 xã Tham Đôn và Tham Đôn I; xã Tài Văn thành 2 xã: Tài Văn và Tài Chương; xã Gia Hòa chia thành 2 xã: Gia Hòa và Gia Hòa Đông; xã Ngọc Tố chia thành 3 xã: Ngọc Tố, Ngọc Đông, Ngọc Anh; xã Viên An chia thành 3 xã: Viên An, Viên Bình, Viên Hòa; xã Hòa Tú chia thành 3 xã Hòa Tú, Hòa Phú, Hòa Đức; xã Thạnh Thới An chia thành 4 xã: Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận, Thạnh Thới Hòa, Thạnh Thới Bình.

Ngày 16-9-1989, tiến hành phân vạch địa giới hành chính một số xã, thị trấn của huyện Mỹ Xuyên. Huyện Mỹ Xuyên có 1 thị trấn Mỹ Xuyên và 15 xã: Thạnh Quới, Thạnh Phú, Đại Tâm, Tham Đôn, Tài Văn, xã Gia Hòa đổi tên thành Gia Hòa I, xã Gia Hòa Đông

đổi tên thành Gia Hòa II, Viên An, Viên Bình, Ngọc Tố, Ngọc Đông, xã Hòa Tú đổi tên thành Hòa Tú I, xã Hòa Phú đổi tên thành Hòa Tú II, Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận.

Ngày 30-10-1995, tách ấp Tâm Trung và một phần của ấp Tâm Kiên nhập vào thị xã Sóc Trăng để thành lập phường 10. Ngày 23-12-2009, tách các xã Viên Bình, Viên An, Tài Văn, Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận của huyện Mỹ Xuyên và một số xã của huyện Long Phú thành lập huyện Trần Đề. Hiện nay, huyện Mỹ Xuyên có 11 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm thị trấn Mỹ Xuyên, các xã Hòa Tú 1, Hòa Tú 2, Gia Hòa 1, Gia Hòa 2, Ngọc Tố, Ngọc Đông, Thạnh Quới, Thạnh Phú, Tham Đôn, Đại Tâm.

2.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, vào năm Minh Mạng thứ 17 (năm 1836) thành phủ Ba Xuyên được dựng lên tại thôn Hòa Mỹ (nay là thị trấn Mỹ Xuyên), tường thành cao 3 thước, chu vi 200 trượng gồm 3 cửa, 4 mặt và xung quanh đều có hào sâu ngăn cách. Phủ thành Ba Xuyên vừa là nơi làm việc của quan lại thời đó, vừa là nơi chỉ huy trấn thủ mọi sự xâm nhập của đám hải tặc thường xuyên xâm nhập cướp phá. Nơi đây từ thế kỷ XVII và XVIII đã hình thành và phát triển thương cảng quốc tế Bãi Xàu.

Mỹ Xuyên là địa phương có nhiều nghề thủ công truyền thống như dệt chiếu ở Trà Ông, bánh tráng Bà Lèo,

bánh cồng Đại Tâm, bún nước lèo, tăng xại, cồng xại, nghề rèn dao, phảng. Có thể nói trong buổi đầu khai phá, vùng đất Bãi Xàu trong khu vực Bassac có bước phát triển mạnh mẽ. Bãi Xàu cùng với Vàm Tấn và Rạch Gòi (Prek Koi) là những trọng điểm phát triển kinh tế thời bấy giờ, là bàn đạp và cũng là cửa ngõ của cả hai tuyến đường bộ và đường thủy để đi vào nội địa Sóc Trăng xưa.

Dưới thời Pháp thuộc, ruộng đất tập trung trong tay địa chủ. Chỉ tính riêng làng Hòa Tú với diện tích hơn 12.000ha nhưng đã có hơn 10.000ha là đất địa chủ, trong đó địa chủ Phủ An khoảng 2.000ha, Tư Phùng 700ha, Hương sư Chanh 1.600ha, bà Trùm 500ha, cả Tám 600ha, số còn lại của Trương Vĩnh Khánh, Lâm Em, Chạp Đông... Ngoài địa chủ bản địa, công chức người Pháp cũng chiếm đất thành lập đồn điền như Gressier, Baze, De Lacour Toure tại làng Thạnh Thới An.

Là vùng đất hội tụ, cộng cư lâu đời của 3 dân tộc Kinh - Hoa - Khmer trong quá trình khai phá, người dân nơi đây vốn có truyền thống đoàn kết, gắn bó cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Trải qua chặng đường lịch sử khai hoang, phục hóa, cải tạo thiên nhiên trên vùng đất mới, 3 dân tộc anh em vừa giữ được phong tục tập quán riêng vừa có những nét văn hóa hòa quyện, gắn bó cùng nhau phát triển. Trong đó hệ thống chùa, đình, miếu phát triển khá đặc sắc như chùa Ông

Bồn, miếu Ba Thắc, chùa Khmer... là những di tích lịch sử văn hóa quan trọng. Ngoài ra, các loại hình văn hóa phi vật thể như hát yuke, trống xadăm, múa lân, đờn ca tài tử cũng phát triển mạnh ở nhiều địa bàn trong huyện.

Mỹ Xuyên từng là mảnh đất hội tụ những người con bền gan vững chí trong công cuộc khai hoang, phục hóa và trung dũng, kiên cường trong chống giặc ngoại xâm. Tháng 1-1938, chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh được thành lập ở làng Hòa Tú và cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 tại Hòa Tú đã giải phóng quê hương trong thời gian ngắn. Nay nền kinh tế Mỹ Xuyên chủ yếu là làm nông nghiệp với trình độ canh tác và xoay vòng tăng vụ nhanh. Vùng đất được ngọt hóa ở phía bắc huyện chủ yếu trồng 2 vụ lúa với năng suất cao. Đất giồng trồng cây trái, làm rẫy và rau màu. Vùng đất nhiễm mặn phía nam nuôi tôm sú chuyên canh hoặc tôm kết hợp 1 vụ lúa vào mùa mưa. Những năm gần đây, nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, lúa có giá, nuôi trồng thủy sản lợi nhuận cao nên đời sống kinh tế - văn hóa của người dân được nâng cao rõ rệt. Năm 2010, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp là 303,8 tỷ đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp là 114,9 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994). Diện tích gieo trồng lúa 28.111ha; năng suất lúa 48,81 tạ/ha; sản lượng lúa là 137.199 tấn, đứng thứ 8/11 huyện, thị. Diện tích nuôi tôm của huyện đạt 17.186ha, sản lượng tôm đạt 11.599 tấn.

3. Huyện Mỹ Tú

3.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Mỹ Tú nằm ở phía bắc tỉnh Sóc Trăng có vị trí địa lý như sau: từ 9°31'27" đến 9°44'50" vĩ Bắc, và từ 105°40' 3,9" đến 105°48'53,5" kinh Đông. Phía bắc giáp huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang và huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. Phía nam giáp huyện Thạnh Trị. Phía đông giáp huyện Mỹ Xuyên. Phía tây giáp huyện Ngã Năm.

Huyện Mỹ Tú có diện tích 36.815,56ha, dân số năm 2010, 107.017 người, trong đó người Kinh 79.503 người chiếm 74,29% dân số, Khmer 26.420 người chiếm 24,69%, Hoa 1.077 người chiếm 1,01%, dân tộc khác 17 người. Mỹ Tú có 1 thị trấn và 8 xã, 83 ấp. Mật độ dân số trung bình 291 người/km², xếp vào nhóm có mật độ dân số thấp của tỉnh.

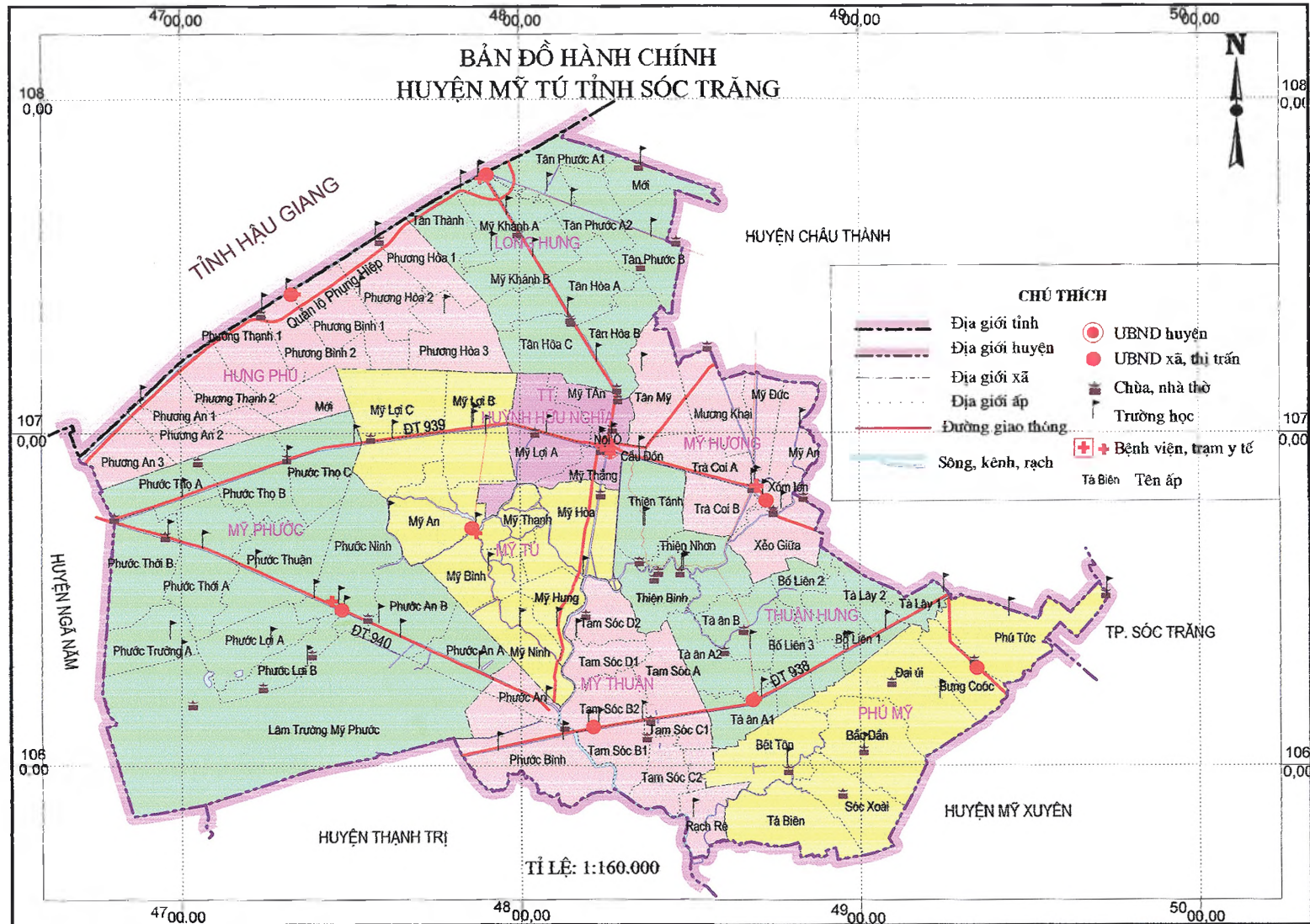
Địa hình huyện Mỹ Tú bằng phẳng, độ cao trong khoảng 0 - 1,3m hướng dốc nghiêng dần từ đông sang tây, có khả năng tiêu nước tốt trong các tháng mùa mưa. Vùng phía tây và tây nam là miền đất trũng có nhiều lung bàu.

Mỹ Tú có chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng của hai nguồn nước là nước ngọt từ Ngã Bảy theo các kênh Quản Lộ, Sóc Trăng, Ba Rinh đưa xuống và nước nhiễm mặn từ sông Mỹ Thanh theo rạch Nhu Gia lên. Vào mùa khô phần phía nam huyện thuộc các xã Mỹ Phước, Hưng Phú, Phú Mỹ, Thuận Hưng chịu ảnh hưởng của nước nhiễm mặn. Nhìn chung, nước nhiễm mặn ít tràn lên đồng do có các cống đập ngăn

mặn. Phía bắc huyện nước ngọt hoàn toàn, mực nước ngọt trong mùa mưa trong khoảng 30 - 70cm. Ảnh hưởng của thủy triều khá mạnh, biên độ triều có thể đạt 1,5 - 2m. Phía tây nam có địa hình thấp trũng, là nơi tiếp giáp hai nguồn nước ngọt và nhiễm mặn. Mùa mưa đồng ruộng ngập nước sâu từ 50 - 90cm, khả năng tiêu nước khó nên đất có nhiều phèn. Phía đông và đông nam huyện địa hình tương đối cao, một phần bị nước nhiễm mặn từ rạch Nhu Gia nên hình thành các loại đất phù sa và phù sa nhiễm mặn.

Mỹ Tú có mạng lưới kênh, rạch dày đặc, kênh chính có Quản Lộ, Ba Rinh, Tân Phước, Tân Lập, Mỹ Phước, Tam Sóc - Bồ Thào, Xà Lan, Trà Cú Cạn, Rạch Rê - Phú Mỹ, Mương Khai, Tám Thước, Chín Thước, Bồ Xuyên, Hàng Sắn, Bồ Ngang, Giải Phóng, Thầy Bảy, Xáng Cụt, kênh bao Lâm trường. Sông, rạch lớn có Bắc Trang, Nhu Gia, Bồ Thào, Mỹ Hương, Ô Uên, Cây Còng, Cây Bàng, Đốc Giông, Ba Chét, Tầm Lớn, Cái Triệt, Đại Nia, Ô Rô, Bà Cảnh, Trà Rum, Đường Trâu, Xóm Tiệm, Ông Hội. Chúng tạo thành mạng lưới đường thủy rộng khắp rất thuận lợi cho giao thương giữa các vùng. Mỹ Tú nằm trên đường giao thông thủy quốc gia Cà Mau - Phụng Hiệp - Cái Côn - ... Thành phố Hồ Chí Minh.

Về giao thông đường bộ có đường liên tỉnh lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp chạy xuyên suốt phía tây bắc đến tây nam huyện. Tỉnh lộ có các đường tỉnh 938 từ quốc lộ 1 qua Bồ Thào vào Tam Sóc; đường 939 từ Đại Tâm thuộc Mỹ Xuyên



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

chạy qua Phú Mỹ, An Ninh, Mỹ Hương vào thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa rồi qua Mỹ Tú, Mỹ Phước sang Long Tân thuộc huyện Ngã Năm; đường 939B từ trung tâm huyện chạy ra Thiện Mỹ, ra huyện Châu Thành; đường 940 từ Long Hưng qua trung tâm huyện vào xã Mỹ Tú, qua Mỹ Thuận về Nhu Gia. Huyện lộ có các đường huyện 25 từ Mỹ Thuận qua Mỹ Phước sang Long Tân, đường 27 từ trung tâm huyện vào xã Mỹ Tú qua Mỹ Thuận, đường 31 từ trung tâm huyện chạy hình vòng cung theo các rạch Cái Triệt, Tầm Lớn, Mỹ Hòa sang Mỹ Hương, đường 32 từ Long Hưng về Thiện Mỹ. Nhiều đường liên ấp, liên xã đã được trải bê tông, trải nhựa nên đi lại và giao thương thuận lợi.

3.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1835, đất Mỹ Tú thuộc huyện Phong Nhiêu phủ Ba Xuyên. Thời Pháp thuộc năm 1868, huyện Phong Nhiêu thuộc hạt Ba Xuyên, một số thôn thuộc địa bàn huyện Mỹ Tú ngày nay thuộc tổng Nhiêu Mỹ, Nhiêu Khánh. Năm 1876, huyện Mỹ Tú gồm các thôn Bồ Liên, Tam Sóc, Tà An, Hòa Hương, Thiện Hòa của tổng Nhiêu Mỹ và Phong Lạp, Tá Biên, Thị Phụng của tổng Nhiêu Hòa, hạt Sóc Trăng.

Năm 1894, địa phận Mỹ Tú gồm các làng sau: Bồ Liên, Thiện Hòa, Hòa Tú, Mỹ Tú, Tà An, Mỹ Phước, Tam Sóc của tổng Nhiêu Mỹ và Phong Lạp, Tá Biên, Thị Phụng của tổng Nhiêu Phú, hạt Sóc Trăng. Năm 1917, địa phận huyện Mỹ Tú gồm các thôn Bồ Liên, Hòa Hương, Tà Ân, Tam Sóc của tổng

Nhiêu Mỹ và Phong Lạp, Tá Biên, Thị Phụng của tổng Nhiêu Phú, quận Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Tháng 4-1957, địa phận huyện Mỹ Tú thuộc quận Bồ Tháo, tỉnh Ba Xuyên. Bốn xã thuộc Mỹ Tú là Mỹ Phước, Thiện Hương, Mỹ Tú, Thuận Hưng. Ngày 13-8-1957, huyện Mỹ Tú gồm các xã Thuận Hưng, Thiện Hương tổng Thuận Mỹ và Mỹ Phước, Mỹ Tú của tổng Thuận Phú, quận Bồ Tháo. Ngày 13-1-1958, Mỹ Tú gồm 2 xã Thuận Hưng, Mỹ Hương tổng Thuận Hòa và 2 xã Mỹ Phước, Mỹ Tú tổng Thuận Phú, quận Thuận Hòa (Bồ Tháo cũ). Ngày 9-7-1958, ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Ba Xuyên. Quận Thuận Hòa có tổng Thuận Phú với các xã Mỹ Hương, Mỹ Phước là thuộc đất Mỹ Tú nay.

Năm 1970, Mỹ Tú có các xã Long Hưng, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Mỹ Thuận thuộc quận Thuận Hòa. Ngày 31-5-1972, xã Mỹ Tú mới thuộc quận Thuận Hòa được thành lập, gồm các ấp Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Lợi B nguyên thuộc xã Mỹ Thuận; các ấp Thiện Tâm, Thiện Tánh nguyên thuộc xã Mỹ Hương; các ấp Tân Mỹ và Tân Hòa nguyên thuộc xã Long Hưng.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, huyện Mỹ Tú thuộc tỉnh Sóc Trăng. Ngày 23-1-1988, phân vạch lại địa giới một số xã của huyện Mỹ Tú: tách một phần của các xã Long Hưng, An Ninh, Hồ Đắc Kiện, Mỹ Hương thành lập xã Thiện Mỹ. Xã Long Hưng chia thành hai xã Long Hưng và Hưng Phú. Lấy một phần các

xã Mỹ Phước, Phú Mỹ, Thuận Hưng thành lập xã Mỹ Thuận.

Ngày 26-12-1991, tỉnh Hậu Giang chia thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Huyện Mỹ Tú có 1 thị trấn và 15 xã là thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, các xã Hồ Đắc Kiện, Phú Mỹ, Phú Tâm, Mỹ Tú, Thiện Mỹ, Hưng Phú, Thuận Hòa, Thuận Hưng, Phú Tân, Mỹ Thuận, Mỹ Hương, Mỹ Phước, An Hiệp, Long Hưng, An Ninh. Ngày 24-9-2008, thị trấn Châu Thành thuộc huyện Mỹ Tú được thành lập, tách từ xã Thuận Hòa và Hồ Đắc Kiện. Huyện Châu Thành được thành lập bao gồm các xã Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ và thị trấn Châu Thành. Hiện nay, huyện Mỹ Tú có 9 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa và các xã Mỹ Tú, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Mỹ Thuận, Hưng Phú, Long Hưng, Phú Mỹ, Thuận Hưng.

3.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Mỹ Tú trước đây vốn là vùng đất trũng thấp, hoang vu và nhiễm phèn nặng. Vào mùa nước nổi ngập tràn đồng, đất đai được khai thác chậm hơn các huyện khác. Những cư dân người Kinh, người Khmer từ lâu cùng nhau cộng cư chung sống bằng nghề nông, móc lôm làm ruộng, trồng rẫy, cấy câu, giăng lưới... làm kế sinh nhai. Đến năm 1907, Nhà nước thống kê lại ruộng đất, thành lập địa bạ và sơ khởi hình thành địa giới hành chính. Mỹ Tú có hệ thống giao thông đường thủy thuận lợi và nối liền thông qua các tuyến kênh,

sông, rạch, trong đó nhiều tuyến kênh nối liền với kênh xáng Phụng Hiệp có nhiều thuận lợi giao lưu về các ngả của Đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh, rất tiện lợi cho việc giao lưu và trao đổi, mua bán hàng nông sản.

Vào đầu thế kỷ XX, nhiều kênh lớn được đào để dẫn nước ngọt từ sông Hậu về, vùng đất này bắt đầu được cư dân khai thác. Tuy nhiên, cư dân chỉ sống ở 2 bên bờ các tuyến kênh và ở vùng đất cao. Các khu vực trũng được ít khai phá. Từng đợt cư dân bắt đầu đến định cư nơi đây. Năm 1905, khi kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng được đào và mở rộng thì việc khai hoang, phục hóa ở đây thuận lợi hơn nhiều, lượng nước trên cánh đồng hạ dần xuống do nước thoát ra các kênh đào lớn. Đầu thế kỷ XX, nhà thờ được thực dân Pháp giao đất quản lý và khai thác khá nhiều. Các dự án kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, Ba Rinh, Tà Liêm góp phần quan trọng mở rộng diện tích canh tác của huyện theo hướng quảng canh trong giai đoạn này. Ở những vùng đất mới được khai phá, chính quyền cho phép mở rộng đồn điền khuyến khích bọn tư bản Pháp đầu tư khai thác tài nguyên, điển hình là đồn điền “Tây đầu đò” ở Mỹ Phước, địa chủ Phủ Hàm Phải có hơn 3.000 mẫu đất, chiếm hơn 2/3 diện tích của làng Mỹ Tú. Các địa chủ cho xây dựng nhà lầu kiên cố với hàng chục dãy nhà kho chứa đồ dùng sản xuất, chuồng trâu, sân bãi rộng thênh thang, kho chứa lúa với sức chứa hàng chục nghìn giạ lúa.

Sau ngày miền Nam được giải phóng năm 1975, gần 30.000 người dân từ các nơi về sinh sống lập nghiệp tại huyện, chính quyền huyện thành lập Ban Chỉ đạo Hồi hương ở các xã Mỹ Tú, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Long Hưng, Hồ Đắc Kiện... tiếp nhận nhiều dân cư từ Sài Gòn và biên giới Campuchia về. Thời gian này, cơ sở vật chất ở các trường gặp nhiều khó khăn, xuống cấp nghiêm trọng, số học sinh đến trường rất thấp, tỷ lệ mù chữ cao. Về giáo dục, chính quyền đề ra chính sách bồi dưỡng lưu dụng lại toàn bộ đội ngũ giáo viên từ chế độ cũ trở lại làm việc, đào tạo cấp tốc giáo viên mới để mở các lớp bổ túc văn hóa, bình dân học vụ.

Đến nay, nền kinh tế của Mỹ Tú dựa vào sản xuất nông nghiệp và chủ yếu là trồng lúa, do khai hoang thâm canh, tăng vụ và nuôi trồng thủy sản nước ngọt những năm qua nền kinh tế phát triển rất nhanh nên đời sống kinh tế - văn hóa của người dân cũng dần được nâng cao. Tuy nhiên, ở vùng sâu, vùng xa và tập trung nhiều người Khmer đời sống người dân vẫn còn khó khăn, đông hộ nghèo, còn hộ đói ăn. Trải qua chặng đường lịch sử khai hoang, phục hóa, cải tạo thiên nhiên trên vùng đất mới, Mỹ Tú luôn giữ được phong tục tập quán riêng vừa có những nét văn hóa hòa quyện, gắn bó cùng nhau phát triển. Trong đó hệ thống nhà thờ, chùa, đình, miếu phát triển khá đặc sắc như nhà thờ Trà Cú Cạn, nhà thờ Bào Cồn, nhà thờ Tam Sóc, đình thần Mỹ Phước, miếu Bà Chúa (ấp Phước Thới), chùa Ông Bồn (ấp Phước Trường). Ngoài ra, Mỹ Tú còn có Khu căn cứ Tỉnh ủy

rừng Tràm Mỹ Phước,... là những di tích lịch sử, văn hóa quan trọng.

Năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 615,44 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 84,88 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994); diện tích gieo trồng lúa cả năm là 49.870ha, năng suất đạt 55,75 tạ/ha, sản lượng lúa đứng thứ 3 trong tỉnh: 278.022 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản là 3.402ha, trong đó nuôi cá 3.048ha, nuôi tôm 351ha, sản lượng cá là 1.402 tấn, tôm là 271 tấn.

Mía là cây trồng có thế mạnh của huyện. Diện tích mía liên tục tăng từ 2005 đến năm 2010 đạt 3.845ha, đứng hàng thứ 2 trong tỉnh, sau huyện Cù Lao Dung. Năng suất mía đạt 87 tấn/ha và sản lượng đạt 334.000 tấn. Mỹ Tú là vùng nguyên liệu mía đường lớn thứ hai của tỉnh Sóc Trăng.

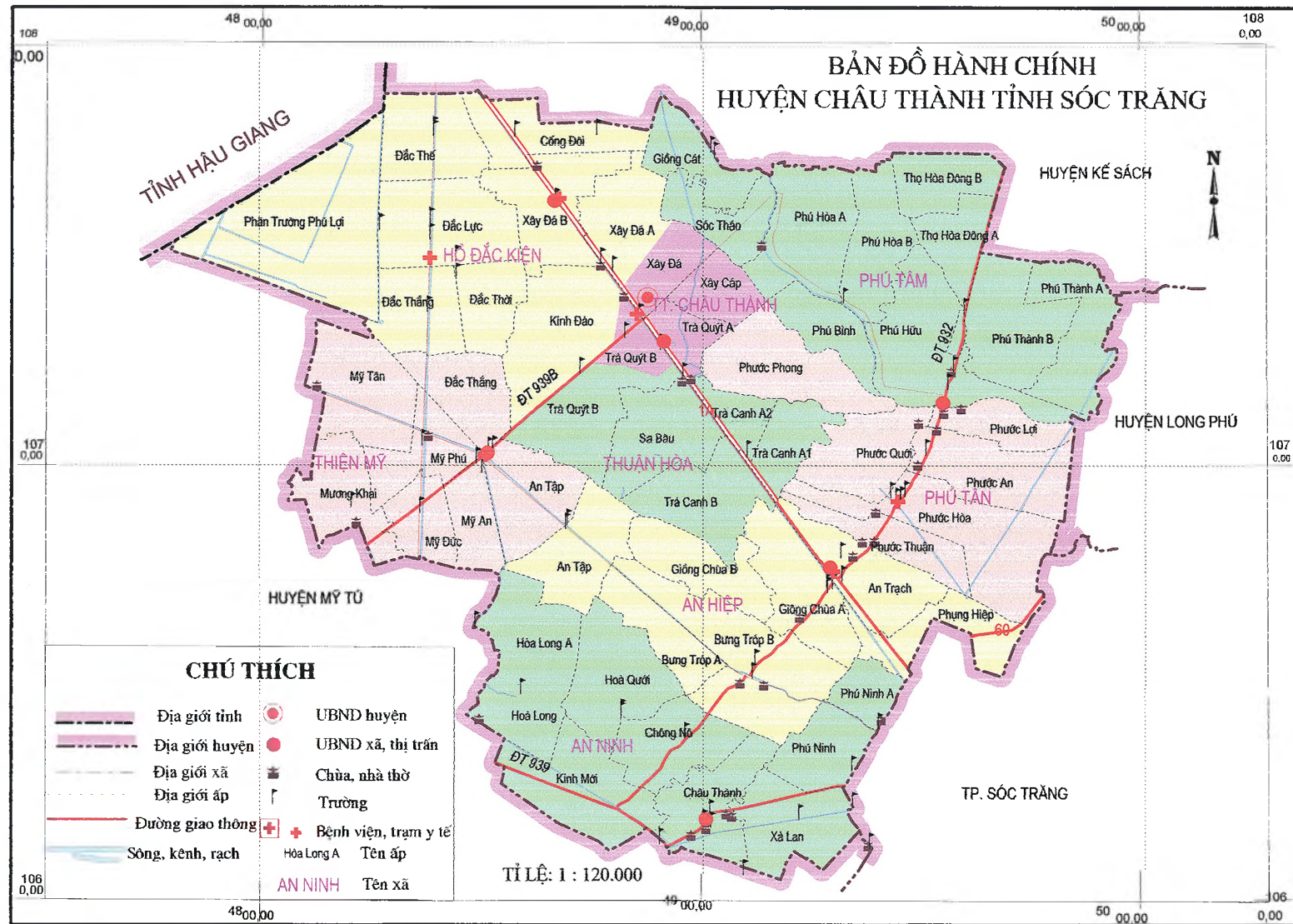
4. Huyện Châu Thành

4.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Châu Thành mới thành lập năm 2008, nằm ở phía bắc tỉnh Sóc Trăng. Có vị trí địa lý như sau:

Từ 9°44'27" đến 9°45'10,1" vĩ Bắc, từ 105°47'42" đến 105°49'29,6" kinh Đông. Phía bắc giáp thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang và huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; phía tây và nam giáp huyện Mỹ Tú; phía đông giáp huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng.

Châu Thành có diện tích 23.632,43ha, dân số năm 2010 là 101.379 người, trong đó Kinh 49.647 người chiếm 48,97% dân số, Khmer 48.505 người chiếm 47,85%, Hoa 3.167 người chiếm



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

3,12%, dân tộc khác 60 người. Châu Thành có 1 thị trấn và 7 xã, 52 ấp. Mật độ dân số trung bình 429 người/km², vào loại huyện có mật độ dân số trung bình cao của tỉnh.

Địa hình huyện Châu Thành bằng phẳng, hướng dốc nghiêng dần từ đông sang tây, có khả năng tiêu nước tốt trong các tháng mùa mưa, độ cao từ 0 - 1,3m so với mực nước biển. Châu Thành có nguồn nước ngọt từ phía Ngã Bảy theo các kênh Quán Lộ, Sóc Trăng, Ba Rinh đưa xuống.

Châu Thành có mạng lưới kênh, rạch khá dày đặc. Những con kênh chính là Sóc Trăng, Ba Rinh cũ, Ba Rinh mới, Tân Phước, Xà Lan, 30/4, Mỹ An, An Tập, Mương Khai, Sáu Thước, Giao Liên, Chùa Mới, Goòng, Hai Mươi, Xây Chô, Vũng Thom, 77, 85, 86. Các rạch lớn có Giồng Cát, Trà Canh, Ô Quên, Na Tung, Trà Quýt, Giồng Giời, Vũng Thom, Trà Tép, Sóc Bưng, Hòa Long, Ngã Ba Vịn Xay. Sông, rạch tạo thành mạng lưới giao thông thủy thuận tiện.

Giao thông đường bộ có quốc lộ 1A chạy xuyên suốt huyện; đường tỉnh có đường 932 từ An Trạch qua Phú Tân, Phú Tâm vào huyện Kế Sách, đây là đường thiên lý cũ về Thành phố Hồ Chí Minh thế kỷ XIX, đường 938 qua An Ninh vào Tam Sóc, đường 939 qua An Ninh vào trung tâm huyện Mỹ Tú, đường 939B từ thị trấn Châu Thành qua Thiện Mỹ vào trung tâm huyện Mỹ Tú; đường huyện có đường huyện 32 Thiện Mỹ vào Long Hưng. Châu Thành có hệ thống đường liên xã, liên ấp tỏa đi khắp các nẻo đã được trải bê

tông hoặc tráng nhựa. Giao thông bộ là chủ yếu, giao thông thủy hạn chế ở phần tây, bắc của huyện do ngăn cách bởi các giồng cát cổ có địa hình cao.

4.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1853, huyện Châu Thành có một số thôn thuộc huyện Phong Nhiêu và Vĩnh Định, phủ Ba Xuyên. Thời kỳ Pháp thuộc năm 1868, một số thôn thuộc địa phận huyện Châu Thành thuộc tổng Nhiêu Mỹ, Nhiêu Khánh, huyện Phong Nhiêu và Định Khánh, huyện Vĩnh Định, hạt Ba Xuyên. Năm 1894, huyện Châu Thành gồm có các tổng, làng sau: tổng Nhiêu Mỹ có các làng Thiện Mỹ, Thuận Hòa, An Tập; tổng Nhiêu Khánh có các làng Lai Tâm, Văn Trật; tổng Nhiêu Hòa có làng Phú Ninh; tổng Định Khánh có làng Phú Nổ.

Tháng 4-1957, các xã thuộc huyện Châu Thành có Thuận Hòa, Thiện Mỹ thuộc quận Bô Tháo và Phú Nổ thuộc quận Kế Sách. Ngày 13-1-1958, các xã thuộc đất Châu Thành nay có Thuận Hòa, Mỹ Hương, Phú Tâm, An Ninh thuộc tổng Thuận Hòa. Ngày 9-7-1958, sửa đổi Nghị định số 9-BNV/NC/NĐ ngày 13-1-1958 về việc ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Ba Xuyên. Quận Thuận Hòa (Bô Tháo cũ) gồm: tổng Thuận Mỹ có các xã Phú Tâm (Phú Nổ và Phước Tân cũ), An Ninh (kể cả các ấp Hòa Long, Túc Sáp, Bưng Thóp, Châu Thành, Chong No, Kênh Xáng), Thuận Hòa. Năm 1970, quận Thuận Hòa có 5 xã An Ninh, Long Hưng, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Mỹ Thuận.

Sau ngày miền Nam giải phóng năm 1975, đất Châu Thành thuộc huyện Mỹ Tú. Ngày 23-12-1988, cắt một phần đất các xã Long Hưng, An Ninh, Hồ Đắc Kiện, Mỹ Hương để thành lập xã Thiện Mỹ. Xã Hồ Đắc Kiện chia thành Hồ Đắc Kiện và Thuận Hòa. Xã An Ninh chia thành An Ninh và An Hiệp. Xã Phú Tân chia thành Phú Tâm và Phú Tân. Năm 1993, tỉnh Sóc Trăng có 7 huyện, thị xã, 94 xã, phường, thị trấn. Đất Châu Thành thuộc huyện Mỹ Tú. Ngày 24-9-2008, cắt đất xã Thuận Hòa và Hồ Đắc Kiện để thành lập thị trấn Châu Thành, thành lập huyện Châu Thành (chia tách huyện Mỹ Tú). Huyện Châu Thành có 8 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thị trấn Châu Thành, các xã Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, An Ninh, An Hiệp, Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ.

4.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Đất Châu Thành được khai phá tương đối sớm trong tỉnh Sóc Trăng. Vào đầu thế kỷ XX, Bó Tháo đã nổi lên là 1 trong 5 trung tâm kinh tế, thương mại lớn nhất của tỉnh Sóc Trăng. Ở Châu Thành, làng Bó Tháo trù phú trải dài trên một giồng đất cổ, xung quanh là những cánh đồng lúa màu mỡ thẳng cánh cò bay. Sau nữa là làng Phú Nở ở Vũng Thơm cũng có cư dân đông đúc, thương mại phát triển. Đến nay, nền kinh tế của Châu Thành chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp trồng lúa. Đất lúa Châu Thành xoay vòng được 2 - 3 vụ một năm, năng suất lúa rất cao vì đây là vùng đất phù sa ngọt quanh năm. Ngoài ra, xã Phú Tân còn có làng

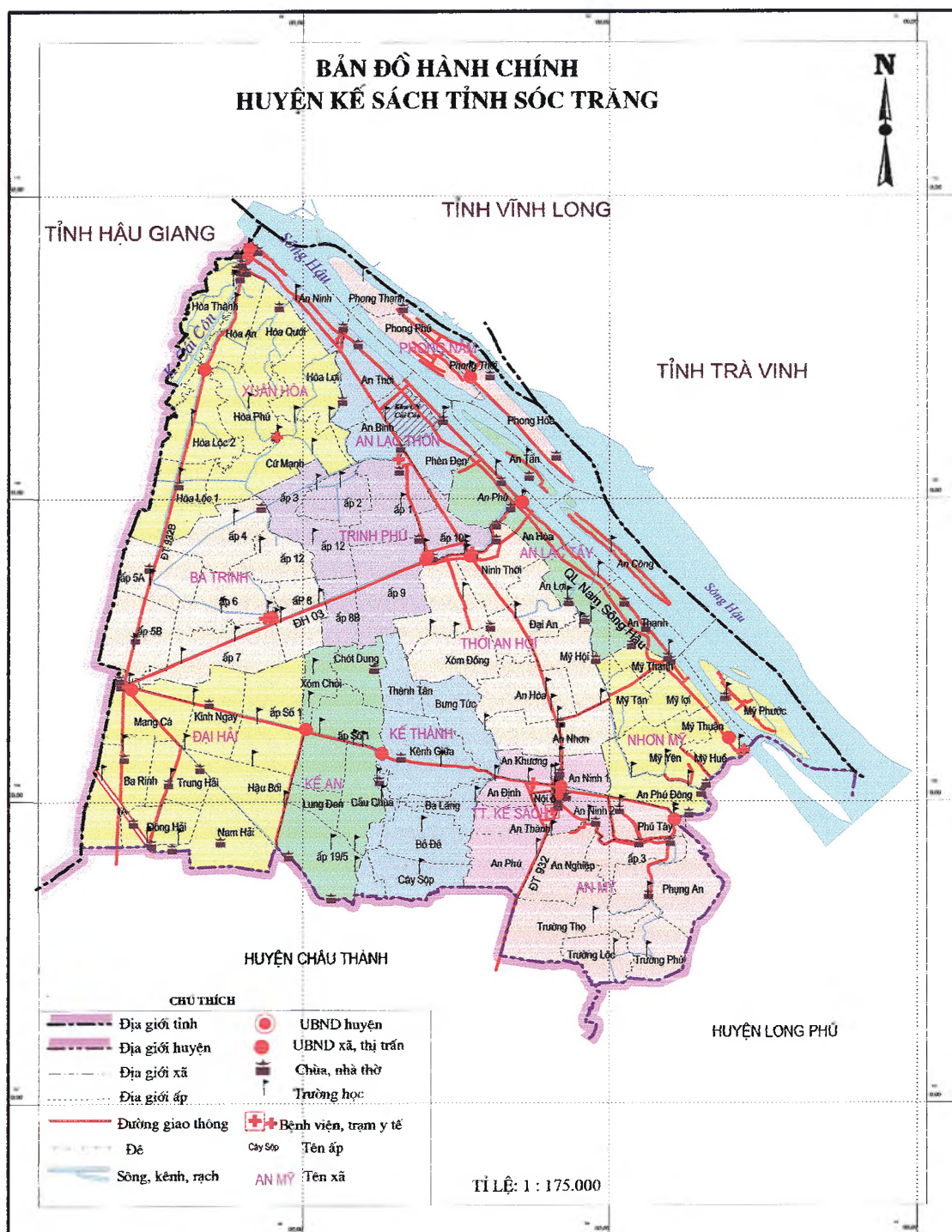
nghề đan lát truyền thống, Vũng Thơm có nghề làm bánh pía nổi tiếng. Các xã Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện có nhiều trang trại nuôi gà. An Hiệp có một phần đất nằm trong khu công nghiệp An Nghiệp nên sản xuất công nghiệp cũng bước đầu phát triển. Những năm trở lại đây do tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức cao nên đời sống người dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, số lượng và tỷ lệ người dân tộc Khmer của Châu Thành nhiều nhất tỉnh nên mức sống của người dân còn thấp và nghèo. Trong quá trình khai hoang lập ấp và phát triển, đến nay, Châu Thành có một số địa điểm di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng như chùa Bốn Mặt (Bul Prephet), chùa Chămpavonnaram (chùa Chămpa) ở xã Phú Tân, chùa Phnôrôka ở xã Phú Tâm... và các đặc sản chế biến hấp dẫn, đó là vùng Vũng Thơm nổi tiếng với loại bánh pía; bánh in.

Năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 532,11 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.088,18 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994). Diện tích gieo trồng lúa cả năm là 43.367ha, năng suất đạt 56 tạ/ha, sản lượng lúa đứng hàng thứ 5 trong tỉnh 242.856 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản là 2.347ha, trong đó nuôi cá là 2.314ha; sản lượng cá đạt 1.791 tấn.

5. Huyện Kế Sách

5.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Kế Sách nằm ở phía bắc tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý như sau: từ 9°42'39,9" đến 9°56'16,4" vĩ Bắc, 105°53'44,6" đến 106°04'20" kinh Đông. Phía tây - bắc giáp huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; phía đông - bắc giáp



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh; phía nam giáp huyện Châu Thành và huyện Long Phú.

Kế Sách có diện tích 35.260,09ha, dân số năm 2010 là 158.756 người, trong đó dân tộc Kinh 140.498 người chiếm 88,50% dân số, Khmer 17.334 người chiếm 10,92%, Hoa 898 người chiếm 0,57%, dân tộc khác 26 người. Huyện Kế Sách có 1 thị trấn, 12 xã, 85 ấp. Mật độ dân số vào loại hơi cao của tỉnh: 450 người/km².

Địa hình Kế Sách bằng phẳng, hướng dốc nghiêng dần từ bờ sông Hậu về phía tây, cao ở bờ sông, thấp trũng trong nội đồng. Độ cao biến thiên từ 0,3 - 1,5m. Kế Sách nằm cạnh sông Hậu có mạng lưới kênh, rạch dày đặc, do đó chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn sông Hậu và bán nhật triều biển Đông. Do nằm cuối khu vực ngập lũ của sông Cửu Long, nên huyện không bị ngập úng trong mùa mưa và nước nổi, chỉ có một phần lớn đất trũng của xã Đại Hải, Ba Trinh ngập tương đối sâu trong các tháng mùa mưa. Với chế độ bán nhật triều biển Đông ngày hai lần nước lớn ròng, tháng hai lần con nước lớn tràn đầy kênh, rạch, biên độ giữa đỉnh triều và chân triều lớn. Do cặp sông Hậu, lại gần biển Đông nên hầu hết diện tích đất có khả năng lợi dụng thủy triều tưới tiêu tự chảy, thau chua rửa phèn cải tạo đất. Kế sách là huyện duy nhất trong tỉnh có đất phù sa ngọt. Thế mạnh của Kế Sách là trồng vườn và nuôi thủy sản nước ngọt.

Đầu thời Pháp thuộc đã đào các kênh lớn là Cái Côn, Cái Trâm, Số 1 lấy nước ngọt tưới cho đồng ruộng và cấp nước cho các vùng đất sâu phía trong. Mạng lưới sông, kênh, rạch của Kế Sách dày đặc đan xen như mạng nhện. Các con kênh lớn gồm có Cái Côn, Cái Trâm, Rạch Vọp, Số 1, An Khương, Ba Rinh, kênh 30/4, Ngang, Thông, Trung Hải, Nam Hải, Hậu Bồi, Sáu Bé, kênh D, Lầu, Mỏ Đen, Ba Long, Tư Luông, Mương Lộ, Hai Giáp, Thầy Cai. Đặc biệt sông, rạch tự nhiên rất nhiều và thường xuyên được nạo vét cung cấp đầy đủ nước ngọt cho dân cư và những vườn cây trái xum xuê. Các sông, rạch tự nhiên có Mật Cật, Mương Khai, Đồng Đá, Cái Cau, Cung Điền Nhỏ, Hà Bá, Lung Sen Lớn, Rọc Ngang, Phèn Đen, Xóm Phố, Phong Thọ, Đường Trâu, Thầy Tàn, Chót Dung, Chùa Mới, Ông Tổng, Xóm Đồng, Cái Trung, Bung Túc, Trà Éch, Mỹ Hội, Mọp, Gừa, An Nghiệp, An Mỹ, Trường Lộc, Bà Cỏ, Trường Thọ, Na Tung, Bung Triết, Bò Đề, Cây Sộp, Giường Giời, Bà Đốt, Lung Đen. Bằng đường thủy, từ các xã trong huyện đều có thể vận chuyển hàng hóa đi Cần Thơ và các tỉnh trong vùng, Thành phố Hồ Chí Minh một cách dễ dàng. Có thể nói giao thông thủy rất quan trọng đối với Kế Sách.

Mạng lưới giao thông đường bộ trước đây đi lại rất khó khăn. Đến nay quốc lộ Nam Sông Hậu mới được xây dựng, chạy xuyên suốt chiều dài huyện từ Cái Côn qua An Lạc Tây, Nhơn Mỹ. Đường tỉnh có đường 932 từ Kế Sách đi về Sóc Trăng và lên Cái Côn, đường 932B từ Cái Côn đi Xuân Hòa về Ba

Rinh. Đường huyện có đường 2 cặp kênh Số 1 từ Kế Sách qua Kế Thành, Kế An về Đại Hải, đường 3 cặp Rạch Vọt từ Mang Cá đi Ba Trinh, Trinh Phú, Thới An Hội về An Lạc Tây, đường 5 từ thị trấn Kế Sách đi An Mỹ. Ngoài ra, các hương lộ được trải bê tông tỏa khắp các nẻo, các khu dân cư đi lại giao thương thuận tiện.

5.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1853, huyện Kế Sách thuộc huyện Vĩnh Định phủ Ba Xuyên.

Năm 1868, địa phận Kế Sách là tổng Định Khánh huyện Vĩnh Định với 11 thôn. Năm 1876, tổng Định Khánh thuộc hạt Sóc Trăng có 17 thôn thuộc địa phận huyện Kế Sách. Năm 1894, địa phận Kế Sách gồm 13 làng: An Lạc Thôn, Khả Tú Tây, An Trinh, Mỹ Hội, An Lạc Tây, Ninh Thới, An Mỹ, Nhơn Mỹ, An Nghiệp, Phong Năm, Ba Trinh, Thế Nghiệp, Kế Sách thuộc tổng Định Khánh, hạt Sóc Trăng. Năm 1917, quận Kế Sách có 3 tổng với 26 xã là tổng Định Khánh có 9 xã: An Mỹ, Mỹ Hội, An Nghiệp, Nhơn Mỹ, Hélène - Ville, Phú Nổ, Kế Sách, Trường Kế, Khả Phú Tây; tổng Định Tường có 7 xã: An Lạc Tây, Ninh Thới, An Lạc Thôn, Phong Năm, Ba Trinh, Xuân Hòa, Đại An; tổng Định Hòa có 10 xã: An Thạnh Nhứt, Long Hưng, An Thạnh Nhì, Phú An, Đại Đức, Phú Hữu, Đại Ngãi, Phụng Sơn, Hậu Thạnh, Phụng Tường, thuộc tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23-2-1957, các xã An Lạc Tây, Xuân Hòa, An Lạc Thôn, Kế An (cá

trại định cư Đại Hải), Ba Trinh, Nhơn Mỹ, Phong Năm, Khả Phú Mỹ, Thới An Hội, một phần xã Phú An của quận Kế Sách được chuyển về tỉnh Phong Dinh; các xã còn lại của quận Kế Sách sẽ nhập về các quận khác của tỉnh Ba Xuyên: Long Đức, Phú Hữu về quận Long Phú; Đại Ngãi, Hậu Thạnh, Song Phụng, Phú Nổ, một phần xã Phú An về quận Châu Thành. Ngày 5-6-1957, quận Kế Sách thuộc tỉnh Phong Dinh gồm 2 tổng 9 xã: tổng Định Tường gồm 4 xã An Lạc Thôn, Ba Trinh, Phong Năm, Xuân Hòa; tổng Định Khánh gồm 5 xã An Lạc Tây, Nhơn Mỹ, Khả Phú Mỹ, Thới An Hội, Kế An. Ngày 14-8-1958, thành lập xã Đại Hải thuộc tổng Định Khánh, quận Kế Sách tách từ xã Kế An. Ngày 16-9-1958 quận Kế Sách thuộc tỉnh Phong Dinh sáp nhập vào tỉnh Ba Xuyên. Ngày 23-4-1968, quận Phong Thuận, tỉnh Phong Dinh được thành lập gồm 5 xã Đông Phú, Phú Hữu thuộc tổng Định An, quận Châu Thành, tỉnh Phong Dinh và các xã An Lạc Thôn, Phong Năm, Xuân Hòa hiện thuộc tổng Định Tường, quận Kế Sách, tỉnh Ba Xuyên.

Ngày 14-11-1968, 2 xã Phú Tâm và Thuận Hòa của tổng Thuận Mỹ, quận Thuận Hòa, tỉnh Ba Xuyên sáp nhập vào tổng Định Khánh, quận Kế Sách tỉnh Ba Xuyên. Ngày 8-2-1969, 16 ấp của xã Ba Trinh sáp nhập lại thành 8 ấp: Trinh Quới B và Trinh Quới C thành Trinh Quới B; Trinh Phú A1 và Trinh Phú A2 thành Trinh Phú A; Trinh Phú A3 và Trinh Phú B thành Trinh Phú B; Trinh Tường A và Trinh Tường B1 thành Trinh Tường; Trinh Lợi A và

Trinh Lợi B thành Trinh Lợi; Trinh Thạnh A (Xóm Phố), Trinh Thạnh Ngãi, Trinh Thạnh, Kinh Ngang, thành Trinh Thạnh A; Trinh Thạnh Đường Đôn, Trinh Thạnh Kinh Quac thành Trinh Thạnh B; Trinh Quới A giữ nguyên. Mười sáu ấp của xã Kế An sáp nhập lại thành 12 ấp: An Thới và An Thành thành An Thành, An Lợi và An Phước thành An Phước, An Quới và An Lộc (An Lộc 1 + 2) thành An Lộc, các ấp An Dinh, An Khương, An Nghiệp, An Ninh, An Cư, An Nhơn, An Phú, An Lạc, An Hòa giữ nguyên. Ngày 17-4-1969, 8 ấp của xã Ba Trinh sáp nhập lại thành 3 ấp: Trinh Quới B, Trinh Phú A, Trinh Phú B, Trinh Tường thành Trinh Phú; Trinh Lợi, Trinh Thạnh A, Trinh Thạnh B thành Trinh Thạnh; Trinh Quới A đổi tên là Trinh Quới.

Năm 1970, quận Kế Sách có 9 xã An Mỹ, An Lạc Tây, Ba Trinh, Đại Hải, Kế An, Nhơn Mỹ, Phú Tâm, Thới An Hội, Thuận Hòa. Năm 1972, quận Kế Sách có 10 xã với 62 ấp là các xã Kế An, An Mỹ, Nhơn Mỹ, An Lạc Tây, Thới An Hội, Đại Hải, Song Phụng, Ba Trinh, Phú Tâm, Thuận Hòa.

Sau ngày miền Nam giải phóng năm 1975, huyện Kế Sách thuộc tỉnh Sóc Trăng. Ngày 21-4-1979, xã Ba Trinh chia thành xã Ba Trinh và Trinh Phú, xã Kế An chia thành Kế An và Kế Thành. Hiện nay huyện Kế Sách gồm 1 thị trấn và 12 xã là thị trấn Kế Sách, các xã Phong Năm, An Mỹ, An Lạc Thôn, Nhơn Mỹ, Xuân Hòa, Thới An Hội, An Lạc Tây, Kế An, Ba Trinh, Kế Thành, Trinh Phú, Đại Hải.

5.3. *Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội*

Vào đầu thế kỷ XX, sản xuất nông nghiệp, đánh bắt thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đã khá đa dạng và phong phú. Người Khmer quen canh tác trên đất giồng làm rẫy kết hợp trồng lúa. Người Kinh có truyền thống trồng lúa nước và làm vườn. Nghề làm vườn của Kế Sách được hình thành rất sớm và là địa phương có nhiều sản vật cây ăn trái nổi tiếng khắp Nam Kỳ lục tỉnh ngày xưa. Người Hoa lúc đầu tập trung vào nghề rẫy và các ngành, nghề như chế biến thực phẩm, dược liệu, lương thực nhưng dần chuyển sang hoạt động dịch vụ thương mại. Từ đó góp phần hình thành nên những trung tâm mua bán nhộn nhịp như: Chợ Ruộng, Cái Côn, Vũng Thơm. Nơi đây thiên nhiên ưu đãi có nước ngọt quanh năm nên sản xuất nông nghiệp thuận lợi tạo nên sự phồn vinh hơn so với các vùng lân cận. Đầu thế kỷ XX ruộng đất chủ yếu nằm trong tay địa chủ. Tiêu biểu là chủ điền La Basthe có trên 4.000ha, địa chủ Hàm Cang có trên 3.000ha, Hương sư Càn, Hương chủ Nghĩa cũng chiếm từ vài trăm đến hàng nghìn hécta.

Vào những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, vùng cù lao Phong Năm và Mỹ Phước đã được gọi là vườn cây trái quốc gia. Ngày nay, hằng năm vào ngày 5 tháng 5 âm lịch, Nhà nước tổ chức lễ hội du lịch sinh thái miệt vườn và lễ hội trái cây ở cồn Mỹ Phước xã Nhơn Mỹ. Về tiểu thủ công nghiệp, xã Xuân Hòa có nhiều lò đốt than truyền thống. Nhà nước đã quy hoạch khu công nghiệp Cái Côn diện tích 120ha

ở xã An Lạc Thôn, bên bờ sông Hậu nhưng chưa được đầu tư phát triển. Nền kinh tế của Kế Sách chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản nước ngọt, đặc biệt là cá da trơn. Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 700,1 tỷ đồng; giá trị sản xuất cây công nghiệp đạt 130,1 tỷ đồng. Diện tích gieo trồng lúa là 36.734ha, năng suất đạt 55,78 tạ/ha, sản lượng lúa 204.856 tấn. Diện tích cây lâu năm là 14.527ha trong đó cây ăn quả 12.990ha.

Diện tích gieo trồng lúa của huyện năm 2006 là 42.180ha, năng suất 4,86 tấn/ha, sản lượng lúa 205.081 tấn. Diện tích cây ăn trái lâu năm là 13.095ha, nuôi trồng thủy sản 2.484ha, sản lượng thủy sản 10.744 tấn. Giá trị sản xuất công nghiệp 75,63 tỷ đồng (giá cố định 1994). Những năm gần đây nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nên đời sống kinh tế, văn hóa của người dân được nâng cao rõ rệt.

Kế Sách có một số di tích lịch sử như Bia lưu niệm Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Thiều Văn Chỏi (xã Ba Trinh), di tích chứng tích chiến tranh như Bia tưởng niệm đồng bào bị thảm sát ở vàm Cái Cao (xã An Lạc Thôn)... và một nơi nổi tiếng với vườn cây ăn trái khá đủ loại mà du khách thường tham quan như cồn Mỹ Phước (xã Nhơn Mỹ)...

6. Huyện Vĩnh Châu

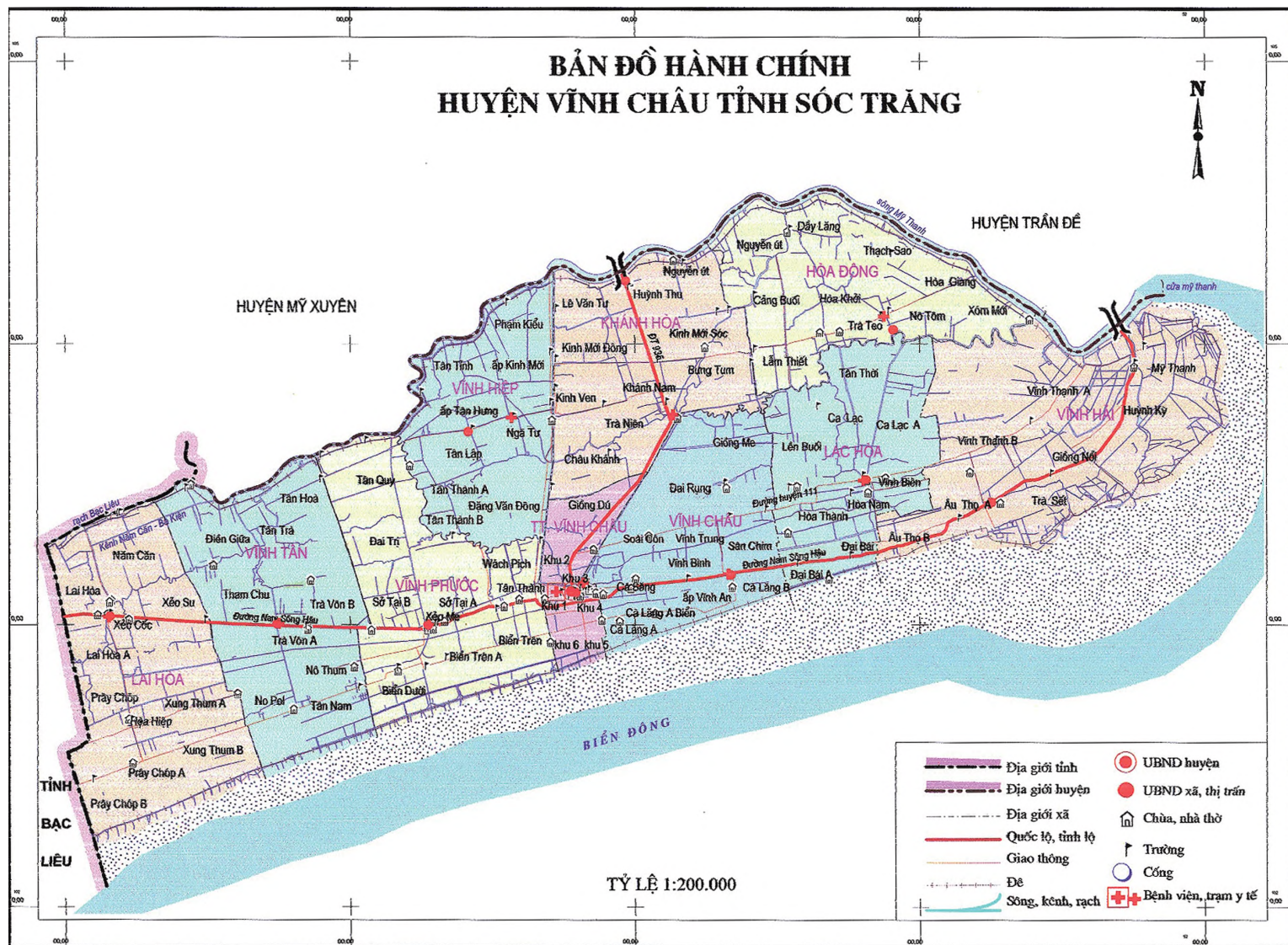
6.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Vĩnh Châu là huyện ven biển, nằm ở phía Nam tỉnh Sóc Trăng. Có vị trí địa lý như sau: từ 9°14'42"

đến 9°17'14" vĩ Bắc, 105°48'37" đến 106°11'18" kinh Đông. Phía bắc giáp huyện Mỹ Xuyên và Trần Đề; phía tây giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; phía đông - đông nam giáp biển Đông.

Vĩnh Châu là huyện ven biển diện tích: 47.313,32ha, dân số: 164.810 người, trong đó người Kinh 48.423 người chiếm 29,38% dân số, Hoa 29.247 người chiếm 17,75%, Khmer 87.105 người chiếm 52,85%, dân tộc khác 35 người. Vĩnh Châu là huyện có tỷ lệ người Khmer và người Hoa cao nhất tỉnh. Vĩnh Châu có 1 thị trấn 9 xã với 95 ấp. Mật độ dân số vào loại trung bình của tỉnh: 348 người/km².

Địa hình Vĩnh Châu bằng phẳng, hướng dốc nghiêng dần từ biển vào trong nội đồng. Xen kẽ những giồng cát ven biển là dải đất thấp, trũng theo hướng đông tây. Trong nội đồng địa hình có tính gợn sóng, cao trình đất biển thiên từ 0,3 - 1m, phổ biến từ 0,5 - 1m. Do Mỹ Thanh là sông tự nhiên có mặt cắt lớn nên chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng sâu sắc của bán nhật triều biển Đông, ngày 2 lần nước lớn ròng, một tháng hai con nước cường. Biên độ giữa đỉnh triều và chân triều rất lớn, có thể đạt từ 2,5 - 3m. Nơi đây chịu ảnh hưởng của nước mặn quanh năm, nguồn nước chủ yếu cho sản xuất và sinh hoạt là nước mưa và nước ngầm. Hệ thống đê đập ngăn mặn đã được xây dựng hoàn chỉnh dọc sông Mỹ Thanh và ven biển Đông. Cùng với nước mưa, nước ngầm tầng Pleistocene là nguồn nước chính cung cấp cho cây trồng và sinh hoạt của huyện Vĩnh Châu.



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

Đất Vĩnh Châu chủ yếu là đất tràm tích sông biển bị nhiễm mặn, trong đó tràm tích biển là chủ yếu. Một phần nhỏ diện tích bị nhiễm phèn có nguồn gốc sù vệt ven biển bị tràm tích biển vùi lấp trong quá khứ. Đất giồng cát, được hình thành sớm, có địa hình cao đang được sử dụng trồng nhãn, rau màu có hiệu quả. Hiện tại đất đang được bồi hằng năm do phù sa sông Mékông.

Vĩnh Châu là huyện miền biển được bao bọc bởi sông Mỹ Thanh và biển Đông. Hệ thống kênh, rạch kém hơn các huyện khác, rạch tự nhiên ít. Những rạch tự nhiên điển hình có Trà Nô Lớn, Trà Niên, Xẻo Rạch, Nhà Máy, Hòa Nam, Giồng Chùa, Trà Teo, Năm Chít, Giầy Lãng, Hòa Nghĩa, Dù Hên, Bung Tum, Xóm Cầu, Thầy Tám, Trà Nho, Đại Sơn, Om Nỏ, Xã Úi, Xẻo Su, Bạc Liêu, Lai Hòa, Xẻo Me. Kênh đào lớn là kênh Vĩnh Châu đi Cổ Cò, Trà Niên, Ông Túc, Xung Thum, Cầu Đá, Bà Xám, Bà Hai, Vàm Sát, Giồng, Cơ Ba, Tân Phước, Lèn Buôi, Hòa Khởi, Lầm Thiệt, Nguyễn Út, Kết Nghĩa, Lê Văn Tư, Tinh lộ 2, Giồng Dú, Sườn Cà Lãng A Biển, Phạm Kiều, Tân Hưng, Ông Yên, Tân Lập A, Tân Lập B, Tân Tinh, Mã Xạ Hai, Đại Trị, Cao Triều Hưng, Cơ Nhất, Cơ Nhì, Năm Căn, Lai Hòa, kênh Ngang 1, kênh Ngang 2, Sườn Liên Xã, Trà Vôn.

Mạng lưới giao thông đường bộ huyện Vĩnh Châu có quốc lộ Nam Sông Hậu mới xây dựng chạy xuyên suốt huyện từ Vĩnh Hải qua Lạc Hòa, Vĩnh Châu về trung tâm huyện, sang Vĩnh Phước, Vĩnh Tân, Lai Hòa rồi qua Bạc

Liêu. Đường tỉnh có đường 935 từ Vĩnh Châu đi Sóc Trăng, các đường huyện 10 chạy ven biển đi Vĩnh Tân, Lai Hòa, đường 11 đi Hòa Đông, đường 12 đi Vĩnh Hiệp, đường 111 đi Lạc Hòa, Vĩnh Hải. Ngoài ra, nhiều đường liên xã, liên ấp đã được tráng nhựa và bê tông nên đi lại rất thuận tiện.

6.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1876, Nam Kỳ được chia làm 4 khu vực hành chánh: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Sác (Bassac). Mỗi khu vực hành chánh lại chia thành nhiều tiểu khu. Vùng đất Vĩnh Châu nằm trong tiểu khu Sóc Trăng, thuộc khu vực Bát Sác. Năm 1882, Pháp tách 2 tổng của tiểu khu Sóc Trăng và 3 tổng của tiểu khu Rạch Giá, thành lập thêm tiểu khu Bạc Liêu. Lúc này vùng đất Vĩnh Châu thuộc tiểu khu Bạc Liêu. Đến ngày 1-1-1900 các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở Đông Dương đều thống nhất gọi là tỉnh. Vĩnh Châu thuộc tỉnh Bạc Liêu và nằm trong vùng đất của quận Vĩnh Lợi. Năm 1904, quận Vĩnh Châu được thành lập (trên cơ sở tách ra từ phần đất phía bắc của quận Vĩnh Lợi), quận lỵ được đặt tại xã Vĩnh Châu, gồm có 1 tổng (tổng Thanh Hưng), với 5 làng: Vĩnh Châu, Vĩnh Phước, Lai Hòa, Lạc Hòa và Khánh Hòa.

Ngày 25-10-1956, Ngô Đình Diệm công bố Sắc lệnh 143/NV phân định lại địa giới hành chính các tỉnh miền Nam, Diệm cắt các quận Giá Rai, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu và thị xã Bạc Liêu của tỉnh Bạc Liêu và quận Phước Long của tỉnh Rạch Giá nhập vào Sóc Trăng thành

tỉnh Ba Xuyên. Năm 1957, ngụy quyền Sài Gòn giải thể quận Vĩnh Châu. Theo Nghị định số 1191/NV ngày 5-12-1962 tái lập quận Vĩnh Châu, trực thuộc tỉnh Ba Xuyên. Ngày 8-9-1964, ngụy quyền Sài Gòn ký Sắc lệnh số 254/NV tái lập tỉnh Bạc Liêu. Quận Vĩnh Châu thuộc tỉnh Bạc Liêu cho đến ngày 30-4-1975.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, Vĩnh Châu là huyện thuộc tỉnh Sóc Trăng. Ngày 16-9-1989, tiến hành phân vạch địa giới một số xã, thị trấn, huyện Vĩnh Châu thuộc tỉnh Hậu Giang. Huyện Vĩnh Châu có 1 thị trấn và 13 xã là: thị trấn Vĩnh Châu, các xã Hòa Hải, Lai Hòa, Vĩnh Tân, Vĩnh Phước, Vĩnh Tiến, Vĩnh Hiệp, Hòa Thanh, Khánh Hòa, Hòa Đông, Vĩnh Châu, Vĩnh Hòa, Lạc Hòa, Vĩnh Hải. Ngày 7-12-1990, địa giới hành chính một số xã, thị trấn huyện Vĩnh Châu được điều chỉnh, cụ thể: giải thể xã Hòa Hải sáp nhập vào xã Lai Hòa và xã Vĩnh Tân; giải thể xã Vĩnh Tiến, sáp nhập vào xã Vĩnh Phước và xã Vĩnh Hiệp; giải thể xã Hòa Thanh, tách xã Hòa Thanh và xã Khánh Hòa sáp nhập vào xã Hòa Đông. Sau khi điều chỉnh địa giới huyện Vĩnh Châu còn lại 10 đơn vị hành chính bao gồm các xã: Lai Hòa, Vĩnh Tân, Vĩnh Phước, Vĩnh Hiệp, Khánh Hòa, Hòa Đông, Vĩnh Châu, Lạc Hòa, Vĩnh Hải và thị trấn Vĩnh Châu.

6.3. *Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội*

Từ trước đến nay Vĩnh Châu có diện tích chuyên canh, luân canh rau màu lớn. Sản vật nơi đây nổi tiếng khắp

vùng là hành tím, xá pấu, tỏi, nhãn. Là vùng đất hội tụ và cộng cư lâu đời của 3 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Đa số dân cư sống tập trung ở khu vực thị trấn, trục lộ giao thông hoặc ven sông, rạch, trên đất giồng. Trong đó người Kinh thường sống ven sông, kênh, rạch thuận tiện cho nghề trồng lúa nước. Người Khmer sống tập trung ở những giồng cát cao trồng rẫy dần dần quy tụ thành những xóm, làng, phum sóc. Người Hoa thường tập trung ở các thị tứ, đầu mối giao thông, chợ - là nơi dân cư đông đúc, phát triển các ngành nghề thủ công, buôn bán và làm rẫy.

Trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, đại bộ phận nhân dân Vĩnh Châu có cuộc sống cùng cực, ruộng đất tập trung trong tay địa chủ như đồn điền De Lacour Toure, Beniore, đồn điền của Trần Trinh Trạch, Lê Văn Châu, Cao Triều Hưng và hàng chục địa chủ khác.

Sau năm 1975, Vĩnh Châu là huyện nghèo bị chiến tranh tàn phá. Kết cấu hạ tầng về kinh tế, văn hóa, giao thông kém. Nền kinh tế chủ yếu sản xuất 1 vụ lúa mùa không chắc ăn vì đất nhiễm phèn và nhiễm mặn quá nặng. Ngày nay, nhờ phát triển phong trào nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là tôm sú, cuộc sống người dân trở nên sung túc và giàu có hơn. Đặc biệt hiện nay huyện không còn đất trồng lúa mà chuyển hết đất lúa sang nuôi trồng thủy sản. Ngoài nuôi trồng thủy sản, trên các giồng cát người dân trồng nhiều nhãn, hành tím, củ cải trắng cho năng suất và giá trị kinh tế rất cao. Vĩnh Châu còn có cánh đồng muối

rộng lớn, mùa khô làm muối, mùa mưa nuôi Artemia. Ngoài ra, Vĩnh Châu còn có nghề đi biển và vùng rừng phòng hộ ven biển đang ngày càng được mở rộng, bảo vệ chặt chẽ. Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của Vĩnh Châu là 325,88 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp là 251,76 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994). Diện tích nuôi trồng thủy sản là 28.196ha trong đó tôm là 25.346ha; sản lượng thủy sản là 46.756 tấn, trong đó sản lượng tôm là 33.503 tấn. Diện tích cây lâu năm là 2.151ha, trong đó cây ăn quả chủ yếu là nhãn 764ha. Diện tích hành, tỏi mà chủ yếu là hành tím 6.541ha với sản lượng là 120.919 tấn, năng suất trung bình 184,86 tạ/ha.

Vĩnh Châu mang đậm nét bản sắc văn hóa 3 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa hòa quyện vào nhau, là huyện có nhiều di tích lịch sử, nhiều văn bia lưu niệm như Bia chiến thắng Xẻo Me, Bia diêm Đồng khởi ở Trà Teo, Bia Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân xã Khánh Hòa, Bia tưởng niệm Nhà sư yêu nước Achar Sơn Thal... có diềm tham quan du lịch như Khu du lịch Hồ Bể - Giồng Chùa.

7. Huyện Thạnh Trị

7.1. Điều kiện tự nhiên

Thạnh trị nằm ở cực Nam của tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý như sau: từ 9°22'43,8" đến 9°33'24,8" vĩ Bắc, từ 105°35'14,2" đến 105°50'54,2" kinh Đông. Phía bắc giáp huyện Mỹ Tú; phía nam giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; phía đông giáp huyện Mỹ Xuyên; phía tây giáp huyện Ngã Năm.

Thạnh Trị có diện tích 28.759,96ha, dân số năm 2010 là 86.093 người, trong đó người Kinh 53.041 người chiếm 61,60% dân số, Khmer 29.535 người chiếm 34,31%, Hoa 3.486 người chiếm 4,05%, dân tộc khác 7 người. Thạnh Trị có 2 thị trấn, 8 xã, 76 ấp. Mật độ dân số vào loại trung bình thấp của tỉnh: 299 người/km².

Địa hình Thạnh Trị bằng phẳng, bị chia cắt nhiều bởi hệ thống kênh, rạch và lung bàu. Cao trình đất biển thiên từ 0,3 - 1m. Với mạng lưới kênh, rạch dày đặc, toàn huyện chịu ảnh hưởng sâu sắc chế độ triều hỗn hợp của biển Đông và biển Tây. Các sông, rạch tự nhiên lớn là Nhu Gia, Chàng Ré, Vàng Bạc, Sa Di, Sa Keo, Tà Lọt, Mây Dóc, Bào Cát, Bàu Lớn. Các kênh đào lớn có Nàng Rền, Phú Lộc đi Cái Trầu, Chàng Ré, Kinh Ngay, Vĩnh Lợi - Thạnh Tân, Hương Hào, Sa Di, Xa Quới, Ba Cảo - Chác Túc, Cái Trầu, kênh 14 tháng 9. Kênh, rạch bao đời đã thau chua, rửa mặn, cải tạo đất thành những cánh đồng lúa trù phú và là những tuyến giao thông thủy thuận lợi.

Giao thông của huyện có quốc lộ 1A chạy qua địa bàn thị trấn Phú Lộc. Đường tỉnh có đường 937 Phú Lộc đi Ngã Năm, đường 937B Phú Lộc đi Châu Hưng, Vĩnh Thành, Vĩnh Lợi vào Mỹ Quới. Đường huyện có đường 21 từ Lâm Kiết, qua Lâm Tân, Thạnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Lợi, đường 32 Thạnh Trị đi Tuân Túc, Lâm Kiết. Ngoài ra hệ thống đường giao thông nông thôn đa số đã được lát bê tông hoặc trải nhựa rất thuận tiện cho đi lại và giao thương.



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

7.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1830, vùng đất Thanh Trị đã sớm được khai phá và thịnh vượng đó là thôn Châu Hưng, tổng Định Khánh thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang.

Từ năm 1868 đến năm 1876 huyện Thanh Trị là một số thôn thuộc tổng Thanh An, huyện Phong Thạnh thuộc hạt Ba Xuyên. Năm 1894, Thanh Trị thuộc hạt Sóc Trăng gồm có các tổng, làng sau: tổng Thanh An có 14 làng trong đó 8 làng thuộc địa giới Thanh Trị là Châu Hưng, Lâm Kiết, Châu Thới, Phú Lộc, Đào Viên Tây, Tuân Túc, Gia Hòa, Xa Mau. Năm 1917, tỉnh Sóc Trăng có 4 quận. Quận Phú Lộc có 2 tổng với 14 xã, thôn là tổng Thanh An 7 xã: Châu Hưng, Châu Thới, Đào Viên Tây, Gia Hòa, Hòa Tú, Phú Lộc, Xa Mau; tổng Thanh Lợi 7 xã thì 3 xã thuộc Thanh Trị là Lâm Kiết, Phú Giao, Tuân Túc.

Tháng 4-1957, Thanh Trị có 12 xã: Thanh Trị, Thanh Quới, Gia Hòa, Châu Hưng, Châu Thới, Lâm Kiết, Tuân Túc, Mỹ Quới, Hương Phú, Tân Long, Vĩnh Lợi, Vĩnh Quới. Tháng 12-1957, tỉnh Ba Xuyên điều chỉnh lại các đơn vị hành chính quận Thanh Trị với 3 tổng 12 xã là tổng Thanh An có 4 xã Thanh Trị, Vĩnh Lợi, Châu Hưng, Châu Thới; tổng Thanh Lợi có 4 xã Thanh Quới, Lâm Kiết, Tuân Túc, Gia Hòa; tổng Thanh Lộc có 4 xã Vĩnh Quới, Mỹ Quới, Hương Phú, Tân Long. Tháng 1-1958, quận Thanh Trị gồm 2 tổng với 10 xã là tổng Thanh An

có 5 xã: Thanh Trị, Châu Hưng, Châu Thới, Thanh Kiết (Thanh Quới và Lâm Kiết cũ), Gia Hòa; tổng Thanh Lộc có 5 xã Vĩnh Lợi, Mỹ Quới, Vĩnh Quới (Vĩnh Quới và Hương Phú cũ), Tuân Túc, Tân Long. Ngày 6-4-1968, quận lỵ Thanh Trị được chuyển từ chợ Ngã Năm xã Vĩnh Quới đến Phú Lộc xã Thanh Trị.

Ngày 17-1-1969, 13 ấp của xã Thanh Trị sáp nhập thành 8 ấp: ấp Xa Mau A và Xa Mau B sáp nhập thành Xa Mau; 2 ấp Công Điền và Chắc Tranh sáp nhập thành Công Điền; 2 ấp Xóm Nhỏ và Bào Lớn sáp nhập thành Bào Lớn; 2 ấp Vàm Xáng 1 và Vàm Xáng 2 sáp nhập thành Vàm Xáng; 2 ấp Phú Lộc và Rẫy Cũ sáp nhập thành Phú Lộc, các ấp Giồng Chùa, Xã Ích giữ nguyên. Ba ấp xã Vĩnh Quới sáp nhập thành 2 ấp: 2 ấp Vĩnh Bình 1 và Vĩnh Bình 2 sáp nhập thành Vĩnh Bình, ấp Ngã Năm giữ nguyên. Ngày 31-3-1969, 18 ấp của xã Châu Hưng, sáp nhập thành 12 ấp: 3 ấp Chắc Đốt, Nhà Thờ 1, Nhà Dài B sáp nhập thành Chắc Đốt; 3 ấp Hà Đức, Nhà Dài A, Thông Lưu B sáp nhập thành Hà Đức; 2 ấp Xẻo Chích, Xóm Lớn sáp nhập thành Xẻo Chích; 2 ấp Thông Lưu A, Nhà Thờ 2 sáp nhập thành Nặc Dây; các ấp Chợ Mới, Chợ Cũ, Thạch Công, Kênh Ngay, Sô Tám, Xóm Tro, Trà Ban 1, Trà Ban 2 giữ nguyên địa danh. Ngày 4-4-1969, sáp nhập các ấp thuộc xã Tân Long, Tuân Túc, Thanh Kiết. Bảy ấp của xã Tân Long sáp nhập còn 5 ấp: 3 ấp Trà Cú, Tân Thành 1, Tân Thành 2 sáp nhập thành Tân Thành; 2 ấp Tân Bình 2 và Tân Trung sáp nhập thành Tân Bình 2;

các ấp Tân Lập, Tân Quới, Tân Bình 1 giữ nguyên địa danh. Mười ba ấp của xã Tuân Tức sáp nhập còn 7 ấp: 4 ấp Tà Uông, Tà Âu, Tà Mút, Tà Thom sáp nhập thành Tà Uông; Tà Điếp A và Tà Lọt A sáp nhập thành Tà Điếp A; Tà Điếp B và Tà Lọt B sáp nhập thành Tà Điếp B; Tà Điếp C, Tà Lọt C sáp nhập thành Tà Điếp C; các ấp Cái Trầu, Tà Tê, Sa Keo giữ nguyên địa danh. Mười sáu ấp của xã Thạnh Kiết sáp nhập còn 9 ấp: Kênh Rẫy 1 và Kênh Rẫy 2 sáp nhập thành Kênh Rẫy; Phú Giao và Khoen Đa sáp nhập thành Phú Giao; Đào Viên và Trà Chanh sáp nhập thành Đào Viên; Mương Điều, Bưng Thum và Vàng Bạc sáp nhập thành Mương Điều; các ấp Lịch Trà, Đay Sô, Ngọn, Lâm Kiết 1, Lâm Kiết 2 giữ nguyên địa danh.

Ngày 11-3-1970, các ấp Lưu Thông B, Xóm Lớn và Nhà Thờ 2 xã Châu Hưng, quận Thạnh Trị, tỉnh Ba Xuyên nhập vào xã Vĩnh Lợi, quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1970, tỉnh Ba Xuyên có 8 quận. Quận Thạnh Trị gồm 4 xã là Châu Hưng, Thạnh Kiết, Thạnh Trị, Tuân Tức. Ngày 18-4-1971, thành lập một số ấp mới thuộc các xã Thạnh Kiết, Châu Hưng, Tuân Tức: ấp Thạnh Phước xã Thạnh Kiết, ấp Bình Thới xã Châu Hưng, ấp Đâu Ba xã Tuân Tức, ấp Rạch Rừng xã Gia Hòa.

Sau khi miền Nam giải phóng, ngày 21-4-1979, huyện Thạnh Trị thuộc tỉnh Hậu Giang, xã Vĩnh Quới chia thành 2 xã Vĩnh Quới và Vĩnh Biên, xã Tuân Tức chia thành Tuân Tức và Thạnh Cường; xã Vĩnh Lợi chia thành Vĩnh Lợi và Vĩnh Tân; xã Mỹ Quới chia thành Mỹ Quới,

Lê Hoàng Chu và Mai Thanh Thế; xã Châu Hưng chia thành Châu Hưng và Nam Quang; xã Tân Long chia thành Tân Long và Dân Hòa. Ngày 7-7-1982, phân vạch địa giới một số xã của huyện Thạnh Trị: chia xã Lâm Kiết thành Lâm Kiết và Lâm Tân; xã Thạnh Trị thành Thạnh Trị và Thạnh Tân. Huyện Thạnh Trị có 2 thị trấn Phú Lộc, Ngã Năm và 12 xã Vĩnh Quới, Lâm Tân, Lâm Kiết, Thạnh Trị, Thạnh Tân, Châu Hưng, Tân Long, Vĩnh Biên, Long Tân, Mỹ Quới, Vĩnh Lợi, Tuân Tức. Ngày 1-4-2003, điều chỉnh địa giới thành lập thêm các xã thuộc huyện Thạnh Trị: xã Vĩnh Thành tách từ xã Vĩnh Lợi, xã Long Bình tách từ xã Tân Long, xã Mỹ Bình tách từ xã Mỹ Quới. Ngày 31-10-2003, tách huyện Thạnh Trị thành lập huyện Ngã Năm. Ngày 23-12-2009, tách xã Châu Hưng thành lập thị trấn Hưng Lợi. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập huyện Ngã Năm, huyện Thạnh Trị còn 10 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã: Thạnh Trị, Thạnh Tân, Lâm Kiết, Lâm Tân, Tuân Tức, Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành, thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hưng Lợi.

7.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Theo sử liệu, vùng đất Thạnh Trị được khai phá vào những năm đầu thế kỷ XIX trong chính sách khai phá châu thổ sông Cửu Long của nhà Nguyễn. Vào đầu thế kỷ XX hàng loạt đồn điền Tây ra đời như đồn điền Gressier, Bắc Tam Bông, Jordan. Vùng Châu Hưng có những nhà máy xay lúa và kho lớn tích trữ lúa gạo nên ngày nay còn lưu

truyền địa danh Ông Kho và Xóm Tro. Hiện nay, nền kinh tế Thanh Trị chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng lúa. Đặc biệt, Thanh Trị có nhiều giống lúa cho chất lượng gạo rất cao, vừa dẻo vừa thơm đang được Nhà nước bảo tồn và phát triển. Những năm gần đây có phong trào nuôi trăn, cá sấu, làm nấm rơm để đa dạng hóa nền sản xuất nông nghiệp và tăng thu nhập. Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 568,45 tỷ đồng, giá trị sản xuất ngành công nghiệp là 51,5 tỷ đồng. Diện tích gieo trồng lúa là 47.168ha, năng suất đạt 59,23 tạ/ha, cao gần nhất tỉnh, sản lượng: 279.360 tấn, đứng thứ 2 trong tỉnh. Diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ đạt 3.712ha trong đó chủ yếu là nuôi cá: 3.520ha, sản lượng cá là 7.744 tấn.

Người dân Thanh Trị đa dạng về tín ngưỡng, có nhiều chùa, thánh thất như chùa Xa Mau, thánh thất Cao Đài, nhà thờ Bàu Cồn, miếu Bà Chúa Xứ... Ngoài ra còn có một số di tích lịch sử như Bia tưởng niệm trận thảm sát ở Vĩnh Lợi, Bia chiến thắng Chắc Túc - Bàu Cồn...

8. Huyện Ngã Năm

8.1. Điều kiện tự nhiên

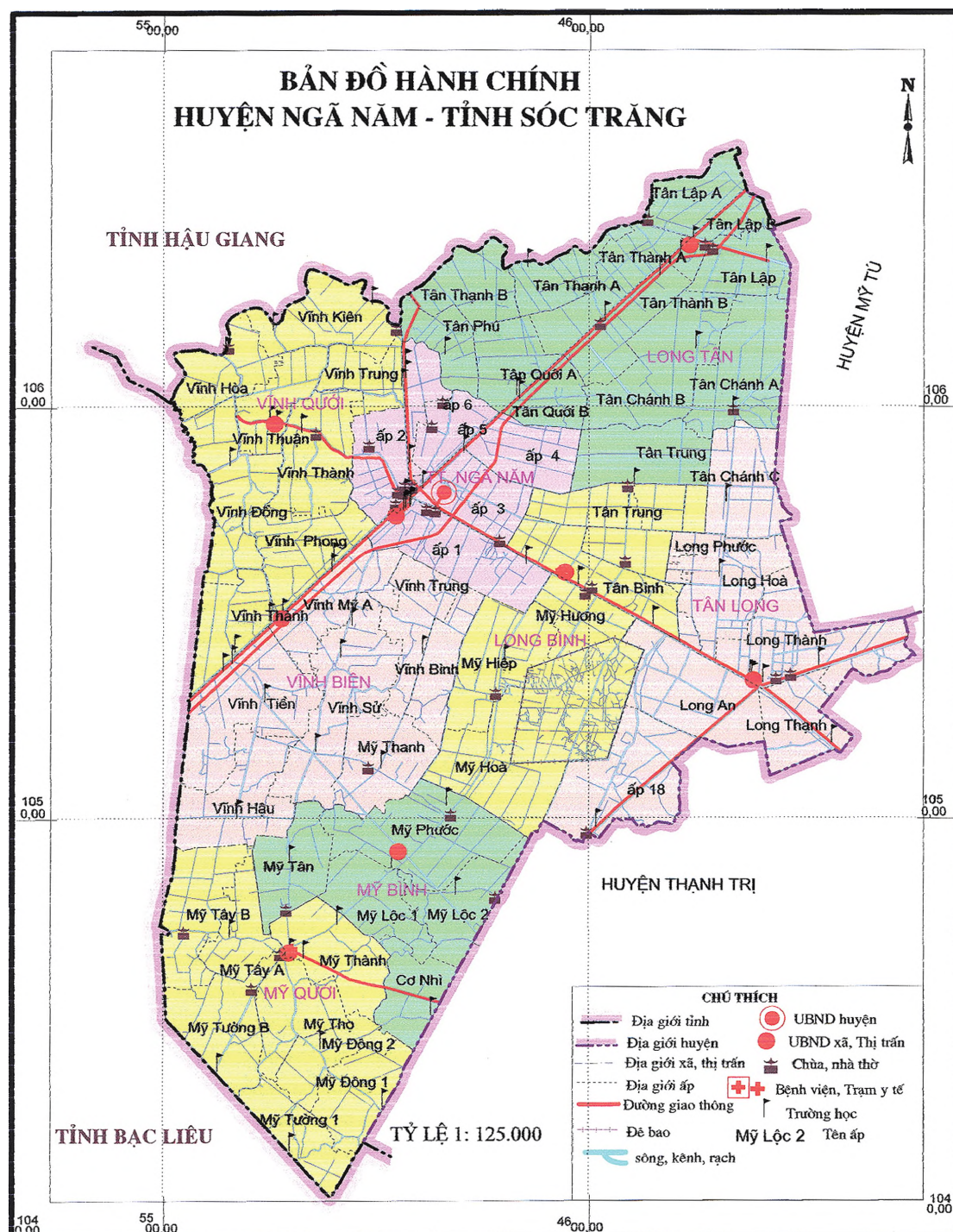
Tháng 10-2003, huyện Ngã Năm được thành lập trên cơ sở tách và thành lập mới các xã của huyện Thanh Trị. Ngã Năm là huyện nằm ở phía tây - nam của tỉnh Sóc Trăng. Có vị trí địa lý như sau: từ 9°24'36,9" đến 9°38'34,2" vĩ Bắc, 105°32'32,7" đến 105°42'06,1" kinh Đông. Phía bắc giáp xã Xà Phiên và xã Long Phú của huyện Long Mỹ,

tỉnh Hậu Giang; phía nam giáp xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; phía đông giáp xã Hưng Phú, Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú và giáp xã Thanh Tân, xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị; phía tây giáp xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Huyện Ngã Năm có diện tích 24.220,18ha, dân số năm 2010 là 80.168 người, trong đó người Kinh 74.023 người chiếm 92,33 %, Khmer có 5.319 người chiếm 6,63%, Hoa 803 người chiếm 1,00 %, dân tộc khác 23 người. Mật độ dân số vào loại trung bình của tỉnh: 331 người/km². Ngã Năm có 1 thị trấn, 7 xã, 61 ấp.

Ngã Năm có địa hình trung bình thấp đến thấp, trũng, là nơi giáp nước triều hỗn hợp giao thoa thủy triều biển Đông và biển Tây. Cao trình đất phổ biến từ 0,2 - 0,4m.

Ngã Năm có mạng lưới kênh, rạch dày đặc đan xen. Các rạch tự nhiên lớn có rạch Bà Tham, Cooc Xơ Nen, Nàng Rền, Cái Trầu, Xẻo Cạy, Xẻo Chiếc, Xẻo Ngựa, Xẻo Gò, Bào Cát, Xẻo Chích, Đường Chùa, Bàu Nhum, Lung Sen, Trầm Tre, Mỹ Tân, Mỹ Tây, Ngan Rôn, Ba Cui. Các kênh đào lớn có kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp, Ngã Năm - Phú Lộc, Ngã Năm - Cái Trầu, Nàng Rền, Quán Lộ - Nhu Gia, Xáng Cụt, Tân Chánh, Hội Canh Nông, Trà Cú, 8/3, Lâm Trà, Bến Long, Dân Quân 1, Dân Quân 2, Đầu Ngàn, Mối, Thầy Bảy, Rọc Lá, Thầy Cai Nhâm, Vĩnh Biên. Sông, kênh, rạch đóng vai trò rất quan trọng trong việc dẫn thủy, thoát thủy, thau chua, sủ phèn cải tạo



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

đất, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư; đồng thời là những tuyến giao thông thủy huyết mạch của huyện.

Giao thông đường bộ có quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp mới xây dựng chạy qua xã Long Tân, thị trấn Ngã Năm và xã Vĩnh Biên. Đường tỉnh có đường 937 từ Thạnh Trị vào Ngã Năm. Đường huyện có đường 24 từ Ngã Năm đi Vĩnh Quới. Ngoài ra, hệ thống đường liên ấp, liên xã đã được trải bê tông nhiều nên đi lại tương đối thuận tiện. Tuy nhiên, mạng lưới giao thông đường bộ của huyện chưa đáp ứng được nhu cầu dân sinh.

8.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1868, Ngã Năm là vùng đất mới, dân cư thưa thớt thuộc tổng Thạnh An, huyện Phong Thạnh, hạt Ba Xuyên. Năm 1894, Ngã Năm thuộc hạt Sóc Trăng. Địa phận là làng Tuân Túc tổng Thạnh An. Năm 1917, Ngã Năm là xã Tuân Túc, tổng Thạnh Lợi, quận Phú Lộc.

Tháng 4-1957, huyện Ngã Năm thuộc tỉnh Ba Xuyên gồm các xã Mỹ Quới, Hương Phú, Tân Long quận Thạnh Trị. Tháng 12-1957, Ngã Năm là tổng Thạnh Lộc, quận Thạnh Trị gồm 4 xã: Vĩnh Quới, Mỹ Quới, Hương Phú, Tân Long. Tháng 1-1958, tỉnh Ba Xuyên có 7 quận, 14 tổng, 68 xã. Ngã Năm là các xã Mỹ Quới, Vĩnh Quới (Vĩnh Quới và Hương Phú cũ), Tân Long thuộc tổng Thạnh Lộc, quận Thạnh Trị. Ngày 6-5-1968, quận lỵ Thạnh Trị chuyển từ chợ

Ngã Năm xã Vĩnh Quới đến Phú Lộc xã Thạnh Trị. Ngày 17-1-1969, sáp nhập các ấp thuộc xã Vĩnh Quới; đó là 2 ấp Vĩnh Bình 1, Vĩnh Bình 2 thành Vĩnh Bình, ấp Ngã Năm giữ nguyên địa danh. Ngày 4-4-1969 sáp nhập các ấp thuộc xã Tân Long: 3 ấp Trà Cú, Tân Thành 1, Tân Thành 2 sáp nhập thành Tân Thành; Tân Bình 2 và Tân Trung sáp nhập thành Tân Bình 2; các ấp Tân Lập, Tân Quới, Tân Bình 1 giữ nguyên địa danh.

Ngày 16-6-1969, quận Ngã Năm được thành lập, quận lỵ tại chợ Ngã Năm thuộc xã Vĩnh Quới. Quận Ngã Năm gồm 5 xã Tân Long, Mỹ Quới, Vĩnh Lợi, Vĩnh Quới (4 xã này nguyên thuộc tổng Thạnh Lộc, quận Thạnh Trị, tỉnh Ba Xuyên), Vĩnh Tân (nguyên thuộc tổng Thanh Tuyền, quận Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện).

Năm 1970, quận Ngã Năm là một trong 8 quận của tỉnh Ba Xuyên, với 5 xã là Mỹ Quới, Tân Long, Vĩnh Lợi, Vĩnh Quới, Vĩnh Tân. Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, đất Ngã Năm thuộc huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 21-4-1979, chia một số xã thuộc huyện Thạnh Trị: Vĩnh Quới chia thành Vĩnh Quới và Vĩnh Biên; Mỹ Quới chia thành Mỹ Quới, Lê Hoàng Chu và Mai Thanh Thế; Tân Long chia thành Tân Long và Dân Hòa. Ngày 1-4-2003, điều chỉnh địa giới thành lập xã Long Bình tách từ Tân Long, Mỹ Bình tách từ Mỹ Quới huyện Thạnh Trị. Ngày 31-10-2003, tách huyện Thạnh Trị thành lập huyện Ngã Năm. Ngã Năm có 8 đơn vị hành

chính trực thuộc gồm các xã Tân Long, Long Bình, Mỹ Quới, Mỹ Bình, Long Tân, Vĩnh Quới, Vĩnh Biên và thị trấn Ngã Năm.

8.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Nền kinh tế chủ yếu là trồng lúa với những cánh đồng thẳng cánh cò bay. Sau năm 1975, Ngã Năm chú trọng khai hoang mở rộng diện tích đất trồng lúa. Việc thâm canh, tăng vụ cũng được mở rộng. Đến nay diện tích đất hoang, đất một vụ lúa hầu như không còn. Các giống lúa đặc sản, năng suất cao được địa phương đưa vào sản xuất đại trà, tạo ra vùng nguyên liệu cho công nghiệp xay xát lúa gạo. Ngã Năm có chợ nổi ở nơi giao điểm năm con sông đi năm ngả: Cà Mau lên, Vĩnh Quới vào, Long Mỹ, Thạnh Trị qua, Phụng Hiệp xuống. Đây là một trong những chợ nổi có từ lâu đời ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Về công nghiệp, Ngã Năm chỉ có nhà máy xay xát chế biến gạo chất lượng cao từ thời Pháp, nay được mở rộng và nâng cấp thành nhà máy hiện đại. Ngã Năm có những cánh đồng lúa chất lượng cao, năng suất cao, đang được Nhà nước chú ý bảo vệ nghiêm ngặt cho an ninh lương thực quốc gia. Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 438,7 tỷ đồng; giá trị sản xuất công nghiệp là 115,1 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994). Diện tích, trồng lúa là 36.016ha, năng suất đạt 58,53 tạ/ha, sản lượng: 210.803 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ 3.605ha toàn bộ là nuôi cá với sản lượng là 9.694 tấn.

Đời sống kinh tế - văn hóa của người dân những năm gần đây đã được cải thiện nhiều do tăng trưởng kinh tế nhiều năm liền ở mức cao. Huyện có điểm du lịch sinh thái vườn cò Tân Long, những di tích lịch sử, văn hóa như di tích lịch sử Căn cứ Mỹ Đông, di tích lịch sử văn hóa chùa Ô Chum, Thánh thất Minh Tiên...

9. Huyện Long Phú

9.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Long Phú nằm ở ven sông Hậu, có vị trí địa lý như sau: từ 9°24'18" đến 9°25'01" vĩ Bắc; 105°50'29,4" đến 106°51'26,4" kinh Đông. Phía bắc giáp huyện Kế Sách; phía nam giáp huyện Trần Đề; phía đông bắc giáp huyện Cù Lao Dung; phía tây giáp huyện Châu Thành, thành phố Sóc Trăng.

Long Phú có diện tích 26.372,12ha, dân số năm 2010 là 112.845 người, trong đó người Kinh 79.680 người chiếm 70,60%, Khmer 32.228 người chiếm 28,56%, Hoa 910 người chiếm 0,81 %, dân tộc khác 27 người. Mật độ dân số vào loại hơi cao của tỉnh: 428 người/km². Long Phú có 1 thị trấn, 10 xã với 61 ấp.

Địa hình của huyện bao gồm các địa hình cao ở thị trấn Long Phú ngược lên phía bắc, thấp trũng ở phía dưới xã Tân Hưng, Tân Thạnh. Chế độ nước chia thành hai thời kỳ trong năm. Từ tháng 5 đến tháng 12 nước ngọt từ kênh Saintard tỏa đi các nơi, từ tháng 1 đến tháng 4 nguồn nước bị lợ do nước nhiễm mặn theo sông Mỹ Thanh, Dù Tho đổ vào kênh Saintard.

Thủy văn của huyện Long Phú chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều biển Đông. Tại Đại Ngãi biên độ triều đạt 3m. Càng vào sâu trong nội đồng biên độ triều càng giảm. Nguồn nước tại Song Phụng chỉ nhiễm mặn trong tháng 4, Đại Ngãi nhiễm mặn từ cuối tháng 2 đến đầu tháng 5. Nước trên sông Hậu nhiễm mặn từ tháng 1 đến tháng 6. Được hệ thống đê đập ngăn mặn nên xâm nhập mặn vào đồng ruộng rất hạn chế, nước mặn chủ yếu chỉ có trong các sông, rạch lớn trong các tháng mùa khô.

Long Phú có mạng lưới kênh, rạch dày đặc phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đời sống dân cư và là những tuyến đường giao thông thủy quan trọng. Các kênh chính của Long Phú là Saintard, Sóc Trăng - Long Phú, Tân Thạnh, Tân Hưng, Phú Đức, Xã Chi, Thầy Cai, Đập Đá, Bà Xắm. Các sông, rạch chính có Mương Điều, Dâng Cơ, Trường Hưng, Mây Hắc, Ngã Tư, Sóc Dong, Gốc, Cái Xe, Cái Quanh, Bào Tre Lớn, Bưng Thum, Bưng Long, Nước Mặn.

Mạng lưới giao thông đường bộ có quốc lộ 60 từ Sóc Trăng đi Đại Ngãi có từ thời Pháp thuộc nay được cải tạo nâng cấp và đường Nam Sông Hậu (cạnh sông Hậu) chạy xuyên suốt huyện mới được xây dựng. Ngoài ra, có các đường tỉnh 939 từ trung tâm huyện về Sóc Trăng; các đường huyện có đường 6 từ Tân Thạnh đi Long Đức, đường 8 Ngan Rô đi Bưng Thum, đường 9 Long Phú đi Lịch Hội Thượng và các hương lộ tỏa đi khắp các xã trong huyện.

9.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1830, Long Phú có 3 thôn là Phú Hữu, Châu Khánh, Đại Hữu thuộc tổng Định Khánh, huyện Vĩnh Định, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Năm 1835, phủ lỵ Ba Xuyên ở vàm Đại Ngãi ngày nay. Năm 1853, địa phận huyện Long Phú có một số thôn thuộc tổng Định Mỹ, Định Hòa và tổng Định Chí, huyện Vĩnh Định, phủ Ba Xuyên.

Năm 1876, tổng Định Chí thuộc hạt Ba Xuyên. Năm 1894, Long Phú thuộc hạt Sóc Trăng, gồm có các tổng, làng sau: tổng Định Mỹ có 8 làng thuộc Long Phú: Bang Long, Hữu Đức, Đại Đồng, Long Điền, Hưng Đức, Đại Hữu, Phú Đức, Quan An; tổng Định Hòa có 8 làng thuộc Long Phú: An Bình, Khả Phú, Nhơn Hậu, Phú Hữu, Đại Ngãi, Phụng Sơn, Phụng Tường, Hữu Thành; tổng Định Chí có 7 làng thuộc huyện Long Phú: Châu Khánh, Châu Thạnh, Châu Thạnh Tây, Hưng Ngôn, Tân Lịch, Tân Hội, Tế Thới; tổng Định Khánh có 1 làng thuộc địa danh Long Phú là Trường Kế.

Năm 1917, tỉnh Sóc Trăng có 4 quận, trong đó quận Bang Long (quận lỵ thị trấn Long Phú nay) có 2 tổng, 22 xã thôn đó là tổng Định Chí 12 xã thôn: An Ca, An Nô, Chắc Vắn, Châu Khánh, Hưng Ngôn, Hưng Thạnh, Hưng Thới, Mỹ Xuyên, Tài Công, Tân Hội, Tân Lịch, Thạnh Thới; tổng Định Mỹ có 10 xã thôn: Bang Long, Đại Hữu, Đào Viên, Hội Bình, Lịch Hội Thượng, Lịch Hội Trung, Phú Đức, Quan An, Tà Liêu, Tú Diêm.

Tháng 4-1957, quận Long Phú thuộc tỉnh Ba Xuyên có 12 xã: Long Phú, Đại An, Tân Hưng, An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Châu Khánh, Tân Thạnh, Long Đức, Phú Hữu, Hậu Thạnh, Đại Ngãi, Song Phụng. Tháng 12-1957, tỉnh Ba Xuyên điều chỉnh lại các đơn vị hành chính, quận Long Phú gồm 2 tổng, 13 xã là tổng Định Mỹ có 5 xã: Long Phú, Tân Hưng, Đại Ân, Tân Thạnh, An Thạnh Nhì; tổng Định Hòa có 7 xã: Châu Khánh, An Thạnh Nhứt, Đại Ngãi, Long Đức, Phú Hữu, Hậu Thạnh, Song Phụng. Ngày 13-1-1958, tỉnh Ba Xuyên có 7 quận, quận Long Phú gồm 3 tổng, 17 xã là tổng Định Mỹ có 5 xã: Long Phú, Tân Hưng, Đại Ân, Tân Thạnh, An Thạnh Nhì; tổng Định Phước có 4 xã: Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Viên An, Liêu Tú; tổng Định Hòa có 8 xã: Châu Khánh, An Thạnh Nhứt, Đại Ngãi, Long Đức, Phú Hữu, Hậu Thạnh, Song Phụng, Trường Khánh.

Ngày 11-12-1965, quận Lịch Hội Thượng được tái lập, quận lỵ đặt tại xã Lịch Hội Thượng. Năm 1970, tỉnh Ba Xuyên gồm 8 quận 50 xã, trong đó quận Long Phú rộng 526,7km², dân số có 58.737 người. Quận Long Phú có các xã sau: An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Châu Khánh, Đại Ân, Đại Ngãi, Hậu Thạnh, Long Đức, Long Phú, Phú Hữu, Song Phụng, Tân Hưng, Tân Thạnh, Trường Khánh.

Ngày 8-2-1969, 22 ấp của xã Long Phú được sáp nhập thành 8 ấp: 3 ấp Khwantang 1, Khwantang 2, Tà Lờ sáp nhập thành Khwantang; 3 ấp Chợ A, Chợ B, Chợ C sáp nhập thành Bang

Long; 3 ấp Nước Mặn Giữa, Nước Mặn Trung, Kênh Ngang sáp nhập thành Kênh Ngang; 3 ấp Tà Ma, Sóc Mới, Sóc Dầu sáp nhập thành Sóc Mới; 3 ấp Bưng Long, Tà Núp, Bưng Trón thành Tà Núp, 3 ấp Bưng Côi, Phú Đức và Tà Đốt thành Phú Đức; các ấp Nước Mặn Ngoài, Bưng Thum giữ nguyên.

Ngày 17-4-1969, các ấp thuộc xã Đại Ân, Tân Thạnh, Trường Khánh, Hậu Thạnh, Long Đức được sáp nhập. Xã Đại Ân gồm 9 ấp sáp nhập còn 5 ấp: Nhà Thờ và Rạch Lớn thành Nhà Thờ; Xẻo Bảy, Rạch Đáy, Rạch Nhỏ, Rạch Vọt thành Rạch Vọt; các ấp Ông Hội, Ngan Rô, Vàm giữ nguyên địa danh. Xã Tân Thạnh gồm 7 ấp sáp nhập còn 5 ấp: Cái Đường, Cái Xe, Tân Hội thành Cái Đường; các ấp Nhà Thờ, Saintard, Tân Lợi, Lòng Đèn giữ nguyên địa danh. Xã Trường Khánh gồm 7 ấp sáp nhập còn 5 ấp: Trường Lộc, Trường Phú, Trường Thọ thành Trường Phú; các ấp Trường Thành, Trường Bình, Trường Hưng, Trường An giữ nguyên địa danh. Xã Hậu Thạnh gồm 5 ấp sáp nhập còn 4 ấp: May Hắc và Chùa Ông thành Chùa Ông; các ấp Ngọn, Phỏ, Xóm Làng giữ nguyên địa danh. Xã Long Đức gồm 6 ấp sáp nhập còn 5 ấp: Lợi Hưng, An Hưng sáp nhập thành An Hưng; các ấp An Đức 1, An Đức 2, Lợi Đức, Hòa Hưng giữ nguyên địa danh. Tách ấp Ngan Rô thành lập ấp Bưng Cóc thuộc xã Đại Ân, quận Long Phú.

Năm 1972, quận Long Phú có 12 xã với 49 ấp, quận lỵ đặt ở xã Long Phú, các xã là Long Phú có 8 ấp: Băng Long, Khwan Tang, Nước Mặn,

Sóc Mới, Tà Núp, Bung Thum, Kênh Ngang, Phú Đức; xã Đại Ân có 5 ấp: Ông Hội, Ngan Rô, Vàm, Rạch Vọp, Nhà Thờ; xã Tân Hưng có 5 ấp: Tân Quy A, Tân Quy B, Tân Lịch, Kô Kô, Sóc Dong; xã Tân Thạnh có 5 ấp: Nhà Thờ, Saintard, Tân Lợi, Lòng Đèn, Cái Đường; xã An Thạnh Nhì có 5 ấp: An Ninh, An Bình, An Định, An Phú, An Cư; xã Châu Khánh có 4 ấp: Nhứt, Nhì, Ba, Tư; xã An Thạnh Nhứt có 3 ấp: An Trung, An Thường, An Hòa; xã Đại Ngãi có 5 ấp: Ngãi Hội 1, Ngãi Hội 2, Ngãi Hòa, An Đức, Ngãi Phước; xã Long Đức có 5 ấp: Thạnh Đức 1, Thạnh Đức 2, Lợi Đức, Hòa Hưng, An Hưng; xã Phú Hữu có 4 ấp: Phú Hữu, Phú Thứ, Phú Đa, Phú Thường; xã Hậu Thạnh có 4 ấp: Ngọn, Phố, Chùa Ông, Xóm Làng; xã Trường Khánh có 5 ấp: Trường Khánh, Trường Bình, Trường Hưng, Trường An, Trường Phú.

Sau giải phóng miền Nam năm 1975, Long Phú là một huyện của tỉnh Sóc Trăng. Huyện Long Phú gồm có thị trấn Long Phú, và 18 xã: Đại Ngãi, Long Phú, Song Phụng, Tân Thạnh, Long Đức, Tân Hưng, Châu Khánh, Đại Ân 1, Phú Hữu, Đại Ân 2, Liêu Tú, An Thạnh Nhất, Lịch Hội Thượng, An Thạnh Nhì, Trung Bình, Trường Khánh, An Thạnh Ba, Hậu Thạnh.

Ngày 11-1-2002, Nhà nước tách huyện Long Phú và thành lập huyện Cù Lao Dung ở vùng đất cù lao giữa sông Hậu thuộc xã An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba, Đại Ân 1. Ngày 23-12-2009, tách huyện Long Phú, Mỹ Xuyên thành lập huyện Trần

Đề, trong đó lấy từ huyện Long Phú các xã Liêu Tú, Lịch Hội Thượng, Trung Bình và Đại Ân 2. Huyện Long Phú còn lại 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Long Phú và các xã Long Phú, Tân Hưng, Tân Thạnh, Trường Khánh, Hậu Thạnh, Đại Ngãi, Song Phụng, Long Đức, Châu Khánh, Phú Hữu.

9.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Trong giai đoạn thực dân - phong kiến, trình độ sản xuất của người dân lao động huyện Long Phú còn rất thấp. Tuy nhiên, những hoạt động kinh tế trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đánh bắt thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đã khá đa dạng và phong phú. Hoạt động kinh tế của người Hoa có các loại hình dịch vụ thương mại hình thành nên những trung tâm thương mại nhộn nhịp như chợ Bang Long, Trường Khánh, Đại Ngãi. Từ năm 1867 trở về trước, Vàm Tấn được chọn làm nơi đặt phủ lý Ba Xuyên; đến năm 1868 người Pháp thành lập khu Thanh tra thì trụ sở phủ lý được chuyển về đặt tại làng Khánh Hưng, nay là trung tâm Sóc Trăng. Vàm Tấn vốn là địa bàn chiến lược về kinh tế, quân sự nên người Pháp tiếp tục lập đồn trấn thủ, xây dựng phòng Bưu điện, đồn thương Chính, sở nấu rượu biến Vàm Tấn thành một trong những khu kinh tế sầm uất của tỉnh Sóc Trăng bấy giờ. Theo cụ Vương Hồng Sển¹, ngay cửa sông Vàm Tấn là nơi

1. Nguyên Nhà khảo cổ học Vương Hồng Sển (1902 - 1996).

sinh sống duy nhất của giống cá Cháy có thịt rất ngon, xứng danh “kỳ trân thủy vật”, thịt cá Cháy rất đắt tiền nên chỉ dành riêng cho bậc quyền quý, tầng lớp thượng lưu. Ngày nay, cá Cháy không còn nhưng danh tiếng của nó vẫn được người đời truyền tụng.

Ngày nay, nền kinh tế Long Phú chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng lúa và mía. Một vài nơi phía bắc của huyện cũng có những vườn cây ăn trái sum suê. Trung tâm Điện lực Long Phú đang được xây dựng quy mô lớn ở xã Long Đức. Đây là nhà máy nhiệt điện chạy bằng than, mỗi năm có thể tiêu thụ hết 2 triệu tấn than. Trong tương lai Trung tâm Điện lực sẽ thúc đẩy nền kinh tế và đời sống cư dân nơi đây lên cao. Sau nhiều năm liên tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đời sống kinh tế, văn hóa người dân đã được cải thiện rõ rệt.

Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 581,7 tỷ đồng; giá trị sản xuất công nghiệp đạt 206,9 tỷ đồng. Diện tích gieo trồng lúa: 44.684ha, năng suất 59,45 tạ/ha - đứng đầu toàn tỉnh, sản lượng 265.650 tấn. Diện tích vườn của huyện là 4.508ha, trong đó có 2.522ha cây ăn quả. Diện tích mía: 1.312ha, năng suất: 771,2 tạ/ha, sản lượng 101.256 tấn. Long Phú là huyện có sản lượng mía đường đứng thứ ba của tỉnh Sóc Trăng.

10. Huyện Cù Lao Dung

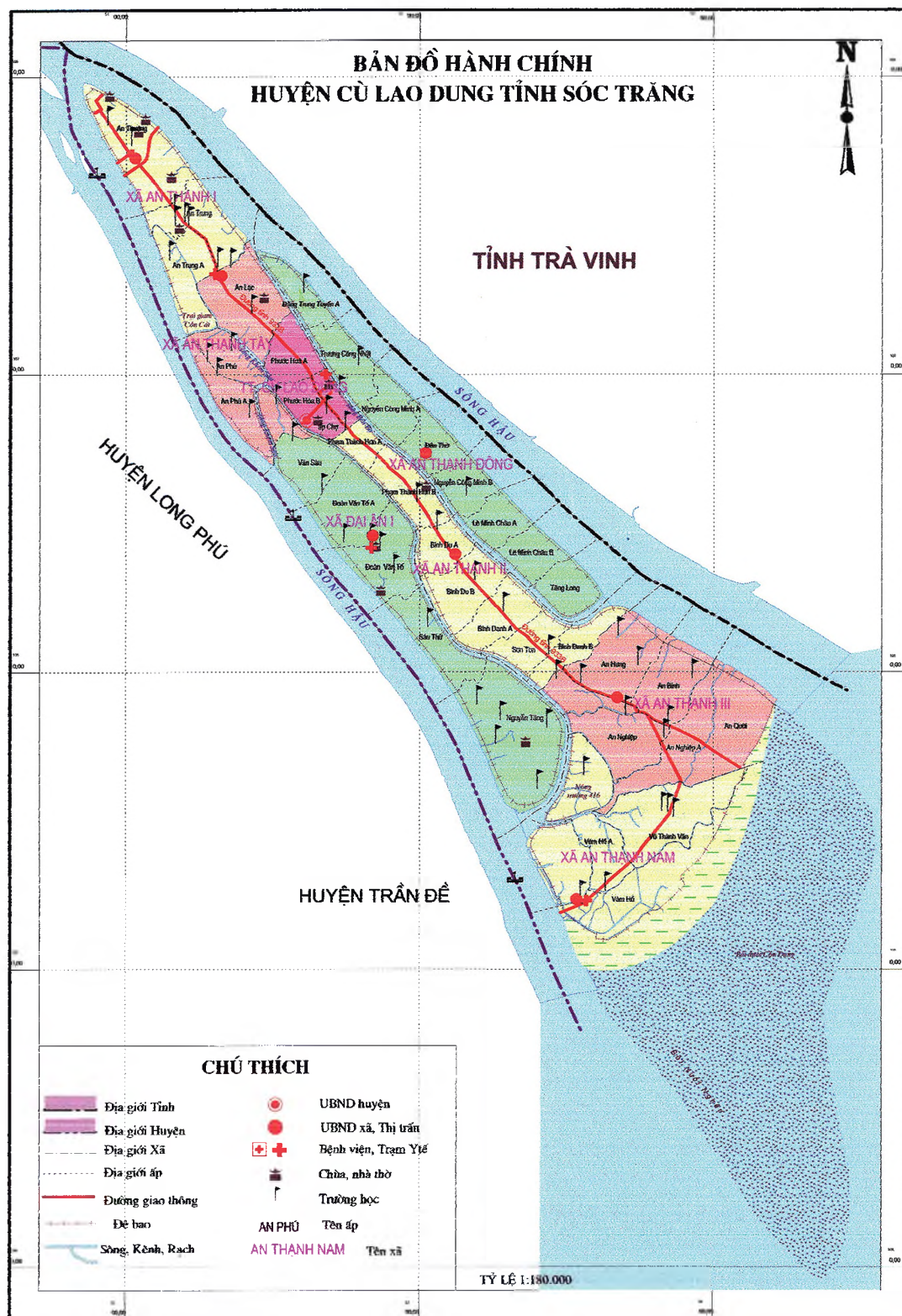
10.1. Điều kiện tự nhiên

Cù Lao Dung là huyện nằm phía đông nam của tỉnh Sóc Trăng, Cù Lao Dung được bao bọc bởi dòng sông

Hậu. Vị trí địa lý như sau: từ 9°29'37,2" đến 9°46'30" vĩ Bắc; 106°04'23" đến 106°19'10,8" kinh Đông. Phía đông - bắc giáp huyện Tiểu Cần và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; phía tây - nam giáp huyện Long Phú và Trần Đề; phía đông - nam giáp biển Đông.

Cù Lao Dung là huyện nằm trọn trên vùng đất cồn nổi lên giữa dòng sông Hậu bốn bề là sông nước, giữa 2 cửa biển rộng lớn là cửa Định An và Trần Đề. Cù Lao Dung có diện tích 26.059,93ha, dân số năm 2010 là 63.319 người, trong đó Kinh 59.219 người chiếm 93,52%, Khmer 4.040 người chiếm 6,38%, Hoa 49 người chiếm 0,08%, dân tộc khác 4 người. Mật độ dân số vào loại thấp của tỉnh: 242 người/km². Cù Lao Dung có 1 thị trấn, 7 xã, 34 ấp.

Đất Cù Lao Dung có nguồn gốc từ trầm tích biển và phù sa sông Cù Long. Đây là vùng đất trẻ được hình thành từ thời kỳ Holocene. Đất phù sa được bồi đắp hằng năm, thành phần cơ giới thịt nhẹ. Chế độ tưới tiêu tự chảy tốt, cao trình đất khoảng 0,8 - 1m. Chế độ thủy văn của Cù Lao Dung chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ bán nhật triều biển Đông. Nước ngọt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư lấy trực tiếp từ sông Hậu và nước mưa. Vào mùa khô, nước sông Hậu nhiễm mặn nên ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân. Ven sông Hậu và ven các con rạch ăn sâu vào cồn có những tuyến đê bao cao ngăn con nước lớn triều cường và nước nhiễm mặn. Các tuyến đê này còn là đường giao thông bộ thuận tiện.



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

Cù Lao Dung có mạng lưới sông, rạch từ sông Hậu chạy ngoằn ngoèo sâu vào trong cồn với mật độ rất dày. Chính vì vậy nơi đây lại rất ít kênh đào, chỉ có kênh Đình Trụ ở thị trấn Cù Lao Dung và kênh Xáng ở An Thạnh Nam thời khai phá nông trường 30 tháng 4. Các sông có Cồn Trồn, Bến Ba, khém Sâu, khém Bà Hành, Vàm Hồ. Các rạch điển hình là Trần Tiền, Trâu, Đùi, Dục, Long Ân, Sâu, Tàu, Giá, Sung, Bằng Co, Vàm Tắc, Ngát, Bần, Xã Bầy, Cái Đồi, Đầu Bần, Xẻo Lưới, Bà Chủ, Ông Hai, Nhà Thờ, Khai Luông, Bà Cá, Mù U, Tráng, Ông Tám, Ruột Ngựa, Lớn, Voi, Ngay, Xu.

Về giao thông, có đường tỉnh 939B xuyên suốt từ đầu đến cuối cồn Cù Lao Dung. Quốc lộ 60 chạy ngang đầu cồn với 2 bến phà về Đại Ngãi và sang Trà Vinh. Ngoài ra còn 2 bến phà lớn, một bên ở giữa cồn sang Long Phú và một bên ở đuôi cồn sang Trần Đề. Các đường liên xã, liên ấp đã được trải bê tông phần lớn nên rất thuận tiện cho đi lại và giao thương.

10.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1830, Sóc Trăng lập được 1 tổng Định Khánh, 11 thôn thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Trong đó có những thôn thuộc địa bàn Cù Lao Dung như An Thạnh Nhì, An Thạnh Nhứt. Năm 1835, chúa Nguyễn lấy đất Ba Thắc đặt làm phủ Ba Xuyên và đặt 3 huyện Phong Nhiêu ở Bãi Xàu, Phong Thạnh ở Nhu Gia, Vĩnh Định ở Ba Xuyên. Đất Cù Lao Dung thuộc huyện Vĩnh Định.

Năm 1868, Cù Lao Dung thuộc Vĩnh Định. Năm 1876, hạt Ba Xuyên có 11 tổng với 144 thôn. Cù Lao Dung gồm các thôn thuộc tổng Định Mỹ: An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Thái Hòa, Hòa Bình, Đại Hữu. Năm 1894, hạt Sóc Trăng gồm 9 tổng với 97 làng. Địa giới Cù Lao Dung gồm có các tổng, làng sau: tổng Định Mỹ gồm làng Đại Hữu; tổng Định Hòa gồm các làng: An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Hòa Bình, Thái Hòa.

Tháng 4-1957, Cù Lao Dung gồm các xã An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, Đại Ân thuộc quận Long Phú, tỉnh Ba Xuyên. Ngày 13-1-1958, Cù Lao Dung gồm các xã Đại Ân, An Thạnh Nhì tổng Định Mỹ và An Thạnh Nhứt tổng Định Hòa quận Long Phú. Năm 1970, gồm 8 quận 50 xã. Cù Lao Dung là các xã: An Thạnh, An Thạnh Nhì, Đại Ân thuộc quận Long Phú tỉnh Ba Xuyên.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, Cù Lao Dung thuộc huyện Long Phú thuộc tỉnh Sóc Trăng, có các xã Đại Ân 1, An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba. Ngày 11-1-2002, huyện Cù Lao Dung được thành lập trên vùng đất cù lao giữa sông Hậu, tách từ huyện Long Phú các xã An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba và Đại Ân 1. Xã An Thạnh Tây được thành lập tách từ xã An Thạnh Nhất, thị trấn Cù Lao Dung; xã An Thạnh Đông tách từ xã An Thạnh Nhì và xã An Thạnh Nam tách từ xã An Thạnh Ba. Hiện nay Cù Lao Dung có 8 đơn vị hành chính gồm các xã An Thạnh Nhất, An Thạnh Nhì, An Thạnh Ba, Đại Ân 1, An Thạnh

Tây, An Thạnh Đông, An Thạnh Nam và thị trấn Cù Lao Dung.

10.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Trong các tài liệu liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh Sóc Trăng, địa danh Cù Lao Dung được đề cập khá nhiều trong các văn bản hành chính thời trước năm 1945 với nhiều tên gọi khác nhau. Thời kỳ triều đình nhà Nguyễn, Cù Lao Dung được gọi là Huỳnh Dung Châu (theo di cảo của Trương Vĩnh Ký). Đến nay vẫn chưa có một cách giải thích nào thật đúng về ý nghĩa của tên gọi Huỳnh Dung Châu...

Trước đây, Cù Lao Dung chỉ có 3 làng là An Thạnh Nhứt, An Thạnh Nhì và An Thạnh Ba (3 địa danh này được ghi lại trong Di cảo của học giả Trương Vĩnh Ký) với 3 cửa biển là Định An, Trần Di (nay là Trần Đề) và Ba Thắc. Qua hàng trăm năm bồi đắp, cửa biển Ba Thắc đã bị lấp. Trong thời kỳ lưu lạc, Nguyễn Ánh đã có một thời lánh nạn nơi đây và con rạch nơi nhà vua trú ngụ nay gọi là rạch Long Ân.

Đến nay, nền kinh tế Cù Lao Dung vẫn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng cây ăn trái ở vùng phía bắc cồn, nơi có nước ngọt quanh năm và trồng mía, bắp, rau màu ở vùng đất phía nam cồn, người dân nơi đây không còn trồng lúa nữa. Những năm gần đây Cù Lao Dung còn phát triển nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm sú và cá. Nghề đánh bắt thủy sản còn kém phát triển. Công nghiệp và

tiểu thủ công nghiệp chưa có cơ hội phát triển. Đuôi cù lao có vùng đất bãi bồi rộng lớn, trải dài với diện tích trên 8.000ha. Nơi đây có khu rừng ngập mặn trên 1.000ha vừa là phòng hộ ven biển vừa bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường sinh thái. Vùng đất bãi bồi này còn có nhiều loài nhuyễn thể, chủ yếu là nghêu, đang sinh sống. Hợp tác xã nuôi nghêu đã được thành lập nhằm vừa khai thác vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản và mở rộng bãi nghêu. Đến năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 319 tỷ đồng; giá trị sản xuất công nghiệp đạt 21,6 tỷ đồng. Mía là cây trồng chính, là thế mạnh số 1 của huyện, có diện tích, năng suất, sản lượng lớn nhất tỉnh: 7.771ha, năng suất 1.009,1 tạ/ha, sản lượng 784.777 tấn là vùng nguyên liệu mía chủ yếu cho ngành công nghiệp mía đường của tỉnh Sóc Trăng. Vườn có diện tích 2.336ha trong đó có 1.570ha cây ăn trái (dừa 555ha, cam chanh 319ha, nhãn 621ha, bưởi 197ha). Diện tích nuôi trồng thủy sản 1.587ha trong đó nuôi cá 561ha với sản lượng 8.989 tấn, tôm 1.023ha với sản lượng 3.839ha. Bãi bồi đuôi Cù Lao Dung hằng năm đang lấn ra biển 60 - 70m. Đời sống dân cư những năm gần đây được nâng cao rõ rệt do người dân cần cù lao động và đất đai màu mỡ phì nhiêu. Cù Lao Dung còn có thể mạnh về du lịch sinh thái như quan sát chim ở An Quới (xã An Thạnh Ba), quan sát dơi, đi bộ trong rừng bần ngoài đê ở An Thạnh Nam, tổ chức các hoạt động thể thao sông nước, thú vui câu cá, chèo thuyền... hay tham quan Đền thờ Bác Hồ ở xã An Thạnh Đông...

11. Huyện Trần Đề

11.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Trần Đề là huyện nằm ở ven sông Hậu, có vị trí địa lý như sau: từ 9°24'07,7" đến 9°26'30" vĩ Bắc; 106°49'06" đến 106°51'52,4" kinh Đông. Phía bắc giáp huyện Long Phú, thành phố Sóc Trăng; phía nam giáp huyện Vĩnh Châu; phía đông giáp huyện Cù Lao Dung; phía tây giáp huyện Mỹ Xuyên.

Trần Đề là huyện mới thành lập nằm ở cuối dòng sông Hậu, bên cửa biển Trần Đề rộng lớn. Huyện có diện tích 37.875,98ha, dân số năm 2010 là 133.212 người, trong đó Kinh có 63.827 người chiếm 47,91%, Khmer có 65.386 người chiếm 49,08%, Hoa có 3.955 người 2,97%, dân tộc khác 53 người chiếm. Mật độ dân số vào loại trung bình của tỉnh: 353 người/km². Trần Đề cũng là huyện có tỷ lệ dân số người Khmer cao hơn người Kinh. Trần Đề có 2 thị trấn, 9 xã với 64 ấp.

Địa hình của huyện tương đối cao so với mặt bằng chung của tỉnh. Từ tháng 1 đến tháng 4 nguồn nước bị nhiễm mặn do nước mặn từ biển theo sông Mỹ Thanh và sông Hậu xâm nhập vào đất liền. Do nằm sát biển, thủy văn huyện Trần Đề chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ bán nhật triều biên Đông. Tại Trần Đề, biên độ triều đạt 3m. Vào sâu trong sông và nội đồng biên độ giảm dần. Nguồn nước của huyện nhiễm mặn nồng độ thay đổi theo con nước trong ngày. Do hệ thống đê đập ngăn mặn nên

xâm nhập mặn vào đồng ruộng được hạn chế, nước mặn chủ yếu trong các kênh, rạch vào các tháng mùa khô.

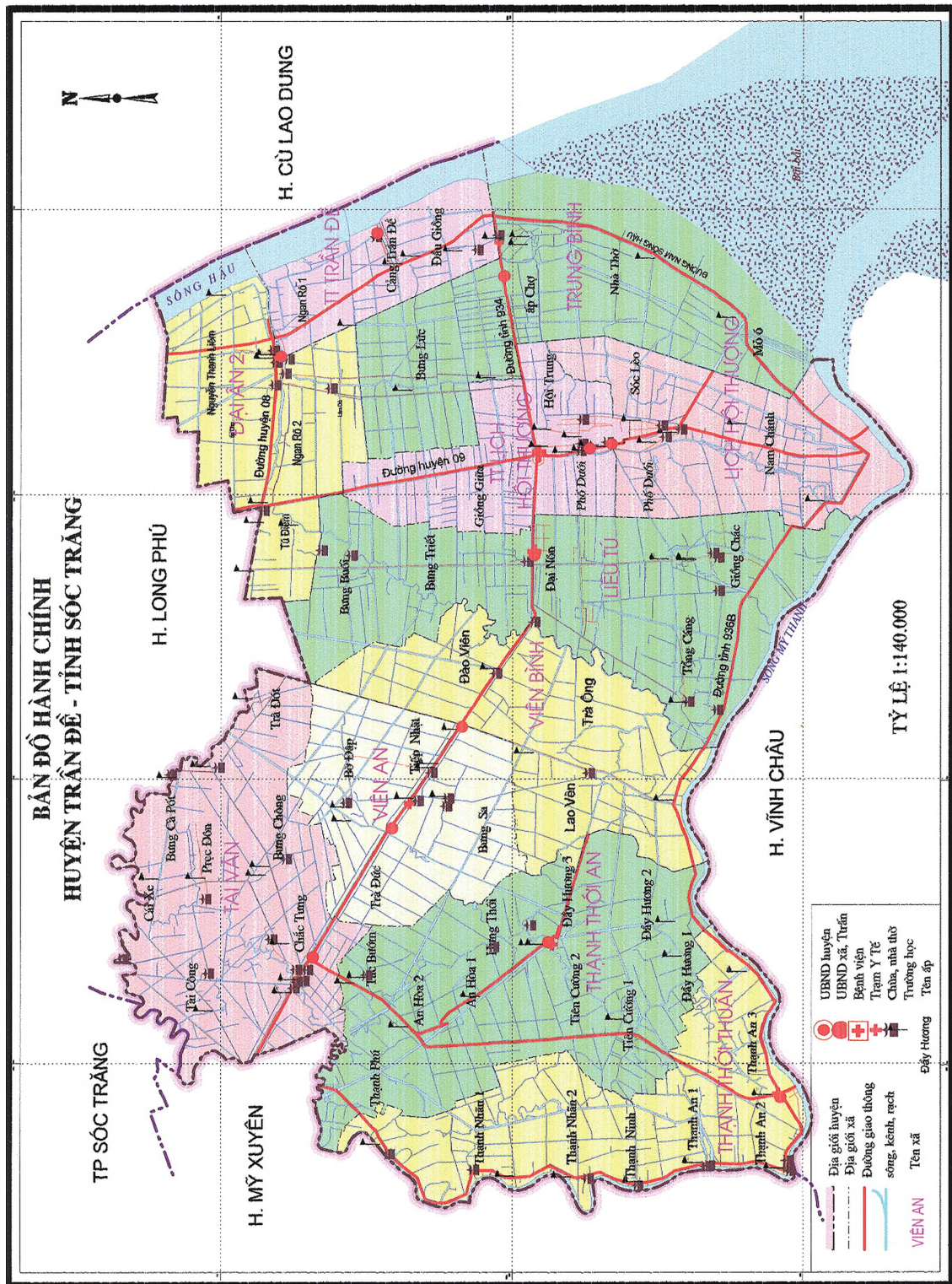
Huyện Trần Đề có hệ thống sông, kênh, rạch dày đặc đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất nông nghiệp, đời sống dân cư và giao thông đường thủy. Các kênh lớn có Giồng Chát, Tổng Cánh, Tiếp Nhựt, kênh 1, kênh 2, kênh 3, kênh 4, Bồn Bồn, Ngang, Bưng Triết, Viên Bình, Viên An, Chùa, Cái Xe, An Nô, Hưng Thạnh, Lao Viên, Thanh Nhàn, Tiên Cường, Tắc Bướm. Ngoài sông Hậu và Mỹ Thanh, các sông, rạch khác trong huyện có Ngan Rô, Bưng Lức, Tổng Cán, Gòi, Cái Xe, Bãi Xàu, Dù Tho, Tiên Cường, Lắc Bưng, Tầm Ruộc, Tầm Du, Rọc Lá.

Trong những năm gần đây, mạng lưới giao thông của Trần Đề đã được Nhà nước đầu tư rất nhiều. Ngoài quốc lộ Nam sông Hậu chạy xuyên qua huyện còn có các đường tỉnh: đường 934 từ Kinh Ba về Sóc Trăng, đường 935 đi về Vĩnh Châu và Sóc Trăng, đường 936B từ Mỏ Ó về Cổ Cò. Ngoài ra còn có các đường huyện 08, 09 và các đường liên xã, liên thôn, đa số đã được tráng nhựa hoặc bê tông rất thuận tiện cho đi lại và giao thương hàng hóa.

11.2. Những thay đổi địa danh, địa giới qua các thời kỳ

Năm 1835, đất Trần Đề thuộc huyện Vĩnh Định.

Năm 1868, các tổng Định Mỹ, Định Chí huyện Vĩnh Định thuộc hạt Ba Xuyên có một số thôn thuộc đất Trần Đề ngày nay. Năm 1894, Trần Đề có



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng

các làng: Lịch Hội Thượng, Lịch Hội Trung, Đào Viên, Hội Bình, Tà Liêu, Tú Diêm thuộc tổng Định Mỹ và An Ca, An Nô, Chấn Văn, Hưng Thạnh, Hưng Thới, Tài Công thuộc tổng Định Chí. Năm 1917, Trần Đề có một số xã, thôn của tổng Định Chí và Định Mỹ, quận Long Phú. Đó là các làng An Ca, An Nô, Chấn Văn, Hưng Thạnh, Hưng Thới, Tài Công thuộc tổng Định Chí và Đào Viên, Hội Bình, Lịch Hội Thượng, Lịch Hội Trung, Phú Đức, Quan An, Tà Liêu, Tú Diêm thuộc tổng Định Mỹ.

Tháng 12-1957, Trần Đề có các xã Đại Ân tổng Định Mỹ, Lịch Hội Thượng, Trung Bình, Liêu Tú, Viên An tổng Định Phước, quận Long Phú, tỉnh Ba Xuyên.

Ngày 11-12-1965, quận Lịch Hội Thượng, quận lỵ tại xã Lịch Hội Thượng được tái lập. Quận Lịch Hội Thượng diện tích có 2.350km², dân số có 33.372 người chia thành 4 xã: Lịch Hội Thượng có 32,0km² và 7.780 người; Trung Bình có 84km² và 14.569 người; Liêu Tú có 55,5km² và 5.050 người; Viên An có 63,5km² và 5.873 người. Ngày 17-4-1969, sáp nhập một số ấp thuộc xã Liêu Tú và Trung Bình quận Lịch Hội Thượng: Liêu Tú có 6 ấp sáp nhập còn 5 ấp: Tổng Cán và Giồng Chát thành Giồng Chát; các ấp Đại Nôn, Col Cà Et, Bưng Buồi, Bưng Triết giữ nguyên địa danh. Xã Trung Bình có 12 ấp sáp nhập còn 10 ấp: 3 ấp Bằng Lăng, Mỏ Ó, Sóc Tia sáp nhập thành ấp Sóc Tia; các ấp Ngan Rô 1, Ngan Rô 2, Nhà Việc cũ, Lâm Đồ, Bưng Lức, Nhà Thờ, Chợ, Xóm Đáy,

Giồng Chùa giữ nguyên địa danh. Xã Đại Ân, quận Long Phú gồm 9 ấp sáp nhập còn 5 ấp: Nhà Thờ và Rạch Lớn sáp nhập thành Nhà Thờ; ấp Xẻo Bảy, Rạch Đáy, Rạch Nhỏ, Rạch Vọp sáp nhập thành Rạch Vọp; các ấp Ông Hội, Ngan Rô, Vàm giữ nguyên địa danh. Sau đó, tách ấp Ngan Rô thành lập ấp Bưng Cóc. Ngày 5-12-1970, ấp Sóc Tia được tách thành Sóc Tia và Mỏ Ó. Ngày 25-8-1972, ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú tách thành ấp Tổng Cán.

Sau năm 1975, Trần Đề gồm các xã Đại Ân 2, Trung Bình, Lịch Hội Thượng, Liêu Tú huyện Long Phú và Viên An, Viên Bình, Tài Văn, Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 23-12-2009, thị trấn Trần Đề được thành lập tách từ xã Trung Bình và Đại Ân 2, thị trấn Lịch Hội Thượng được thành lập từ xã Lịch Hội Thượng; thành lập huyện Trần Đề tách từ một số xã của huyện Long Phú và Mỹ Xuyên. Trần Đề có 2 thị trấn và 9 xã: các xã Lịch Hội Thượng, Thạnh Thới Thuận, Trung Bình, Tài Văn, Đại Ân 2, Viên An, Liêu Tú, Viên Bình, Thạnh Thới An, thị trấn Lịch Hội Thượng và thị trấn Trần Đề.

11.3. Khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội

Đất Trần Đề đã được khai thác sớm vào đầu thế kỷ XX. Nơi đây có nhiều thuận lợi là nền đất cao, cạnh sông và cửa biển lớn, thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp, đánh bắt thủy sản và giao thương hàng hóa. Kinh Ba giờ là một cảng cá lớn, có nhiều tàu thuyền đánh bắt thủy sản, có nhiều dịch vụ phù trợ

cho tàu thuyền và thu mua, chế biến hải sản. Khu công nghiệp Trần Đề đang được xây dựng và kêu gọi đầu tư. Nhìn chung, nền kinh tế của huyện vẫn dựa vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Những năm 1990 trở về trước vùng đất phía nam của huyện là vùng đất hoang hóa đầy cỏ lác, ô rô, cóc kèn, đất đai nhiễm phèn, nhiễm mặn không trồng lúa được, đời sống dân cư rất khó khăn và nghèo nàn. Nhiều năm qua ở đây đã phát triển nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là tôm sú, đem lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế, biến vùng đất hoang vu thành những ao tôm cho lợi nhuận rất cao. Vùng đất phía bắc của huyện chủ yếu trồng lúa. Nhiều năm liên tăng trưởng kinh tế của huyện ở mức cao nên đời sống người dân được cải thiện nhiều. Tuy nhiên, ở những vùng sâu, vùng xa có nhiều dân cư Khmer, cuộc sống vẫn còn nhiều khó khăn.

Huyện Trần Đề có những di tích lịch sử, văn hóa như: bia Tưởng niệm Chứng tích chiến tranh ghi dấu ấn cuộc thảm sát hơn 300 mạng người của đế quốc Mỹ ở Giồng Chát; cầu Mỹ Thanh 2 là cây cầu dài nhất hiện có của tỉnh Sóc Trăng (dài khoảng 650m); cánh đồng Năn là vùng đất huyền thoại về sự đổi đời, cũng như sự chinh phục những vùng đất ngập mặn; bãi biển Mỏ Ó nổi tiếng là bãi biển đẹp của Sóc Trăng vào những thập kỷ 1990; cảng cá Trần Đề; rừng ngập mặn là khu rừng phòng hộ lớn của tỉnh Sóc Trăng, có hệ sinh thái đa dạng, Lễ Ông hằng năm diễn ra lễ hội cúng Nghinh Ông mang đậm nét văn hóa dân gian... và một số chùa chiền như chùa Prék Koy Chás, chùa Ông Bôn, chùa Phật (chùa Hội Phước), Hưng Hội Tự ...